

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

VŨ THỊ PHƯỢNG

**KIỂM SOÁT HÀNG HÓA NHẬP KHẨU THÔNG QUAN
THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN NAY TỪ THỰC
TIỄN CÁC CỬA KHẨU BIÊN GIỚI VIỆT TRUNG**

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã số : 60.38.01.07

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
PGS.TS.HOÀNG PHƯỚC HIỆP**

Hà Nội, 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu ghi trong luận văn là trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Vậy tôi viết lời cam đoan này đề nghị Khoa Luật xem xét để tôi có thể bảo vệ Luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

NGƯỜI CAM ĐOAN

VŨ THỊ PHƯỢNG

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1.MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KIỂM SOÁT HÀNG HÓA NHẬP KHẨU THÔNG QUAN THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN NAY	4
1.1. Một số khái niệm cơ bản	4
1.2. Cơ chế điều chỉnh pháp luật hoạt động kiểm soát hàng hóa nhập khẩu thông quan	13
1.3. Vai trò, nội dung của kiểm soát hàng hóa nhập khẩu thông quan.....	19
1.4. Vấn đề kiểm soát hàng hóa nhập khẩu liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ.....	22
1.5. Các nhân tố tác động đến hoạt động kiểm soát hàng hóa nhập khẩu thông quan.....	27
1.6. Xu hướng vận động của quốc tế trong kiểm soát hàng hóa ở các nước	28
CHƯƠNG 2. THỰC TIỄN KIỂM SOÁT HÀNG HÓA THÔNG QUAN TẠI CỬA KHẨU BIÊN GIỚI VIỆT TRUNG	34
2.1. Tổng quan thực trạng kiểm soát hàng hóa tại biên giới Việt Trung	34
2.2. Chi tiết một số cửa khẩu cụ thể	37
CHƯƠNG 3. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ KIỂM SOÁT HÀNG HÓA NHẬP KHẨU THÔNG QUAN TẠI CỬA KHẨU BIÊN GIỚI VIỆT TRUNG	51
3.1. Sự cần thiết của hoàn thiện Pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực này	51
3.2. Quan điểm và định hướng quản lý hoạt động xuất nhập khẩu qua biên giới Việt - Trung	51
3.3. Giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam về kiểm soát hàng hóa nhập khẩu thông quan tại cửa khẩu biên giới Việt - Trung.....	54
KẾT LUẬN	76
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	77

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

HC	Hải quan
VPPL	Vi phạm pháp luật
GTGT	Giá trị gia tăng
SHTT	Sở hữu trí tuệ
EC	Ủy ban Châu Âu
SPCD	Kế hoạch Chiến lược ASEAN về Phát triển Hải quan
UNODC	Cơ quan Phòng chống ma túy và tội phạm Liên hợp quốc
XNK	Xuất nhập khẩu
VCIS	Hệ thống thông tin nghiệp vụ hải quan
V5	Hệ thống thông quan điện tử tập trung
RM	Hệ thống thông tin quản lý rủi ro
QLVP14	Hệ thống thông tin vi phạm
CI02	Hệ thống thu thập xử lý thông tin nghiệp vụ hải quan

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1	Số liệu hàng hóa nhập khẩu qua cửa khẩu (quốc tế, chính) tại các cửa khẩu biên giới Việt Nam – Trung Quốc	Tr.49
Bảng 2.2	Số liệu hàng hóa nhập khẩu qua cửa khẩu (phụ, lối mở) tại các cửa khẩu biên giới Việt Nam – Trung Quốc	Tr.50
Hình 3.1	Cơ chế phối hợp liên ngành các cấp nhằm tăng cường quản lý	Tr.81
Hình 3.2	Cơ chế phối hợp theo địa bàn nhằm tăng cường quản lý	Tr.82

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Với chủ trương hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, trong những năm qua, Việt Nam đã ký kết và tham gia vào hầu hết các tổ chức kinh tế trong khu vực cũng như trên thế giới như: cam kết gia nhập cộng đồng kinh tế các nước ASEAN (AEC) năm 2003 và trở thành thành viên vào năm 2015, ngày 31/12/2015 Cộng đồng AEC chính thức có hiệu lực; gia nhập Tổ chức thương mại thế giới WTO vào năm 2007. Cùng với đó, Việt Nam cũng đã ký kết nhiều hiệp định tự do thương mại, hiệp định kinh tế đa phương và song phương nhất là với khu vực châu Á - Thái Bình Dương như AFTA, AFTIGA; Hiệp định tự do thương mại với Liên minh hải quan (Nga, Belarus và Kazastan) được ký vào ngày 15/12/2014 và đã có hiệu lực; Ngày 04/2/2016, Việt Nam đã ký kết Hiệp định tự do thương mại đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và đang trong quá trình hoàn thành trước khi hiệp định TPP có hiệu lực. Như vậy, lực lượng Hải quan từ nhiệm vụ chính là thu thuế xuất nhập khẩu thì trong những năm tới nhiệm vụ chính sẽ là đảm bảo an ninh quốc gia, giữ gìn ổn định cho nền kinh tế và lợi ích cộng đồng, trong đó việc chủ động phòng ngừa, phát hiện ngăn chặn các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại và tham gia đấu tranh, ngăn chặn các tội phạm an ninh truyền thống như khủng bố, rửa tiền, ma túy, tội phạm môi trường, buôn bán phụ nữ, trẻ em... sẽ là nhiệm vụ trọng tâm của ngành Hải quan.

Đối với khu vực có đường biên giới với Trung Quốc, Việt Nam đã có bề dày trong quan hệ về kinh tế, tương đối am hiểu truyền thống, phong tục, văn hóa, thị hiếu của các thị trường vùng biên. Hơn nữa, Trung Quốc là thị trường rộng lớn, tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, thị trường của Trung Quốc khu vực biên giới giáp Việt Nam không quá khắt khe về chất lượng và khá thuận lợi về mặt địa lý, do đó có điều kiện để mở rộng quan hệ kinh tế, đặc biệt là hoạt động thương mại và đầu tư.

Tuy nhiên, do những đặc thù về mặt địa hình, cấu trúc thương mại và kinh tế, tính chất thương mại qua biên giới đường bộ của Việt Nam và Trung Quốc nên hoạt động xuất nhập khẩu qua biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc có nhiều điểm khác biệt và thách thức nhất định. Chính vì vậy, hoạt động thương mại qua biên giới cũng có nhiều hình thức và nội dung đặc thù và biến động rất đa dạng và phụ thuộc nhiều yếu tố tác động về cả kinh tế xã hội và chính trị. Những khác biệt này đã tạo ra những thách thức và rủi ro cho công tác quản lý hoạt động thương mại biên giới này, đặc biệt càng trở thành phức tạp và khó lường trong môi trường không ổn định

của kinh tế thế giới và tình hình buôn lậu và gian lận thương mại ngày càng gia tăng.

Chính vì vậy, đề tài “*Kiểm soát hàng hóa nhập khẩu thông quan theo pháp luật Việt Nam hiện nay từ thực tiễn các cửa khẩu biên giới Việt Trung*” được xây dựng nhằm tổng kết, đánh giá, đưa ra giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác quản lý hàng hóa nhập khẩu thông quan qua biên giới Việt Nam – Trung Quốc của Hải quan Việt Nam và các Bộ, Ngành liên quan nhằm thúc đẩy quan hệ hợp tác hai bên lên một tầm cao mới, góp phần quản lý tốt hoạt động nhập khẩu hàng hóa, đảm bảo nguồn thu, chống buôn lậu, gian lận thương mại. Điều này phù hợp với xu thế chung của thế giới và khu vực là hòa bình, hợp tác và phát triển, đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân mỗi nước, trong đó cộng đồng doanh nghiệp, cư dân biên giới hai bên là cầu nối quan trọng cho hai bên cùng xây dựng biên giới Việt – Trung thành đường biên giới hữu nghị hòa bình, phát triển ổn định và ổn định lâu dài.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Nội dung nghiên cứu về giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu qua biên giới Việt - Trung chưa có đề tài nào nghiên cứu. Vì vậy đề tài “*Kiểm soát hàng hóa nhập khẩu thông quan theo pháp luật Việt Nam hiện nay từ thực tiễn các cửa khẩu biên giới Việt - Trung*” không có sự trùng lặp với những đề tài đã nghiên cứu trước đó.

Các nước trên thế giới bao gồm các nước phát triển và đang phát triển đều rất quan tâm đến vấn đề quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu qua biên giới. Song, cho đến nay chưa có một đề tài, dự án nước ngoài nào nghiên cứu về đề tài này.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Đề tài “*Kiểm soát hàng hóa nhập khẩu thông quan theo pháp luật Việt Nam hiện nay từ thực tiễn các cửa khẩu biên giới Việt - Trung*” có mục tiêu tổng quát là cơ sở để hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật phục vụ công tác quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu qua biên giới Việt Nam – Trung Quốc.

Mục tiêu cụ thể nhằm tổng kết được hệ thống cơ sở pháp lý cho hoạt động thương mại biên giới Việt –Trung, từ đó đánh giá được thực trạng công tác quản lý hàng hóa nhập khẩu qua biên giới và đưa ra được hệ thống giải pháp quản lý có hiệu quả hàng hóa xuất nhập khẩu qua biên giới. Tránh thất thoát nguồn thu từ thuế cho nhà nước cũng như chất lượng hàng hóa xuất nhập khẩu giữa 2 nước.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là các văn bản pháp lý quốc tế và Việt Nam liên quan đến công tác quản lý hàng hoá nhập khẩu qua biên giới Việt Nam – Trung Quốc, thực trạng công tác này trong thời gian từ 2011 đến 2015.

Phạm vi nghiên cứu chủ yếu đề cập, tập trung phân tích các hoạt động trong quan hệ phối hợp giữa Tổng cục Hải quan (Bộ Tài chính) với các ngành chức năng, cơ quan quản lý tại cửa khẩu trong việc quản lý hàng hóa nhập khẩu thông quan.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng phương pháp nghiên cứu lý thuyết bao gồm phân tích, so sánh pháp luật, tổng hợp lý thuyết, xuất phát từ nghiên cứu cơ sở lý luận chung, cơ sở pháp lý thực tế kết hợp với phương pháp nghiên cứu thực tiễn để phân tích các kết quả số liệu thống kê từ hoạt động nhập khẩu trên các tuyến thông thương biên giới Việt - Trung. Đề tài tổng hợp và đưa ra các kết luận khách quan từ thực tiễn để xây dựng các giải pháp khả thi cho hoạt động này.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Ý nghĩa khoa học: Là cơ sở khoa học và logic góp phần hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý nhà nước về hải quan và quản lý hoạt động thương mại qua biên giới Việt - Trung.

Ý nghĩa thực tiễn: Đưa ra cách giải quyết nhiệm vụ thực tiễn công tác quản lý hàng hóa nhập khẩu, đồng thời nâng cao hiệu quả chống buôn lậu và gian lận thương mại qua biên giới Việt – Trung một cách có hệ thống, hiệu quả và chủ động. Làm lành mạnh hoá các quan hệ kinh tế trong cả đầu tư, sản xuất, kinh doanh thương mại, thu hút đầu tư nước ngoài, khuyến khích sản xuất, kinh doanh thương mại hợp pháp.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài mở đầu, kết luận, phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung chính của đề tài được kết cấu thành 3 chương.

Chương 1. Một số vấn đề lý luận cơ bản về kiểm soát hàng hóa nhập khẩu thông quan theo pháp luật Việt Nam hiện nay

Chương 2. Thực tiễn kiểm soát hàng hóa thông quan tại cửa khẩu biên giới Việt – Trung.

Chương 3. Phương hướng và giải pháp hoàn thiện Pháp luật Việt Nam về kiểm soát hàng hóa nhập khẩu thông quan tại cửa khẩu biên giới Việt – Trung.

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KIỂM SOÁT HÀNG HÓA NHẬP KHẨU THÔNG QUAN THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN NAY

1.1. Một số khái niệm cơ bản

1.1.1. *Khái niệm hàng hóa trong thương mại quốc tế*

Hàng hóa là một khái niệm quan trọng được nghiên cứu trong nền kinh tế áp dụng phương thức sản xuất hàng hóa. Trong đó, sản xuất hàng hóa là sản xuất ra sản phẩm để bán. Nói theo cách khác, sản xuất hàng hóa là kiểu tổ chức sản xuất trong đó sản phẩm làm ra không phải chỉ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của chính người trực tiếp sản xuất mà là để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội, thông qua việc trao đổi và mua bán. Trên thực tế, Hàng hóa được định nghĩa theo nhiều cách khác nhau tùy thuộc vào cách thức và mục đích tiếp cận và nghiên cứu.

Thứ nhất, theo cách tiếp cận kinh tế chính trị học của Mác-Lênin thì Hàng hóa là sản phẩm của lao động xã hội, được sản xuất ra nhằm mục đích thỏa mãn nhu cầu của con người và phải được trao đổi, mua bán trên thị trường. Hàng hóa có thể ở dạng hữu hình hoặc ở dạng vô hình. Hàng hóa có hai thuộc tính cơ bản là: giá trị sử dụng và giá trị.

Trong đó, giá trị sử dụng của hàng hoá là công dụng của hàng hóa để thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người. Bất cứ hàng hoá nào cũng có một hay một số công dụng nhất định. Chính công dụng này làm cho hàng hoá có giá trị sử dụng. Xu hướng sản xuất hiện đại thì số công dụng tích hợp trên mỗi hàng hóa ngày càng ra tăng, ví dụ như: điện thoại di động, máy tính bảng.

Giá trị của hàng hoá là lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa. Giá trị được biểu hiện ra bên ngoài thông qua giá trị trao đổi trong mua bán hàng hóa giữa bên mua và bên bán. Hay nói cách khác, giá trị trao đổi chỉ là hình thức biểu hiện ra bên ngoài của giá trị, giá trị là nội dung, là cơ sở của giá trị trao đổi. Đồng thời, giá trị biểu hiện mối quan hệ giữa những người sản xuất hàng hoá. Chính vì vậy, giá trị là một phạm trù lịch sử, chỉ tồn tại trong kinh tế hàng hoá.

Thứ hai, Hàng hóa theo Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/06/2012 là tài sản có thể trao đổi, mua, bán trên thị trường có khả năng thỏa mãn nhu cầu của con người, bao gồm các loại động sản và bất động sản.

Thứ ba, theo Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 thì hàng hóa là đối tượng chính của hoạt động thương mại được thực hiện bởi các thương nhân, các tổ chức và cá nhân. Theo khoản 1 và 2 điều 3 thì “Hoạt động thương mại là hoạt động nhằm mục đích sinh lợi, bao gồm mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ, đầu tư, xúc tiến thương mại và các hoạt động nhằm mục đích sinh lợi khác”. Và “Hàng hóa bao gồm: a) Tất cả các loại động sản, kể cả động sản hình thành trong tương lai; b) Những vật gắn liền với đất đai”.

Hàng hóa là đối tượng của hoạt động thương mại dưới hình thức mua bán hàng hóa. Theo khoản 8 điều 3 thì “Mua bán hàng hoá là hoạt động thương mại, theo đó bên bán có nghĩa vụ giao hàng, chuyển quyền sở hữu hàng hóa cho bên mua và nhận thanh toán; bên mua có nghĩa vụ thanh toán cho bên bán, nhận hàng và quyền sở hữu hàng hoá theo thỏa thuận”.

Thứ tư, theo Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 06 năm 2014 thì hàng hóa được định nghĩa cụ thể hơn nhằm phục vụ cho các nghiệp vụ kiểm tra, giám sát và kiểm soát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu vào lãnh thổ Việt Nam. Khoản 6 điều 4 qui định rõ: “Hàng hóa bao gồm động sản có tên gọi và mã số theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam được xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hoặc được lưu giữ trong địa bàn hoạt động hải quan”.

Như vậy, so với định nghĩa hàng hóa theo Luật thương mại, Luật Giá thì định nghĩa hàng hóa theo Luật hải quan có phạm vi hẹp hơn, chỉ xét đến các động sản có tên gọi và mã số theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam được xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hoặc được lưu giữ trong địa bàn hoạt động hải quan mà không xét tới bất động sản.

Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của các quốc gia, hàng hóa tham gia vào hoạt động thương mại quốc tế hay vượt ra khỏi lãnh thổ Hải quan quốc gia để tham gia vào hoạt động thương mại tại một quốc gia khác thì hàng hóa lúc này sẽ có hình thái mới đó chính là hàng hóa xuất khẩu hoặc hàng hóa nhập khẩu.

Công ước HS (Harmonized Commodity description and coding system) gọi đầy đủ là “Công ước quốc tế về hệ thống hài hòa mô tả và mã số hàng hóa được Tổ chức hải quan thế giới (WCO) thông qua tại Brussel năm 1983, có hiệu lực 01/01/1988 và đã trải qua 5 lần sửa đổi. Việt Nam đã ký công ước HS từ năm 1998.

Công ước HS ra đời là công cụ pháp lý hữu hiệu nhất đảm bảo cho hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa được khả thi trên thực tế. Bất cứ sản phẩm nào được liệt kê, mô tả, mã hóa trong phụ lục HS thì sản phẩm đó được thừa nhận là hàng hóa và danh mục hàng hóa XNK của Việt Nam đều dựa vào phụ lục của công ước HS.

Công ước Kyoto [27] sửa đổi 1999 của WCO đã đưa ra các khái niệm và định nghĩa về hàng hóa lưu thông tự do, hàng hóa xuất khẩu có xác định việc nhập khẩu để đề cập đến hàng hóa nhập hay xuất khỏi lãnh thổ hải quan quốc gia.

Khoản E4 chương 2 phụ lục A “Hàng hóa lưu thông tự do ở đây được hiểu là hàng hóa không còn chịu sự quản lý của Hải quan”.

Khoản E3 chương 2 phụ lục A ‘Hàng hóa xuất khẩu có xác định việc nhập khẩu trở lại là hàng hóa được người khai báo xác định việc nhập khẩu lại, trong đó cơ quan hải quan sẽ tiến hành những biện pháp xác định hàng hóa để tạo điều kiện dễ dàng hơn cho việc tái nhập hàng hóa nguyên trạng.’

Trong khi đó, Luật Thương mại Việt Nam số 36/2005/QH11 đề cập đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa trong quan hệ thương mại quốc tế. Tại khoản 1 điều 28 quy định rõ: “Xuất khẩu hàng hóa là việc hàng hoá được đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc đưa vào khu vực đặc biệt nằm trên lãnh thổ Việt Nam được coi là khu vực hải quan riêng theo quy định của pháp luật.’

Và tại khoản 2 điều 28 quy định “Nhập khẩu hàng hóa là việc hàng hoá được đưa vào lãnh thổ Việt Nam từ nước ngoài hoặc từ khu vực đặc biệt nằm trên lãnh thổ Việt Nam được coi là khu vực hải quan riêng theo quy định của pháp luật”.

Không phải bất kỳ hàng hóa nào cũng được phép xuất khẩu, nhập khẩu mà những hàng hóa xuất, nhập khẩu phải được phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Khoản 3 điều 28 thể hiện “Căn cứ vào điều kiện kinh tế - xã hội của từng thời kỳ và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, Chính phủ quy định cụ thể danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và thủ tục cấp giấy phép”.

Căn cứ vào mục đích hoạt động nhập khẩu, hàng hóa mà có thể phân chia hàng hóa thành 3 nhóm:

Nhóm 1: “Hàng hóa mậu dịch, là hàng hóa nhập khẩu nhằm mục đích kinh doanh, vì mục tiêu lợi nhuận, bao gồm: Hàng hóa nhập khẩu của các tổ chức, cá nhân được phép mua bán, trao đổi, vay nợ với nước ngoài; Hàng hóa nhập khẩu của các tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư vào Việt Nam, hàng hóa nhập khẩu của các nhà đầu tư trong nước theo Luật Đầu tư; Hàng hóa từ khu phi thuế quan NK vào thị trường Việt Nam”. Khu phi thuế quan bao gồm: khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất, kho bảo thuế, khu bảo thuế, kho ngoại quan, khu kinh tế thương mại đặc biệt, khu thương mại công nghiệp và các khu vực kinh tế khác được thành lập theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, có quan hệ mua bán trao đổi hàng hóa giữa khu này với bên ngoài là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu.

Nhóm 2: “Hàng hóa phi mậu dịch là hàng hóa nhập khẩu không vì mục đích kinh doanh, gồm: Hàng hóa tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập để tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm; Hàng hóa là tài sản di chuyển của tổ chức, cá nhân Việt Nam được phép đưa ra nước ngoài để kinh doanh và làm việc khi hết thời hạn nhập khẩu lại Việt Nam; hàng hóa là tài sản di chuyển của gia đình, cá nhân người Việt Nam định cư ở nước ngoài được phép về Việt Nam định cư; Hàng hóa là quà biếu, quà tặng”.

Nhóm 3: “Hàng hóa nhập khẩu tiểu ngạch qua biên giới Việt Nam”, tức là hàng hóa được trao đổi, mua bán ngay tại cửa khẩu, biên giới giữa cư dân của hai nước ở vùng biên giới, cửa khẩu.

1.1.2. Khái niệm kiểm soát hải quan

Trước đây, khái niệm kiểm soát hải quan được hiểu thuần túy là hoạt động chống buôn lậu, gian lận thương mại của lực lượng hải quan. Trong một thời gian khá dài, kiểm soát hải quan đồng nghĩa với công tác phòng chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới. Mặc dù có nhiều sự phân tích khác nhau, nhưng công tác kiểm soát cũng là một mặt của công tác nghiệp vụ, được thực hiện bằng các biện pháp bí mật, điều tra, tuần tra kiểm soát kết hợp vận động quần chúng, phối hợp sử dụng các lực lượng và biện pháp trong và ngoài ngành hải quan để phát hiện, ngăn ngừa, điều tra, xử lý các hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, ngoại hối, tiền qua biên giới [26].

Theo Công ước của Tổ chức Hải quan thế giới (WCO) – Công ước về đơn giản hóa, hài hòa hóa thủ tục hải quan [28] thì Kiểm soát hải quan (Customs

control) là các biện pháp được cơ quan hải quan tiến hành nhằm đảm bảo thực thi pháp luật hải quan.

Theo Khoản 11, điều 4 Luật Hải quan số 54/QH13 ngày 23/6/2014 có khái niệm Kiểm soát hải quan là biện pháp tuần tra, điều tra, xác minh hoặc biện pháp nghiệp vụ khác do cơ quan hải quan áp dụng để phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới và hành vi khác vi phạm pháp luật về hải quan.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/1/2015 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan, tại Điều 101 – 104 quy định cụ thể các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan, gồm:

- Vận động quần chúng tham gia phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;

- Tuần tra hải quan;

- Thu thập, nghiên cứu thông tin về địa bàn, tuyến vận chuyển hàng hóa, vụ việc, hiện tượng, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh và người có liên quan;

- Thu thập, nghiên cứu thông tin về cá nhân có dấu hiệu hoạt động liên quan đến buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;

- Thu thập, xử lý thông tin trong nước và ngoài nước liên quan đến hoạt động hải quan. Cử cán bộ, công chức hải quan ra nước ngoài để xác minh, thu thập thông tin, tài liệu theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước Quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

- Tuyển chọn, xây dựng, sử dụng những người không thuộc biên chế của cơ quan hải quan để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;

- Bố trí công chức hải quan kiểm tra, giám sát, theo dõi diễn biến hoạt động của đối tượng buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;

- Sử dụng các phương tiện, kỹ thuật nghiệp vụ chuyên dụng theo quy định của pháp luật để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, theo dõi diễn biến, hoạt động của đối tượng buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.

Cơ quan hải quan có thể sử dụng kết hợp các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan, phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật phương tiện tiến hành biện pháp tuần tra trong địa bàn hoạt động hải quan để trong hoạt động phòng, chống buôn lậu, vận

chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới. Trong quá trình tuần tra cơ quan hải quan có quyền:

- Sử dụng đèn hiệu, cờ hiệu, pháo hiệu, loa, còi để ra hiệu lệnh;
- Tạm dừng phương tiện vận tải để khám xét phương tiện vận tải, hàng hóa chứa trên phương tiện vận tải khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật hải quan;
- Khám người, khám phương tiện vận tải, đồ vật theo quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính;
- Tạm giữ người, tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm theo quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính;
- Trong trường hợp lực lượng kiểm soát đang thực hiện nhiệm vụ tuần tra tại vùng nội thủy, lãnh hải mà phát hiện phương tiện vận tải có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì phát tín hiệu dừng phương tiện vận tải để kiểm tra theo quy định của Luật Biển Việt Nam. Qua kiểm tra, nếu phát hiện vi phạm pháp luật cần phải tiến hành khám xét thì phải đưa phương tiện vận tải về cảng hoặc vị trí neo đậu đảm bảo cho việc khám xét an toàn. Việc khám xét được thực hiện theo đúng quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Cơ quan hải quan được tạm hoãn việc khởi hành và dừng phương tiện vận tải nếu: nhận được tin tố giác về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới và xác định thông tin đó là có cơ sở; nhận được thông tin từ các cơ quan chức năng về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới hoặc yêu cầu dừng, hoãn khởi hành phương tiện từ các cơ quan đó; nhận được thông tin từ hải quan các nước về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; Trong khi tuần tra, kiểm soát hải quan, cơ quan hải quan phát hiện phương tiện vận tải có dấu hiệu buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; Phương tiện vận tải chở hàng hóa đang làm thủ tục hải quan, hàng hóa chưa được phép thông quan hoặc giải phóng hàng mà cố tình đưa ra khỏi khu vực kiểm soát hải quan; Khi có căn cứ cho rằng trên phương tiện vận tải có cất giấu hàng hóa trái phép, có dấu hiệu khác vi phạm pháp luật về hải quan.

Khi dừng phương tiện vận tải, công chức hải quan được sử dụng đèn hiệu, cờ hiệu, pháo hiệu, loa, còi để dừng phương tiện vận tải.

Trường hợp có căn cứ xác định hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới, phương tiện vận tải chở hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới đang di chuyển từ địa bàn hoạt động hải quan ra ngoài địa bàn hoạt động hải quan thì cơ quan hải quan tiếp tục truy đuổi để ngăn chặn, xử lý theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp có căn cứ cho rằng nếu không thực hiện ngay việc truy đuổi thì phương tiện vận tải, hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới có thể bị tẩu tán, tiêu hủy, công chức hải quan đang thi hành nhiệm vụ được thực hiện việc truy đuổi và báo cáo ngay với người có thẩm quyền.

Khi thực hiện truy đuổi phương tiện vận tải, hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới, công chức hải quan được dừng phương tiện vận tải.

Việc truy đuổi và dừng phương tiện vận tải, hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới phải được thông báo cho cơ quan công an, bộ đội biên phòng, cảnh sát biển, quản lý thị trường trên địa bàn để phối hợp, đồng thời áp dụng các biện pháp ngăn chặn, xử lý theo quy định của pháp luật.

Như vậy, nghiệp vụ kiểm soát hải quan là các nghiệp vụ do cơ quan hải quan tiến hành theo quy định (như thu thập thông tin trong nước và ngoài nước liên quan đến hoạt động hải quan; vận động quần chúng; điều tra nghiên cứu nắm tình hình; tuần tra kiểm soát, cơ sở bí mật, suu tra, đấu tranh chuyên án; trinh sát nội tuyến, trinh sát ngoại tuyến, trinh sát kỹ thuật; các biện pháp ngăn chặn; tiến hành một số hoạt động điều tra theo thẩm quyền quy định tại Bộ Luật Tố tụng hình sự năm 2003 được sửa đổi, bổ sung năm 2015 và Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự năm 2004 nay được thay thế bằng Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015 để thực hiện nhiệm vụ phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; phòng, chống buôn bán, vận chuyển trái phép ma túy; chống hàng giả và thực thi bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực hải quan; phòng, chống khủng bố, rửa tiền và các hành vi khác vi phạm pháp luật hải quan.

1.1.3. Khái niệm thông quan hàng hóa.

Theo định nghĩa tại chương 2 công ước Kyoto: “Thủ tục hải quan là tất cả các hoạt động mà cơ quan Hải quan và những người có liên quan phải thực hiện nhằm đảm bảo sự tuân thủ pháp luật Hải quan”.

Theo quy định tại khoản 22, điều 4 của Luật Hải quan: “Thủ tục hải quan là các công việc mà người khai Hải quan và công chức hải quan phải thực hiện theo quy định của Luật này đối với hàng hóa, phương tiện vận tải”. Như vậy người khai hải quan phải có trách nhiệm khai tờ khai hải quan, cơ quan hải quan phải tiếp nhận hồ sơ hải quan và tiến hành phân tích, xử lý thông tin để đưa ra mức độ kiểm tra từ miễn kiểm tra tới kiểm tra toàn bộ hồ sơ và kiểm tra hàng hóa.

Theo Khoản 21, điều 4 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 *Thông quan* là việc hoàn thành các thủ tục hải quan để hàng hóa được nhập khẩu, xuất khẩu hoặc đặt dưới chế độ quản lý nghiệp vụ hải quan khác.

Điều 37 Luật Hải quan quy định cụ thể thủ tục thông quan, theo đó

(i) Hàng hóa được thông quan sau khi đã hoàn thành thủ tục hải quan.

(ii) Trường hợp người khai hải quan đã hoàn thành thủ tục hải quan nhưng chưa nộp, nộp chưa đủ số thuế phải nộp trong thời hạn quy định thì hàng hóa được thông quan khi được tổ chức tín dụng bảo lãnh về số tiền thuế phải nộp hoặc được áp dụng thời hạn nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

(iii) Trường hợp chủ hàng hóa bị xử phạt vi phạm hành chính về hải quan bằng hình thức phạt tiền và hàng hóa đó được phép xuất khẩu, nhập khẩu thì hàng hóa có thể được thông quan nếu đã nộp phạt hoặc được tổ chức tín dụng bảo lãnh về số tiền phải nộp để thực hiện quyết định xử phạt của cơ quan hải quan hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

(iv) Đối với hàng hóa phải kiểm tra, phân tích, giám định để xác định có đủ điều kiện được xuất khẩu, nhập khẩu, cơ quan hải quan chỉ thực hiện thông quan hàng hóa sau khi xác định hàng hóa được xuất khẩu, nhập khẩu trên cơ sở kết luận kiểm tra, phân tích, giám định hoặc thông báo miễn kiểm tra của cơ quan kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật.

(v) Hàng hóa phục vụ yêu cầu khẩn cấp; hàng hóa chuyên dùng phục vụ an ninh, quốc phòng; túi ngoại giao, túi lãnh sự, hành lý của cơ quan, tổ chức, cá nhân được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ được thông quan theo quy định tại Điều 50 và Điều 57 của Luật Hải quan.

Điều 34 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định hàng hóa được thông quan trong các trường hợp sau:

- Hàng hóa được thông quan sau khi đã hoàn thành thủ tục hải quan;
- Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được thông quan khi được xác định:

Được áp dụng thời hạn nộp thuế theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Quản lý thuế và hướng dẫn tại Điều 42 Thông tư số 38/2015/TT-BTC; hoặc

Thuộc diện phải nộp thuế trước khi thông quan mà chưa nộp, hoặc nộp chưa đủ số tiền thuế phải nộp nhưng được tổ chức tín dụng bảo lãnh số tiền thuế phải nộp.

- Thiếu một số chứng từ thuộc hồ sơ hải quan nhưng được Chi cục trưởng Chi cục Hải quan đồng ý cho gia hạn thời gian nộp bản chính theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP;

- Hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành được thông quan khi hoàn thành nghĩa vụ về thuế theo quy định và có một trong các chứng từ: Giấy thông báo miễn kiểm tra; Kết quả kiểm tra chuyên ngành đáp ứng yêu cầu quản lý đối với hàng hóa nhập khẩu của cơ quan kiểm tra chuyên ngành; Kết luận của cơ quan quản lý chuyên ngành hoặc quyết định xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với lô hàng được phép nhập khẩu.

- Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chưa nộp thuế, trong thời gian chờ làm thủ tục xét miễn, miễn thuế, không thu thuế được thông quan trong trường hợp sau:

Hàng hóa phục vụ trực tiếp an ninh, quốc phòng, nộp đủ tiền thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác theo quy định của pháp luật (nếu có);

Hàng hóa phòng chống thiên tai, dịch bệnh, cứu trợ khẩn cấp; hàng viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại nộp đủ các loại thuế có liên quan theo quy định của pháp luật đối với trường hợp thuộc đối tượng chịu thuế;

Hàng hóa được thanh toán bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về số tiền thuế chưa được thanh toán từ ngân sách nhà nước.

Hiện nay, ngành Hải quan đang áp dụng hệ thống thông quan điện tử tự động (Vietnam Automated Cargo Clearance System - VNACCS) và hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin tình báo (Vietnam Customs Intelligent Database System - VCIS) gọi

tất là hệ thống VNACCS/VCIS [29] do Nhật Bản tài trợ cho Hải quan Việt Nam góp phần mang lại nhiều lợi ích hơn nữa cho người sử dụng gồm: người dân, doanh nghiệp và cả cơ quan hải quan. VNACCS được thiết kế để mở rộng các thủ tục liên quan đến quy trình thủ tục hải quan như thủ tục đăng kí danh mục miễn thuế, thủ tục áp dụng chung cho cả hàng hóa mậu dịch và phi mậu dịch, thủ tục đơn giản đối với hàng trị giá thấp, quản lí hàng tạm nhập tái xuất... VNACCS cũng hoàn thiện chức năng tính thuế tự động bằng cách áp dụng việc đăng kí các chỉ tiêu dữ liệu; bổ sung phương thức nộp thuế thông qua ngân hàng hoặc bảo lãnh thuế thay bảo lãnh tự động trừ lùi, khôi phục tương ứng với số thuế đã nộp; rút ngắn thời gian làm thủ tục bằng cơ chế phân luồng tự động; tăng cường kết nối các bộ, ngành thông qua cơ chế một cửa quốc gia (NSW); hạn chế sử dụng hồ sơ giấy thông qua áp dụng chữ ký điện tử...

1.2. Cơ chế điều chỉnh pháp luật hoạt động kiểm soát hàng hóa nhập khẩu thông quan

1.2.1. Lý luận nhà nước và pháp luật về cơ chế điều chỉnh pháp luật

Nhà nước ta nêu cao tinh thần hòa bình, bởi vậy trong chính sách đối ngoại luôn có hai chữ “hòa bình”. Nếu trước đây Việt Nam chú trọng nhiều hơn đến các nước có cùng chế độ chủ nghĩa xã hội thì ngày nay chủ trương hợp tác với tất cả các nước, chủ động hội nhập, giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội có tính chất toàn cầu trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, và cùng có lợi, bảo vệ và thúc đẩy sản xuất trong nước. Trong quá trình đó Việt Nam đã chuyển từ nền kinh tế kế hoạch tập trung, bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chuyển từ nền kinh tế ít thành phần, khép kín, nhập khẩu là chủ yếu sang nền kinh tế nhiều thành phần, kinh tế mở, chủ động mở cửa và hội nhập kinh tế.

Nghị quyết Đại hội Đảng XI (2011-2015) của Đảng ta đã đề ra đường lối đối ngoại của Việt Nam trong thời kỳ phát triển mới, nhấn mạnh vai trò của hội nhập quốc tế được mở rộng và ngày càng đi vào chiều sâu; góp phần quan trọng vào việc tăng cường nguồn lực cho phát triển, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Báo cáo chính trị của Đảng ta đã khẳng định sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng rút ra kinh nghiệm “chủ động, tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ, lấy lợi ích quốc gia - dân tộc làm mục tiêu cao nhất,

đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”. Từ “*hội nhập kinh tế quốc tế*” của kỳ đại hội trước chuyển sang “*hội nhập quốc tế*” một cách toàn diện là một phát triển quan trọng về tư tưởng của Đảng ta tại Đại hội XII. Đại hội Đảng XII cũng đã xác định mục tiêu, nhiệm vụ của đối ngoại, nâng cao hiệu quả của các hoạt động đối ngoại, tiếp tục đưa các mối quan hệ hợp tác đi vào chiều sâu, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đối ngoại đa phương, chủ động và tích cực đóng góp xây dựng, định hình các thể chế đa phương. Tiếp tục hoàn thành việc phân định biên giới trên bộ, chú trọng phát triển quan hệ hợp tác, hữu nghị, truyền thông với các nước láng giềng. Từ đó nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế, xây dựng và triển khai chiến lược tham gia các khu vực mậu dịch tự do với các đối tác kinh tế, thương mại quan trọng. Ngày 10/04/2013, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 22-NQ/Tv về hội nhập quốc tế. Đây là văn kiện quan trọng, có ý nghĩa chiến lược, làm rõ và thống nhất nhận thức trong toàn Đảng, toàn Dân về hội nhập quốc tế. Nghị quyết đã xác định rõ hội nhập quốc tế sẽ được triển khai sâu rộng trên mọi lĩnh vực.

Nằm trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, Sau khi gia nhập WTO, Việt Nam đã ký kết và triển khai thực hiện 10 Hiệp định thương mại tự do (FTAs) song phương và đa phương với các đối tác lớn như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Úc - Niuzilan và Chile, khối nước liên minh kinh tế Á - Âu bao gồm Nga, Armenia, Belarus, Kazakhstan và Kyrgyzstan. Hiện nay, Việt Nam đã ký kết Hiệp định đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP).

Nhằm củng cố và phát triển quan hệ láng giềng hữu nghị, thúc đẩy phát triển thương mại và qua lại của nhân dân hai nước, Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Trung Quốc đã ký 3 văn kiện pháp lý về biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc vào ngày 18 tháng 11 năm 2009 tại Bắc Kinh - Trung Quốc và có hiệu lực từ ngày 14/7/2010. Ba văn kiện pháp lý biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc bao gồm: Một là Nghị định thư phân giới cắm mốc, đính kèm bộ bản đồ địa hình khu vực biên giới Việt - Trung; tập “Bảng đăng ký mốc giới”, tập “Bảng toạ độ, độ cao mốc giới” và tập “Bảng quy thuộc các cồn, bãi trên sông suối biên giới”; Hai là Hiệp định về quy chế quản lý biên giới; Ba là Hiệp định về cửa khẩu và quy chế quản lý cửa khẩu biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc [30].

Ngày 26/11/2003, tại Hà Nội, Tổng cục Hải quan nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Tổng cục Hải quan nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa đã ký thoả thuận phát triển và tăng cường hợp tác và hỗ trợ [6] giúp đỡ nhau trong lĩnh vực hải quan. Theo tinh thần của nội dung thoả thuận này, Hải quan hai nước tìm cách tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau thông qua việc trao đổi thông tin, và thoả thuận hợp tác về chống buôn lậu. Trên cơ sở tôn trọng lợi ích, chủ quyền quốc gia, đồng thời căn cứ vào quyền hạn và khả năng của mỗi bên, Tổng cục Hải quan của hai nước nhất trí hỗ trợ lẫn nhau nhằm ngăn chặn, điều tra và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật hải quan, đặc biệt là buôn lậu qua biên giới, đảm bảo trật tự, an toàn, tạo thuận lợi cho lưu thông hàng hoá hợp pháp, hành lý của hành khách xuất nhập cảnh, thúc đẩy mạnh việc trao đổi kinh tế cũng như thương mại giữa hai nước. Thoả thuận cũng nhấn mạnh, đối với những vụ buôn lậu lớn, nếu cần thiết, khi một bên yêu cầu, bên còn lại trong khả năng, quyền hạn của mình sẽ xem xét tham gia phối hợp với bên yêu cầu trong việc xử lý các vụ việc đó. Khi công dân của một nước, thực hiện hành vi buôn lậu và gian lận thương mại trên lãnh thổ của nước khác thì áp dụng luật pháp của nước nơi xảy ra hành vi vi phạm để xử lý. Nếu không thể giúp đỡ được thì bên được yêu cầu nhanh chóng thông báo cho bên yêu cầu biết và nói rõ lý do từ chối thông báo trừ trường hợp bên được yêu cầu cho rằng việc giúp đỡ có thể xâm phạm tới chủ quyền, an ninh hoặc những lợi ích của quốc gia. Những thông tin được cung cấp chỉ dùng vào các mục đích phát hiện và xử lý vi phạm về buôn lậu và gian lận thương mại.

Đồng thời, trên nguyên tắc cùng có lợi, Hải quan hai nước đồng ý có những thoả thuận riêng về việc trao đổi các chuyên gia hải quan giữ hai nước, ngăn ngừa điều tra xử lý các vi phạm; đề ra các biện pháp cụ thể của việc hợp tác giúp đỡ nhau; Hải quan biên giới hai nước có thể định kỳ gặp gỡ để trao đổi về các vấn đề nghiệp vụ mà hai bên cùng quan tâm; và trên tinh thần hợp tác hữu nghị, giúp đỡ lẫn nhau sẽ tiến hành giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện thoả thuận. Hải quan hai nước, khi cần thiết sẽ xem xét gặp gỡ ở cấp Lãnh đạo Tổng cục để đánh giá tình hình thực hiện thoả thuận.

Với thoả thuận khung trên, cơ bản đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc phối hợp các hoạt động về nghiệp vụ hải quan như thông quan, xác định xuất xứ, chống buôn lậu và gian lận thương mại...

Bên cạnh các Hiệp định thương mại song phương, đa phương mà Việt Nam - Trung Quốc đều là thành viên, các thoả thuận hợp tác giữa lực lượng hải quan của hai nước, Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ban hành quyết định số 52/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 10 năm 2015 về việc quản lý hoạt động thương mại biên giới với các nước có chung biên giới, gồm: hoạt động mua bán hàng hóa qua biên giới của thương nhân; hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới; hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu và chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu; dịch vụ hỗ trợ thương mại tại khu vực cửa khẩu, lối mở biên giới. Quyết định quy định Hàng hóa mua bán qua biên giới của thương nhân phải đáp ứng các quy định tại Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài. Chủ thể được xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới gồm các Doanh nghiệp, đơn vị thuộc các thành phần kinh tế đăng ký, thành lập theo Luật pháp Việt Nam và Hộ kinh doanh thuộc các tỉnh tiếp giáp biên giới đăng ký theo quy định của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

Ngày 25 tháng 7 năm 2013, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 45/2013/QĐ-TTg ban hành quy chế điều hành hoạt động tại các cửa khẩu biên giới đất liền. Theo đó Quy chế áp dụng cho các cửa khẩu quốc tế và cửa khẩu chính (hay cửa khẩu quốc gia hoặc cửa khẩu song phương) trên biên giới đất liền. Quy chế quy định: Thống nhất quản lý hoạt động của các lực lượng chức năng chuyên ngành tại cửa khẩu; Quản lý các dịch vụ hỗ trợ thương mại tại cửa khẩu; Phối hợp với chính quyền địa phương và cơ quan quản lý cửa khẩu của nước có chung biên giới; Quy định cụ thể hoạt động của Ban Quản lý cửa khẩu.

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện chức năng quản lý hành chính, chuyên ngành tại khu vực cửa khẩu. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động liên quan đến xuất nhập khẩu hàng hóa, xuất nhập cảnh người, phương tiện giao thông vận tải và các hoạt động khác tại cửa khẩu. Các tổ chức, cá nhân

khác có liên quan đến công tác quản lý và điều hành hoạt động tại cửa khẩu là những đối tượng tham gia thực hiện quy chế. Theo quy chế, Bộ đội biên phòng, Hải quan và các lực lượng chức năng khác tại cửa khẩu thực hiện hoạt động quản lý chuyên ngành theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước Thủ trưởng cơ quan quản lý cấp trên của mình về hoạt động quản lý chuyên ngành. Ban Quản lý cửa khẩu điều hành việc phối hợp thống nhất các hoạt động chuyên ngành của các lực lượng chức năng tại cửa khẩu đảm bảo sự đồng bộ, có trật tự, có nề nếp theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính.

Luật Hải quan quy định Hải quan Việt Nam có nhiệm vụ thực hiện kiểm tra, giám sát hàng hoá, phương tiện vận tải; phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới; tổ chức thực hiện pháp luật về thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu. Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phải được làm thủ tục hải quan, chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan; vận chuyển đúng tuyến đường, qua cửa khẩu hoặc các địa điểm khác theo quy định của pháp luật. Kiểm tra, giám sát hải quan được thực hiện trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro nhằm đảm bảo quản lý nhà nước về hải quan và tạo thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh. Thủ tục hải quan phải được thực hiện công khai, nhanh chóng, thuận tiện và theo đúng quy định của pháp luật.

Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 01 năm 2015 quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới. Trong đó quy định Phạm vi cụ thể địa bàn hoạt động hải quan tại khu vực cửa khẩu đường bộ, cửa khẩu biên giới đường thủy nội địa là các khu vực có ranh giới xác định tại một cửa khẩu được mở trên tuyến đường bộ, đường thủy nội địa trong khu vực biên giới đất liền.

1.2.2. Chủ thể trong cơ chế điều chỉnh pháp luật hoạt động kiểm soát hàng hóa nhập khẩu thông quan

Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải.

Cơ quan hải quan, công chức hải quan có quyền hạn và nhiệm vụ nhất định trong lĩnh vực này.

Điều 12 Luật Hải quan năm 2014 quy định nhiệm vụ của Hải quan trong lĩnh vực này như sau:

Hải quan Việt Nam có nhiệm vụ thực hiện kiểm tra, giám sát hàng hóa, phương tiện vận tải; phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; tổ chức thực hiện pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; kiến nghị chủ trương, biện pháp quản lý nhà nước về hải quan đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh và chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Cơ quan khác của Nhà nước có trách nhiệm phối hợp quản lý nhà nước về hải quan.

1.2.3. Đối tượng trong cơ chế điều chỉnh pháp luật hoạt động kiểm soát hàng hóa nhập khẩu thông quan

Đối tượng trong cơ chế điều chỉnh pháp luật hoạt động kiểm soát hàng hóa nhập khẩu thông quan bao gồm:

Hàng hóa: gồm hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, hành lý, ngoại hối, tiền Việt Nam của người xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, kim khí quý, đá quý, cổ vật, văn hóa phẩm, bưu phẩm, các tài sản khác xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hoặc lưu giữ trong địa bàn hoạt động hải quan.

Phương tiện vận tải: Bao gồm các phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt, đường hàng không, đường biển, đường song xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

1.2.4. Quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia cơ chế điều chỉnh pháp luật hoạt động kiểm soát hàng hóa nhập khẩu thông quan

Điều 87 Luật Hải quan 2014 quy định nhiệm vụ của Hải quan trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới như sau:

Điều 88 Luật Hải quan 2014 quy định phạm vi trách nhiệm phòng, chống

Điều 89 Luật Hải quan 2014 quy định thẩm quyền của cơ quan hải quan trong việc áp dụng các biện pháp phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.

Điều 90 Luật Hải quan 2014 quy định thẩm quyền của cơ quan hải quan, công chức hải quan trong việc xử lý hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới. Trường hợp có căn cứ cho rằng có hành vi buôn lậu, vận chuyển

trái phép hàng hóa qua biên giới, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát thuộc Cục Hải quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát chống buôn lậu và Hải đội trưởng Hải đội Kiểm soát trên biển thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu có thẩm quyền dừng phương tiện vận tải, tạm giữ người, áp giải người vi phạm. Trình tự, thủ tục tạm giữ người, áp giải người vi phạm theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính.

Điều 91 Luật Hải quan 2014 quy định quyền và nghĩa vụ của tổ chức và cá nhân liên quan trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới

Điều 92 Luật Hải quan 2014 quy định về trang bị và sử dụng trang thiết bị kỹ thuật, phương tiện phục vụ phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới. Theo đó, cơ quan hải quan, công chức hải quan được trang bị, sử dụng các phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ, vũ khí, công cụ hỗ trợ, cờ hiệu, pháo hiệu, đèn hiệu, thiết bị quan sát, soi chiếu, công nghệ sinh hóa, thiết bị cơ khí, điện, điện tử và các phương tiện khác theo quy định của pháp luật để thực hiện nhiệm vụ phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới. Việc trang bị, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ phải theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

Trong trường hợp cần thiết, cơ quan hải quan, công chức hải quan trực tiếp làm nhiệm vụ chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới được yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân phối hợp lực lượng, hỗ trợ phương tiện, cung cấp thông tin; nếu phương tiện được hỗ trợ bị thiệt hại thì cơ quan hải quan phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

1.3. Vai trò, nội dung của kiểm soát hàng hóa nhập khẩu thông quan

1.3.1. Vai trò của kiểm soát hàng hóa nhập khẩu.

- Kiểm soát đóng vai trò quan trọng trong hoạt động thương mại biên giới do đặc thù kinh tế phức tạp, đa dạng về chủng loại hàng hóa cũng như đối tượng tham gia giao thương.

1.3.2. Nội dung của kiểm soát hàng hóa nhập khẩu thông quan.

Kiểm soát hàng hóa nhập khẩu gồm 2 nội dung, thứ nhất kiểm soát về chính sách thuế, thứ hai kiểm soát về chính sách quản lý hàng hóa.

- Chính sách quản lý thuế: Trên tinh thần chung là hội nhập kinh tế thế giới, thực hiện điều ước cũng như công ước mà Việt Nam ký kết; đặc biệt là công ước Kyoto của tổ chức Hải quan thế giới về cắt giảm thuế quan theo lộ trình của từng giai đoạn. Hiện nay hàng hóa nhập khẩu vẫn được chi phối bởi Luật Thuế xuất khẩu, nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/04/2016, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thuế giá trị gia tăng.

- Chính sách quản lý hàng hóa: hàng hóa nhập khẩu về Việt Nam được chia thành hai loại hàng hóa, thứ nhất hàng hóa thông thương không có điều kiện, thứ hai hàng hóa nhập khẩu có điều kiện. Hàng hóa nhập khẩu có điều kiện được điều tiết bởi chính sách quản lý hàng hóa về giấy phép nhập khẩu, công bố sản phẩm hợp qui, đăng ký kiểm tra nhà nước, đăng ký kiểm dịch động thực vật... của các Bộ Ngành "Bộ Công thương, Bộ Y tế, Bộ Truyền thông thông tin, Bộ khoa học công nghệ...". Thể chế bằng các văn bản Luật, Nghị định...

1.3.3 Phương thức, công cụ của nội dung kiểm soát hàng hóa nhập khẩu thông quan tại các địa bàn trên toàn quốc theo quy định của pháp luật, bao gồm:

Kiểm soát hàng hóa nhập khẩu dần đẩy mạnh về quản lý rủi ro, cụ thể xây dựng các tiêu chí rủi ro ngày càng chi tiết, sát với tình hình thực tế của từng mặt hàng, từng vùng, từng khu vực, từ đó có những cảnh báo sớm về tình hình hàng hóa nhập khẩu. Tiếp theo là chú trọng khâu hậu kiểm, kiểm tra sau khi thông quan tại trụ sở Doanh nghiệp.

Về công cụ của kiểm soát áp dụng đầy đủ cả về công nghệ thông tin, hệ thống máy soi, camera giám sát đến công cụ thủ công bằng seal và trực tiếp giám sát bởi các cán bộ thực thi pháp luật.

- Vận động quần chúng tham gia phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; điều tra nghiên cứu nắm tình hình; tuần tra kiểm soát; cơ sở bí mật; sưu tra; tổ chức đấu tranh chuyên án; trinh sát nội tuyến, trinh sát ngoại tuyến, trinh sát kỹ thuật; thu thập thông tin trong nước và ngoài nước liên quan đến hoạt động hải quan.

- Tiến hành một số hoạt động điều tra theo thẩm quyền quy định tại Bộ Luật Tố tụng hình sự và Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự. Các biện pháp ngăn chặn theo quy định của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy phạm

pháp luật liên quan đến phục vụ cho việc xác minh, làm rõ và xử lý hành vi vi phạm pháp luật hải quan.

Như vậy, kiểm soát hàng hóa nhập khẩu thông quan góp phần đảm bảo sự tuân thủ pháp luật hải quan với những biện pháp nghiệp vụ, trang thiết bị kỹ thuật, công cụ vũ khí hỗ trợ được giao; với các quy định, quy trình về áp dụng quản lý rủi ro, tuần tra kiểm soát, xây dựng cơ sở bí mật, điều tra xét hỏi nhằm phòng ngừa, ngăn chặn, phát hiện, điều tra, xử lý hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, trốn thuế, vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ, ma túy qua biên giới và các hành vi khác vi phạm pháp luật hải quan; răn đe các đối tượng đã và đang có ý định vi phạm, phát hiện những sơ hở, thiếu sót của pháp luật, của các quy định nghiệp vụ trong các lĩnh vực nêu trên để kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, góp phần cùng toàn ngành bảo đảm sự tuân thủ pháp luật hải quan của các đối tượng chịu sự quản lý Nhà nước về hải quan.

Kiểm soát hàng hóa nhập khẩu thông quan còn góp phần bảo vệ an ninh chính trị, an ninh kinh tế, bảo vệ môi trường, sức khỏe cộng đồng trong điều kiện hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế. Hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực là một xu thế tất yếu mà các nước trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đều muốn và cần phải tham gia. Hội nhập kinh tế quốc tế sẽ đem lại nhiều lợi nhuận và thuận lợi về kinh tế, vị thế quốc tế nhưng cũng mang đến không ít những bất lợi, cạnh tranh, thiệt hại nhất là những quốc gia mới tham gia và có nền kinh tế, vị thế còn thấp. Đến nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ thương mại với trên 160 nước và vùng lãnh thổ; có thỏa thuận về quy chế tối huệ quốc trong quan hệ thương mại với 90 quốc gia và vùng lãnh thổ.

Trong những năm qua, Việt Nam đã nghiêm túc thực hiện các nghĩa vụ cam kết quốc tế, đa số các thành phần, đối tượng tham gia cơ chế điều chỉnh pháp luật đối với hàng hóa nhập khẩu thông quan đều tuân thủ luật lệ quốc tế cũng như luật pháp của Việt Nam. Tuy nhiên, vẫn có những đối tượng vì lợi ích bất hợp pháp của cá nhân, nhóm mà thực hiện hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, như: Buôn lậu, vận chuyển trái phép chất ma túy, hàng hóa, tiền tệ, hàng cấm qua biên giới; khai báo không trung thực về tên hàng, số lượng, trị giá, xuất xứ hàng hóa; lợi dụng chế độ ưu đãi đối với một số lĩnh vực, địa bàn, lợi dụng những kẽ hở, bất cập trong việc

áp dụng quy trình, quy định và sử dụng những trang thiết bị mới để trốn thuế, hoàn thuế giá trị gia tăng (GTGT) sai quy định. Ngoài ra, khi nước ta mở rộng quan hệ ngoại giao, quan hệ kinh tế với các nước, vùng lãnh thổ trên nguyên tắc tôn trọng lẫn nhau, bình đẳng cùng có lợi nhưng có những đối tượng, thế lực thù địch luôn tìm cách để chống phá nhằm làm suy yếu nước ta, như: Tổ chức nhập lậu hoặc xuất, nhập trái phép vũ khí, ấn phẩm, tài liệu có nội dung phản động, đòi truy, bôi nhọ danh dự uy tín của lãnh tụ, của Đảng và Nhà nước ta. Cho nên, với trách nhiệm là “người gác cửa biên giới”, gác cửa nền kinh tế đất nước, làm tốt công tác kiểm soát hải quan chính là góp phần bảo vệ an ninh chính trị, an ninh kinh tế, bảo vệ môi trường, sức khỏe cộng đồng trong điều kiện hội nhập nền kinh tế khu vực và quốc tế.

Kiểm soát hàng hóa nhập khẩu thông quan còn góp phần quan trọng trong việc đấu tranh phòng chống buôn lậu. Buôn lậu là một trong những nguy cơ lớn đe dọa sự ổn định và phát triển kinh tế xã hội nước ta. Buôn lậu làm suy thoái nền kinh tế, gây nên những tác hại to lớn và nghiêm trọng đến nền kinh tế. Bên cạnh việc chống buôn lậu phải chống tham nhũng vì tham nhũng làm suy thoái bộ máy quyền lực nhà nước. Chống buôn lậu phải đi đôi với chống tham nhũng để xây dựng, bảo vệ nhà nước trong sạch, vững mạnh và triệt tiêu những thế lực tiếp tay, bao che cho buôn lậu từ trong bộ máy nhà nước. Thực tế, qua công tác kiểm soát hàng hóa nhập khẩu thông quan đã góp phần chỉ ra những sơ hở, thiếu sót, bất cập của thể chế, của quy trình, chính sách; phát hiện ra sự thông đồng, móc nối, tiếp tay giữa các đối tượng vi phạm đối tượng tha hóa, biến chất, làm việc trong cơ quan nhà nước để đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền điều chỉnh, sửa đổi, xử lý kịp thời, nghiêm minh.

1.4. Vấn đề kiểm soát hàng hóa nhập khẩu liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ

Luật Hải quan 2014 và Luật sở hữu trí tuệ 2005/2009 có quy định kiểm soát quyền sở hữu trí tuệ của cơ quan Hải quan tại biên giới phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế và sự phát triển của ngành Hải quan trong những năm tiếp theo.

1.4.1. Khái quát chung về công tác kiểm soát quyền sở hữu trí tuệ của cơ quan Hải quan tại biên giới

(i) Các biện pháp bảo vệ quyền SHTT

Đối với từng quốc gia, để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của các doanh nghiệp, người tiêu dùng và toàn xã hội và để xây dựng một môi

trường kinh doanh lành mạnh, đảm bảo sự cạnh tranh công bằng, tạo môi trường đầu tư thuận lợi thì cần có cơ chế pháp lý đồng bộ bảo vệ có hiệu quả các quyền SHTT trong quá trình sản xuất, lưu thông và phân phối hàng hoá nhằm xử lý kịp thời và nghiêm minh các hành vi xâm phạm quyền SHTT. Việc sử dụng các biện pháp xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT chính là nội dung của việc bảo vệ quyền SHTT.

Trong việc áp dụng các biện pháp xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT, theo phạm vi và nhiệm vụ quyền hạn của các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật, các cơ quan hải quan sẽ áp dụng một số biện pháp như sau:

+) Biện pháp dân sự

Biện pháp này do cơ quan Tòa án áp dụng theo quy định của pháp luật về dân sự và pháp luật tố tụng dân sự để giải quyết các tranh chấp giữa tổ chức, cá nhân liên quan đến quyền SHTT, bao gồm: Buộc chấm dứt hành vi xâm phạm; Buộc xin lỗi, cải chính, công khai; Buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự; Buộc bồi thường thiệt hại; Buộc tiêu hủy hoặc buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại đối với hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu và phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hoá xâm phạm quyền SHTT với điều kiện không làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác quyền của chủ thể quyền SHTT.

Ngoài ra, cơ quan Tòa án còn có quyền được áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với hàng hóa bị nghi ngờ xâm phạm quyền SHTT, nguyên liệu, vật liệu, phương tiện sản xuất, kinh doanh hàng hoá bao gồm: Thu giữ; Kê biên; Niêm phong; cấm thay đổi hiện trạng; cấm di chuyển; Cấm chuyển dịch quyền sở hữu.

+) Biện pháp hình sự

Biện pháp này được cơ quan Tòa án áp dụng để xử lý cá nhân thực hiện hành vi xâm phạm quyền SHTT có yếu tố cấu thành tội phạm. Theo nội dung tại Điều 225 Bộ luật hình sự năm 2015
số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.”

+) Biện pháp hành chính

Việc áp dụng biện pháp hành chính thuộc thẩm quyền của các cơ quan Thanh tra, Công an, Quản lý thị trường, Hải quan, Ủy ban nhân dân các cấp theo Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và các văn bản liên quan nhằm xử lý tổ chức, cá

nhân thực hiện các hành vi xâm phạm quyền SHTT bao gồm: xâm phạm quyền SHCN gây thiệt hại cho tác giả, chủ sở hữu, người tiêu dùng hoặc cho xã hội; sản xuất, nhập khẩu, vận chuyển, buôn bán hàng hóa giả mạo về SHTT; sản xuất, nhập khẩu, vận chuyển, buôn bán, tàng trữ tem, nhãn hoặc vật phẩm khác mang nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý giả mạo hoặc giao cho người khác thực hiện hành vi này.

Biện pháp kiểm soát biên giới: tuy nằm trong biện pháp hành chính nhưng do tính chất, tầm quan trọng và hiệu quả của việc áp dụng biện pháp này mà Pháp luật SHTT và pháp luật hải quan có quy định và hướng dẫn riêng. Việc áp dụng các biện pháp kiểm soát biên giới đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến SHTT do Cơ quan hải quan thực hiện theo quy định của Hiệp định TRIP/WTO, Luật SHTT, Luật Hải quan và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

1.4.2. Biện pháp kiểm soát biên giới của cơ quan Hải quan

Trên cơ sở các quy định của Pháp luật, các biện pháp kiểm soát biên giới mà ngành Hải quan đang áp dụng được xác định bao gồm:

(i) Tạm dừng làm thủ tục Hải quan đối với hàng hóa bị nghi ngờ xâm phạm quyền SHTT

Là biện pháp được tiến hành theo yêu cầu của chủ thể quyền SHTT nhằm thu thập thông tin, chứng cứ về lô hàng để chủ thể quyền SHTT thực hiện quyền yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm quyền và yêu cầu áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt hành chính.

(ii) Kiểm tra hải quan, giám sát hải quan để phát hiện hàng hóa có dấu hiệu xâm phạm quyền SHTT

Là biện pháp kiểm tra hồ sơ hải quan, các chứng từ liên quan, kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải được tiến hành theo đề nghị của chủ thể quyền SHTT nhằm thu thập thông tin để thực hiện quyền yêu cầu áp dụng biện pháp tạm dừng làm thủ tục Hải quan. Việc kiểm soát biên giới của cơ quan Hải quan thực hiện có một số đặc điểm cơ bản như sau:

- Đây là hoạt động đặc thù của ngành Hải quan và chỉ có cơ quan Hải quan là cơ quan duy nhất được Chính phủ cho phép thực hiện công việc này.

- Việc tạm dừng làm thủ tục Hải quan về bản chất đó là việc kéo dài thời gian làm thủ tục hải quan, giống như các trường hợp kéo dài thời gian làm thủ tục hải quan mà cơ quan Hải quan đang áp dụng như tạm giải phóng hàng chờ kiểm tra Nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu. Tuy nhiên khác với những trường hợp

kéo dài thời gian làm thủ tục Hải quan khác, việc tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền SHTT thực hiện trên cơ sở yêu cầu bằng văn bản của một cá nhân, tổ chức không phải là cơ quan Nhà nước, mục đích của việc tạm dừng là để thực hiện quyền yêu cầu của chủ thể quyền SHCN, không chỉ thuần túy là bảo vệ lợi ích quản lý Nhà nước .

- Trình tự tiến hành áp dụng các biện pháp kiểm soát biên giới do cơ quan Hải quan cũng có sự khác biệt nhau về quy trình, thủ tục và cách thức thực hiện trên thực tế. Đồng thời so với các quy trình thủ tục hải quan khác, quy trình áp dụng các biện pháp kiểm soát biên giới cũng có sự khác biệt. Ví dụ việc tạm dừng làm thủ tục Hải quan có đặc thù riêng, không giống với các quy trình thủ tục Hải quan khác, theo đó chủ thể quyền SHTT muốn tạm dừng phải nộp khoản tiền đảm bảo theo quy định, nếu muốn kéo dài thời gian tạm dừng phải nộp thêm tiền đảm bảo, các bên có liên quan có quyền chủ động phối hợp với cơ quan Hải quan kết thúc thời hạn tạm dừng trước ngày hết hạn...

1.4.3. Một số nội dung của Luật Hải quan 2014 cần lưu ý

(i) Luật Hải quan 2014 tập trung vào ba nhóm vấn đề cơ bản sau:

- *Một là*, vấn đề về cải cách thủ tục hải quan, hiện đại hóa quản lý hải quan, nội luật hóa các cam kết quốc tế đáp ứng yêu cầu hội nhập và tạo thuận lợi cho các hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu.

- *Hai là*, vấn đề về tăng cường công tác bảo vệ lợi ích, chủ quyền quốc gia và an ninh kinh tế nhằm phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, gian lận thương mại.

- *Ba là*, vấn đề liên quan đến kiện toàn hệ thống tổ chức hải quan; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và phát triển ngành hải quan.

Các nội dung liên quan đến kiểm soát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu thông quan liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ nằm trong nhóm nội dung cơ bản thứ hai, liên quan đến vấn đề tăng cường công tác bảo vệ lợi ích, chủ quyền quốc gia và an ninh kinh tế. Đồng thời những nội dung này cũng nhằm đáp ứng và chuẩn bị cho việc triển khai các chương trình hợp tác, thỏa thuận thương mại trong các Hiệp định FTA và Hiệp định hợp tác xuyên châu Á- Thái Bình Dương (TTP) mà Việt Nam đã ký kết.

Nếu trong Luật Hải quan năm 2001 và năm 2005 mới chỉ đưa ra các nguyên tắc, quy định về thủ tục ở mức độ tối giản nhất và sau đó được thể hiện ở các văn

bản hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Tài chính và Bộ Khoa học công nghệ thì Luật Hải quan 2014 đã luật hóa chi tiết và cụ thể về các điều kiện và thủ tục liên quan đến việc yêu cầu kiểm tra, giám sát hải quan, tạm dừng làm thủ tục hải quan do chủ thể quyền sở hữu trí tuệ và cơ quan hải quan thực hiện. Đồng thời Luật cũng không có quy định về việc Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành, điều này có nghĩa là sau khi Luật có hiệu lực, Bộ Tài chính sẽ là cơ quan duy nhất chịu trách nhiệm hướng dẫn chi tiết. Những điều trên sẽ giúp cộng đồng doanh nghiệp có cách hiểu thống nhất, minh bạch cũng như tạo cơ sở pháp lý rõ ràng cho cơ quan Hải quan các cấp khi thực hiện trách nhiệm của mình.

Điều 60 Hiệp định TRIP/WTO có quy định về trường hợp có thể không áp dụng các biện pháp kiểm tra, kiểm sát, tạm dừng làm thủ tục đối với hàng hóa nhập khẩu với số lượng nhỏ là hành lý cá nhân hoặc hàng gửi với số lượng nhỏ. Tại khoản 3, điều 57 Luật Hải quan năm 2005 đã có quy định về việc không áp dụng tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với vật phẩm không mang tính thương mại. Tuy nhiên sau khi Luật Hải quan năm 2005 có hiệu lực thi hành thì chưa có hướng dẫn nào làm rõ nội dung “vật phẩm không mang tính thương mại” là như thế nào? Khoản 3, Điều 73 Luật Hải quan 2014 đã khắc phục tồn tại này bằng việc quy định rõ những loại hình xuất khẩu, nhập khẩu không thuộc phạm vi áp dụng các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, bao gồm: hàng hóa viện trợ nhân đạo, tài sản di chuyển, hàng hóa được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ, hành lý, quà biếu, quà tặng trong tiêu chuẩn miễn thuế.

Quyền chủ động nêu tại Điều 58 Hiệp định TRIP/WTO là nội dung thường gây tranh cãi và có cách hiểu chưa thống nhất tại Việt Nam giữa các nhà làm luật, cơ quan hải quan, chủ thể quyền sở hữu trí tuệ và các tổ chức quốc tế trong quá trình áp dụng biện pháp kiểm soát để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Về nguyên tắc, có thể hiểu quyền chủ động là việc cơ quan hải quan có quyền áp dụng biện pháp tạm dừng làm thủ tục hải quan (trong đó có việc kiểm soát thực tế hàng hóa, tạm giữ hàng hóa) mà không cần phải có yêu cầu tạm dừng của chủ thể quyền nếu hàng hóa đó có đầy đủ dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. Nội dung này lần đầu tiên đã được cụ thể hóa tại khoản 2, điều 76, Luật Hải quan 2014.

Trước khi Luật Hải quan 2014 được ban hành, thời hạn áp dụng biện pháp kiểm tra, giám sát đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của

Chính phủ. Thời hạn đó được xác định là 01 năm kể từ ngày cơ quan hải quan chấp nhận đơn yêu cầu kiểm tra, giám sát và được kéo dài thêm 01 năm nữa. Theo hướng dẫn mới tại Luật hải quan 2014 thì thời hạn này đã được quy định vào luật và được tăng lên là 02 năm kể từ ngày cơ quan hải quan chấp nhận đơn và được gia hạn thêm 02 năm nữa. Quy định này góp phần tạo điều kiện cho chủ thể quyền sở hữu trí tuệ chủ động hơn nữa trong việc cung cấp thông tin, phối hợp cũng như hỗ trợ cho cơ quan Hải quan trong công tác đấu tranh chống hàng giả, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

1.5. Các nhân tố tác động đến hoạt động kiểm soát hàng hóa nhập khẩu thông quan

Có nhiều nhân tố tác động đến hoạt động kiểm soát hàng hóa nhập khẩu thông quan. Các nhân tố đó có thể là các nhân tố khách quan, chẳng hạn như thay đổi chính sách, pháp luật quốc gia (Việt Nam hoặc nước ngoài), các cam kết quốc tế mới phát huy hiệu lực buộc phải kiểm soát, thay đổi hoặc bãi bỏ kiểm soát hàng hóa nhập khẩu... Các nhân tố đó có thể là các nhân tố chủ quan, chẳng hạn như tình trạng hối lộ, tham nhũng, thủ tục hành chính, nghiệp vụ non yếu, đạo đức nghề nghiệp bị buông lỏng, sự can thiệp quá đáng của các cá nhân khác nhau vào hoạt động kiểm soát hàng hóa nhập khẩu thông quan.

Tuy vậy, cần chú ý đến các tác động thuận chiều và tác động trái chiều của các nhân tố này đến hoạt động kiểm soát hàng hóa nhập khẩu thông quan.

1.5.1. Tác động thuận chiều

Thông qua cơ chế điều chỉnh pháp luật đối với hàng hóa nhập khẩu thông quan, các chủ trương, đường lối, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước Việt Nam đã được thực hiện thuận lợi, được đông đảo cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thực hiện có hiệu quả. Hoạt động kiểm soát hàng hóa nhập khẩu thông quan đã góp phần hạn chế được các hoạt động vi phạm pháp luật trên cửa khẩu, hạn chế được nạn buôn lậu qua biên giới, tăng nguồn thu cho đất nước qua hoạt động quản lý thuế đúng pháp luật....

Hoạt động kiểm soát hàng hóa nhập khẩu thông quan cũng đã góp phần tăng vị thế và uy tín của Nhà nước Việt Nam nói chung, của cơ quan hải quan Việt Nam nói riêng trên thương trường quốc tế....

1.5.2. Tác động trái chiều

Do đặc thù đường biên giới dài; lực lượng của chúng ta còn mỏng, ý thức pháp luật của cư dân biên giới, lệ làng, bản sắc á đông; tình trạng hối lộ, tham

những, thủ tục hành chính, nghiệp vụ non yếu, đạo đức nghề nghiệp bị buông lỏng, sự can thiệp quá đáng của các cá nhân khác nhau vào hoạt động kiểm soát hàng hóa nhập khẩu thông quan dẫn đến những khó khăn trong khâu kiểm soát. Quá trình tìm hiểu nhận thấy rằng cư dân biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc thường rất ít việc làm, trình độ thấp chủ yếu dựa trên lao động chân tay; chưa kể đến nhiều nơi không chỉ dân tộc Kinh, dân tộc Hoa mà còn nhiều dân tộc khác, họ giao thương rất bình thường, họ dùng ngôn ngữ khác mà cán bộ hải quan, biên phòng cũng không thể biết hết được. Từ đây, đường mòn, lối mở được mở ra đáp ứng trên nhu cầu giao dịch giữa 2 bờ biên giới.

Bên cạnh đó Bộ Công thương vẫn tiếp tục thúc đẩy giao thương đường tiểu ngạch, nhỏ lẻ, chính điều này lại càng làm khó khăn trong việc kiểm soát hàng hóa nhập khẩu giữa 2 nước

1.6. Xu hướng vận động của quốc tế trong kiểm soát hàng hóa ở các nước

Tùy theo tình hình kinh tế phát triển của mỗi nước sẽ có xu hướng vận động trong kiểm soát hàng hóa nhập khẩu khác nhau. Một số nước sẽ tăng cường kiểm soát các loại hàng hóa nhập khẩu, có chú ý đến một số loại hàng hóa có cơ chế kiểm soát đặc biệt. Tuy nhiên một số nước lại hướng đến chế độ mậu dịch tự do, tiến hành các biện pháp nhằm giảm bớt sự hạn chế nhập khẩu. Bên cạnh đó là sự trao đổi thông tin giữa các nước trong từng khu vực hay mở rộng hơn trên toàn cầu các thông tin liên quan đến buôn lậu, gian lận, trốn thuế, những mặt hàng nhạy cảm trong từng thời kỳ. Từ đó phối hợp giúp các nước nắm bắt, chủ động được tình hình ngay từ khâu kiểm soát. Hiện nay Hải quan Việt Nam đã tham gia triển khai nhiều thỏa thuận hợp tác song phương với Hải quan các quốc gia, vùng lãnh thổ như: Trung Quốc (1993), Đài Loan (2008), Anh (2007), Hồng Kông (2013). Kết quả đạt được trong công tác hợp tác quốc tế về thu thập thông tin đã được nâng cao về mặt lượng và chất, các hoạt động có định hướng chiều sâu, phục vụ hiệu quả cho các hoạt động nghiệp vụ cho thấy đây là một trong những nội dung quan trọng trong việc nâng cao năng lực cho hoạt động Kiểm soát hàng hóa nhập khẩu thông quan trong thời gian tới.

1.6.1. Tăng cường kiểm soát mạnh hàng hóa các loại nhập khẩu, có chú ý đến một số loại hàng hóa có cơ chế kiểm soát đặc biệt

Chính phủ Nga chỉ đạo Cơ quan giám sát nông nghiệp (Rosselkhozadzor) tăng cường kiểm soát hoạt động nhập khẩu sản phẩm nông nghiệp từ Thổ Nhĩ Kỳ [31].

Đồng thời, theo phương tiện truyền thông đưa tin, nhân viên hải quan Nga đã bắt đầu cản trở việc nhập hàng từ Thổ Nhĩ Kỳ. Viện Duma Quốc gia đưa ra đề xuất áp lệnh cấm nhập trái cây, rau quả, hàng may mặc và giày do Thổ Nhĩ Kỳ sản xuất.

Bộ trưởng Nông nghiệp Nga Alexander Tkachev cho biết Chính phủ đã chỉ đạo Rosselkhozadzor tăng cường kiểm soát các sản phẩm nông nghiệp Thổ Nhĩ Kỳ. Có kế hoạch sẽ không chỉ kiểm tra trên biên giới mà cả các cơ sở sản xuất tại chỗ.

"Do các nhà sản xuất Thổ Nhĩ Kỳ đã nhiều lần vi phạm tiêu chuẩn chất lượng của Nga, chính phủ LB Nga đã chỉ đạo cho cơ quan Rosselkhozadzor kiểm soát chặt chẽ việc nhập khẩu sản phẩm nông nghiệp và thực phẩm từ Thổ Nhĩ Kỳ, đồng thời tổ chức kiểm tra bổ sung tại biên giới và kiểm tra trực tiếp các cơ sở sản xuất ở nước Cộng hoà Thổ Nhĩ Kỳ" .

Trong Viện Duma Quốc gia Nga cũng có nhiều ý kiến ủng hộ các biện pháp với hàng nhập khẩu từ Thổ Nhĩ Kỳ. Một số người đã đề nghị cấm hoặc hạn chế không chỉ riêng trái cây và rau quả mà cả hàng may mặc và giày dép.

Ủy ban châu Âu (EC) vừa ra chỉ thị quy định việc nhập khẩu thép tấm cán nguội của Trung Quốc và Nga phải tuân theo các quy định về đăng ký thống kê [32]. Đây được xem là một phần trong quá trình điều tra mà EC đang tiến hành đối với các sản phẩm bị cho là bán phá giá của hai quốc gia này. Cụ thể, EC đề nghị các cơ quan hải quan châu Âu phải thống kê rõ khối lượng nhập khẩu thép tấm cán nguội từ ngày 13/12. Điều đó có nghĩa là các mức thuế sẽ được áp dụng đối với thép cán nguội nhập khẩu sau thời điểm kể trên, nếu EC kết luận rằng mặt hàng này được bán với giá “thấp một cách bất công”.

Hồi tháng 5/2015, EC đã mở cuộc điều tra chống bán phá giá đối với sản phẩm thép nhập khẩu từ Trung Quốc và Nga, sau khi Hiệp hội thép châu Âu (Eurofer) lên tiếng phản nản. EC cho biết họ có thể áp dụng các biện pháp tạm thời vào ngày 14/2/2016 và xác lập các mức thuế mà sẽ có hiệu lực trong vòng 5 năm tính từ ngày 13/8/2016. Trong thời gian từ tháng 5-9/2015, lượng thép tấm cán nguội nhập khẩu từ Trung Quốc và Nga vào thị trường EU lần lượt tăng 33% và 45% so với cùng kỳ năm 2014, trong lúc giá nhập khẩu giảm 5%.

1.6.2. Đơn giản hóa thủ tục kiểm soát hàng nhập khẩu trong những điều kiện cụ thể

Hệ thống tự động hoá Hải quan ở Thái Lan [33]

Ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động của Hải quan Thái Lan đã nâng cao được hiệu suất công việc và chất lượng phục vụ doanh nghiệp.

Trước khi triển khai thực hiện hệ thống tự động hoá Hải quan, cán bộ Hải quan Thái Lan cũng phải xử lý các chứng từ thương mại bằng phương pháp thủ công. Do sức ép của khối lượng hàng hoá xuất - nhập khẩu ngày càng tăng trong khi nguồn lực Hải quan thì có hạn, Hải quan Thái Lan đã thực hiện Trao đổi dữ liệu Điện tử (EDI) để kiểm soát tất cả các giao dịch thương mại của doanh nghiệp thông qua áp dụng hệ thống thông quan bằng máy tính cho hàng xuất khẩu từ năm 1998. Hệ thống này được mở rộng đối với hàng nhập khẩu và được triển khai đầy đủ tại các cảng biển, cảng hàng không trên toàn quốc từ năm 2000.

Hải quan Thái Lan sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông để hỗ trợ các nhu cầu của chính cơ quan Hải quan và doanh nghiệp trên hai mảng hoạt động: dịch vụ công cho nhà xuất - nhập khẩu, bao gồm xử lý tờ khai hàng hoá, xử lý thông quan hàng hoá, thu thuế, hoàn thuế, thu thập số liệu thống kê, quản lý rủi ro và các hoạt động văn phòng của cơ quan Hải quan, bao gồm các hoạt động điều phối và liên lạc giữa các văn phòng, xây dựng hệ thống pháp luật, hệ thống tài chính và hệ thống quản trị nhân lực. Ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động của Hải quan Thái Lan đã nâng cao được hiệu suất công việc và chất lượng phục vụ doanh nghiệp.

Trong những năm gần đây, Hải quan Thái Lan đã chuyển đổi từ EDI sang quan điểm triết lý Hệ thống mở, có nghĩa là hệ thống dữ liệu phải được trao đổi bằng nhiều phương tiện với tất cả các khách hàng (kể cả những người làm kinh doanh và phi kinh doanh), với các đối tác (các cơ quan chính phủ, kể cả trong và ngoài nước) và các nhân viên. Dự án yêu cầu phải tái thiết kế tất cả các ứng dụng máy chủ, máy trạm hiện có để chuyển dịch vụ hiện hành sang ứng dụng dựa trên Web, áp dụng ebXML như một thông điệp chuẩn.

Hải quan điện tử “ e-Customs”

Để đạt được những kết quả bước đầu, Hải quan Thái Lan đã triển khai một thể hệ tự động hoá Hải quan mới có tên gọi “ e-Customs” hay Hải quan điện tử. Hải quan điện tử sử dụng các dịch vụ của Internet và tuân thủ các chuẩn mực và hướng dẫn của Công ước Kyoto sửa đổi. Các thủ tục và quy trình xử lý chính của Hải quan được tái thiết kế như một phần của hệ thống Hải quan điện tử, bao gồm các lĩnh vực ứng dụng chính như kiểm soát hàng hoá, xử lý tờ khai hàng hoá và tính thuế. Hơn

nữa, hệ thống tự động hoá mới cũng được tích hợp với các hệ thống của các cơ quan chính phủ và các khách hàng, trong đó có cả doanh nghiệp, ngân hàng, các nhà kinh doanh kho ngoại quan và các nhà quản lý khu thương mại tự do. Hệ thống mới có thể xử lý nhiều loại dịch vụ hải quan với độ đảm bảo an toàn, an ninh cao và thời gian phản hồi thông tin nhanh chóng. Ngoài việc tích hợp ở cấp độ quốc gia, hệ thống cũng sẽ được tích hợp với Hệ thống Một Cửa của ASEAN trong tương lai theo đúng Kế hoạch Chiến lược ASEAN về Phát triển Hải quan (SPCD).

Hải quan điện tử được thực hiện ở Thái Lan từ ngày 01/01/2007, gồm Nhập khẩu điện tử, Xuất khẩu điện tử, Lược khai điện tử, Thanh toán điện tử và Kho ngoại quan điện tử. Hệ thống cung cấp dịch vụ cho các khách hàng là các nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, đại lý khai thuê hải quan và các doanh nghiệp vận tải với môi trường làm việc phi giấy tờ và dịch vụ một điểm dừng. Khách hàng giờ đây không còn phải nộp bản cứng các tờ khai, các chứng từ như vận đơn, hoá đơn, danh mục đóng gói hàng và các giấy tờ đi kèm khác ngoại trừ một vài ngoại lệ là các giấy phép do các cơ quan quản lý chuyên ngành cấp. Nếu theo chương trình EDI, một số bước như kiểm tra phân loại và xác định trị giá hàng hoá vẫn phải do cán bộ Hải quan thực hiện thì với Hải quan điện tử, các hình thức can thiệp của cán bộ Hải quan sẽ được loại trừ. Từ khâu nộp tờ khai hải quan đến khâu ra quyết định kiểm tra thực tế đều được thực hiện tự động bằng máy móc trên cơ sở bộ tiêu chí chọn lọc.

Thủ tục nhập khẩu điện tử “ e-Import”

Hàng nhập khẩu vào Thái Lan phải chịu sự kiểm soát của Hải quan cho đến khi hàng được giải phóng để tiêu dùng nội địa hoặc được xử lý khác. Các thủ tục thông quan hàng nhập khẩu cho dù hàng được vận chuyển bằng đường bộ, đường không hay đường biển đều tương đối giống nhau, chỉ khác nhau ở một vài điểm nhỏ. Hải quan sử dụng công nghệ máy tính để xử lý hàng nhập khẩu. Bằng cách sử dụng hệ thống có tên gọi “ e-Import”, các đại lý hải quan và các nhà nhập khẩu có thể khai báo hải quan ngay tại văn phòng làm việc của mình. Số lượng tối thiểu các chứng từ Hải quan yêu cầu bao gồm:

- Một tờ khai hải quan
- Vận tải đơn
- Hoá đơn
- Danh mục đóng gói hàng
- Các chứng từ khác khi được yêu cầu , ví dụ như giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá, giấy phép cho hàng hoá thuộc diện hạn chế nhập khẩu.

Với hệ thống nhập khẩu điện tử, các bên có liên quan không cần phải nộp các chứng từ dưới dạng giấy vì tất cả dữ liệu đều được truyền bằng phương tiện điện tử từ hệ thống máy tính của nhà nhập khẩu đến hệ thống máy tính của Hải quan thông qua mạng VAN hoặc Internet.

Trước khi hàng hoá cập cảng hoặc sau khi hàng hoá đến cảng, công ty vận tải phải chuyển Báo cáo về tàu đến, bản lược khai hàng hoá và danh sách công ten nơ đến hệ thống máy tính của Hải quan. Hệ thống này sẽ kiểm tra dữ liệu và báo cáo bất kỳ sai sót nào nếu phát hiện ra để doanh nghiệp vận tải kịp thời sửa sai trực tuyến trên mạng. Nếu không phát hiện sai sót nào, hệ thống sẽ tự động phát hành số hiệu cho Báo cáo về tàu đến và gửi thông điệp trả lời cho doanh nghiệp vận tải.

Sau khi hàng cập cảng hoặc tới cửa khẩu nhập, nhà nhập khẩu hoặc đại lý hải quan sẽ chuyển tờ khai nhập khẩu tới hệ thống máy tính của Hải quan. Sau đó, hệ thống sẽ kiểm tra dữ liệu và cấp số hiệu cho tờ khai và tờ thanh toán trong vòng 1 phút, cùng lúc đó doanh nghiệp phải hoàn thành các nghĩa vụ về thuế thông qua hệ thống thanh toán tự động.

Sau đó nhà nhập khẩu sẽ liên hệ với người chủ kho ngoại quan để chờ giải phóng hàng. Ở giai đoạn này, trên cơ sở bộ tiêu chí chọn lọc đã được cài đặt sẵn, máy tính sẽ tự động phân luồng và chỉ ra tờ khai nào thuộc Luồng Đỏ và tờ khai nào thuộc Luồng Xanh. Tờ khai thuộc Luồng Xanh sẽ được thông quan trong vòng 1 phút. Kết quả thông quan sẽ được gửi về cho cơ quan Cảng vụ và nhà nhập khẩu. Hàng hoá thuộc Luồng Xanh sẽ được giải phóng hàng khỏi kho ngoại quan hoặc bãi công ten nơ.

Trong trường hợp hàng hoá bị rơi vào Luồng Đỏ, cơ quan Cảng vụ sẽ chuyển hàng hoá tới để Hải quan kiểm tra thực tế trước khi giải phóng hàng.

Thủ tục xuất khẩu điện tử “ e-Export”

Để thông quan hàng hoá xuất khẩu, hồ sơ hàng hoá phải bao gồm:

- Một tờ khai xuất khẩu
- Hoá đơn
- Danh mục đóng gói hàng
- Giấy phép xuất khẩu (nếu có yêu cầu)
- Các chứng từ khác có liên quan (nếu có yêu cầu)

Cũng giống như hệ thống nhập khẩu điện tử, một khi dữ liệu tờ khai xuất khẩu được nhập vào Hệ thống máy tính của Hải quan, hệ thống sẽ tự động xử lý

thông tin như kiểm tra dữ liệu khai báo, so sánh, kết nối dữ liệu, thông báo kết quả xử lý... và hàng hoá được giải phóng.

Thủ tục xuất khẩu được bắt đầu khi nhà xuất khẩu/ đại lý hải quan chuyên tờ khai xuất khẩu sử dụng eb-XML thông qua mạng VAN hoặc Internet đến hệ thống máy tính của Hải quan. Ngay khi hệ thống này nhận được tờ khai xuất khẩu, dữ liệu sẽ được kiểm tra. Trong trường hợp, dữ liệu khai báo không có gì sai sót, số hiệu tờ khai hàng hoá sẽ được hệ thống cấp cùng lúc đó hệ thống thanh toán điện tử sẽ xác nhận chủ hàng đã hoàn thành nghĩa vụ về thuế nếu hàng hoá phải chịu thuế xuất khẩu và các loại thuế khác. Thông điệp phản hồi sẽ chuyển về cho nhà xuất khẩu/ đại lý hải quan biết.

Sau đó, công ty vận tải sẽ chất hàng hoá vào công ten nơ và chuyển Báo cáo kiểm soát hàng hoá tới hệ thống máy tính của Hải quan. Lúc này, hệ thống lại kiểm tra dữ liệu và cũng sẽ kịp thời thông báo sai sót của dữ liệu (nếu có) để người khai báo sửa sai trực tuyến trên mạng. Trong trường hợp dữ liệu không có sai sót, số hiệu Báo cáo kiểm soát hàng hoá sẽ được tự động phát hành và thông điệp trả lời sẽ được gửi tới doanh nghiệp vận tải. Doanh nghiệp vận tải sẽ in ra Báo cáo kiểm soát hàng hoá với số hiệu đã được hệ thống cấp và di chuyển hàng hoá tới cảng xuất. Trong giai đoạn này, dữ liệu hàng hoá được kiểm tra trên cơ sở bộ tiêu chí chọn lọc để chỉ ra liệu tờ khai xuất khẩu thuộc Luồng Xanh hay Luồng Đỏ. Khi được thông báo kết quả hàng thuộc Luồng Xanh thì hàng hoá sẽ được thông quan trong vòng 1 phút còn nếu rơi vào Luồng Đỏ thì hàng hoá đó sẽ bị kiểm tra thực tế.

Kết luận Chương 1

Chương 1, đề tài đã khái quát hóa đầy đủ khuôn khổ pháp lý thể chế hiện hành để thực hiện kiểm soát hàng hóa nhập khẩu cũng như hàng hóa của cư dân biên giới trong việc trao đổi hàng hóa qua biên giới Việt –Trung cũng như thực hiện tại các chợ biên giới. Đồng thời cũng chỉ ra các nhân tố tác động đến cơ chế kiểm soát hàng hóa nhập khẩu thông quan và xu hướng kiểm soát hàng hóa nhập khẩu của các nước khác trên thế giới. Chương 2 dưới đây tác giả sẽ đánh giá thực trạng về cơ sở pháp lý ảnh hưởng đến hoạt động kiểm soát hàng hóa nhập khẩu qua biên giới Việt – Trung cũng như thực trạng công tác kiểm soát hàng hóa nhập khẩu tại cửa khẩu biên giới Việt – Trung.

CHƯƠNG 2

THỰC TIỄN KIỂM SOÁT HÀNG HÓA THÔNG QUAN TẠI CỬA KHẨU BIÊN GIỚI VIỆT TRUNG

2.1. Tổng quan thực trạng kiểm soát hàng hóa tại biên giới Việt Trung

2.1.1. Điều kiện tự nhiên và thuận lợi

Việt Nam và Trung Quốc có đường biên giới đất liền gần 1.430 km trải dài từ Đông sang Tây qua 07 tỉnh của Việt Nam bao gồm Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên và hai tỉnh của Trung Quốc là Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây và tỉnh Vân Nam. Hầu hết các tỉnh biên giới phía Bắc của Việt Nam là những tỉnh miền núi khó khăn, kinh tế kém phát triển, đời sống đồng bào khu vực biên giới, miền núi, vùng sâu, vùng xa còn nghèo nàn và lạc hậu; kết cấu hạ tầng giao thông, thương mại, thông tin, ... còn yếu và thiếu. Tuy nhiên, sự gần gũi về địa lý, giá thành thấp, nhiều doanh nghiệp Trung Quốc đã coi Việt Nam như điểm đến đầu tiên trong việc tìm kiếm đối tác, đây lại là vùng biên giới được đánh giá là một trong những cửa ngõ chính quan trọng trong triển khai hợp tác phát triển kinh tế Việt Nam và các nước ASEAN với Trung Quốc. Năm bất lợi thế, các tỉnh biên giới phía Bắc đã chú trọng hợp tác phát triển kinh tế với các tỉnh biên giới Trung Quốc, phát triển kinh tế khu vực cửa khẩu, tạo điều kiện cho nhân dân hai bên biên giới trao đổi sản phẩm hàng hóa và tư liệu sản xuất.

Hành lang pháp lý cho trao đổi kinh tế thương mại giữa hai nước ngày càng hoàn thiện và phù hợp với thông lệ quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho quan hệ kinh tế thương mại hai nước tiếp tục phát triển. Đến nay, liên quan đến lĩnh vực thương mại có tất cả hơn 10 Hiệp định song phương và còn nhiều thỏa thuận được ký kết giữa các Bộ, ngành hai nước và đang phát huy tác dụng thiết thực đối với hoạt động xuất khẩu của ta sang Trung Quốc.

Quan hệ hợp tác thương mại giữa các địa phương hai nước từ chỗ chỉ tập trung giữa các tỉnh biên giới phía Bắc nước ta với hai tỉnh Quảng Tây, Vân Nam - Trung Quốc đã phát triển rộng đến các tỉnh, thành phố nằm sâu trong nội địa Trung Quốc như Thượng Hải, Quảng Đông, Tứ Xuyên, Trùng Khánh, Chiết Giang, Giang Tô, Hải Nam [34]. Các nhà đầu tư, doanh nghiệp Trung Quốc cũng đã mở rộng phạm vi hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam. Hơn nữa, trong bối cảnh

Khu mậu dịch tự do ASEAN – Trung Quốc đã hình thành, hợp tác “hai hành lang một vành đai” Việt – Trung được thúc đẩy, thời cơ mới cho các tỉnh phía Bắc của Việt Nam trong hợp tác với các tỉnh của Trung Quốc là rất to lớn, sẽ có vai trò là cửa ngõ thông thương quan trọng không chỉ của hai nước nói riêng mà còn cho cả ASEAN và Trung Quốc.

Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tại khu vực cửa khẩu, các khu kinh tế trong những năm qua không ngừng gia tăng. Ngành Hải quan đã tập trung, thúc đẩy công tác cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan nhằm tạo ra cơ chế thông thoáng, thu hút hoạt động thương mại xuất nhập khẩu.

2.1.2. Những bất cập trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến kiểm soát hàng hóa nhập khẩu qua biên giới Việt Nam - Trung Quốc

- Quy định về hàng hóa phải kiểm dịch thực vật theo Thông tư số 40/2012/TT-BNNPTNN ngày 15/8/2012 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn ban hành danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam còn chung chung, chưa rõ ràng gây khó khăn trong việc cụ thể hóa theo mã số HS để áp dụng tiêu chí phân tích, phục vụ công tác quản lý rủi ro, phân luồng tờ khai, dẫn đến số lượng hàng hóa phải kiểm dịch rất lớn, làm tăng thêm thủ tục, thời gian, chi phí cho doanh nghiệp trong việc xin cấp giấy chứng nhận kiểm dịch, ảnh hưởng đến thời gian thông quan hàng hóa.

- Thông tư 05/2014/TT-BCT ngày 27/01/2014 của Bộ Công thương về hoạt động tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, chuyển khẩu hàng hóa quy định quá nhiều mặt hàng cần phải xin phép Bộ Công thương, phải đảm bảo điều kiện kho bãi và phải được cấp mã số xuất nhập khẩu... gây rất nhiều khó khăn về tài chính và thời gian đi lại của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp Việt Nam kinh doanh hàng hóa tạm nhập - tái xuất chủ yếu làm dịch vụ cho doanh nghiệp Trung Quốc. Việc quy định doanh nghiệp Việt Nam phải thanh toán tiền hàng cho cả hợp đồng tạm nhập và hợp đồng tái xuất tiềm ẩn nhiều rủi ro cho doanh nghiệp Việt Nam khi chuyển ngoại tệ ra nước ngoài. Ngoài ra, hoạt động tạm nhập - tái xuất hàng hóa hiện nay chủ yếu thực hiện theo hình thức biên mậu, việc nắm bắt thông tin chính sách biên mậu của Trung Quốc còn chưa kịp thời, gây thiệt hại đến lợi ích chung của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam. Mặt khác, thông tư số 52/2015/TT-BCT ngày 30

tháng 12 năm 2015 quy định chi tiết hoạt động mua bán hàng hóa qua biên giới của thương nhân theo quy định tại Quyết định số 52/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý hoạt động thương mại biên giới với các nước có chung biên giới có một số quy định về hoạt động tạm nhập, tạm xuất, tái nhập trùng với Thông tư 05/2014/TT-BCT. Giữa 2 thông tư này có những quy định ở mục lục danh mục hồ sơ để quản lý chưa thống nhất.

- Một số hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa tại cửa khẩu phụ nằm trong khu kinh tế cửa khẩu hoặc ngoài khu kinh tế cửa khẩu phía Việt Nam mặc dù tại đây có đầy đủ các cơ quan chức năng (Hải quan, Biên phòng, Kiểm dịch) nhưng phía Trung Quốc chỉ có lực lượng biên phòng giám sát (không có Hải quan) nên tuy phía Việt Nam có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu đều hợp pháp nhưng đối với Trung Quốc lại là không hợp pháp; như vậy, theo quy định tại Điều 16, Thông tư số 06/2012/TT-BTC ngày 11/1/2012 của Bộ Tài chính về điều kiện khấu trừ, hoàn thuế đầu vào của hàng hoá xuất khẩu trong đó có điều kiện phải có Hợp đồng ngoại thương, chuyển tiền qua ngân hàng... nhưng thực tế hiện nay không thể thực hiện được do việc xuất hàng theo hợp đồng ngoại thương và chuyển tiền qua ngân hàng thì các doanh nghiệp của Trung Quốc sẽ không mua hàng Việt Nam nữa vì họ sẽ bị truy thu thuế nhập khẩu. Vì vậy gây khó khăn đối với cơ quan Hải quan trong việc xác định tính hợp pháp của các chứng từ thanh toán qua ngân hàng, hợp đồng mua bán, hóa đơn thương mại...

Trong hoạt động xuất nhập khẩu qua biên giới, Trung Quốc phân biệt hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa theo hai hình thức sau:

- Hàng hoá xuất nhập khẩu mậu dịch (chính ngạch) được thực hiện qua cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính do Hải quan Trung Quốc quản lý. Hàng hoá xuất nhập khẩu qua đây phải thực hiện chính sách thuế, chính sách quản lý về chất lượng, xuất xứ, kiểm dịch.... theo quy định của Chính phủ Trung Quốc.

- Hàng hoá xuất nhập khẩu biên mậu được thực hiện qua các cửa khẩu phụ, lối mở do Chính quyền địa phương quản lý. Các chính sách liên quan đến thuế, phí và quản lý chất lượng... được điều chỉnh bởi các quy định của Chính quyền địa phương. Thông qua hoạt động thương mại biên mậu, một số lượng lớn hàng hoá Việt Nam chất lượng không cao như tinh bột sắn, cao su, hàng nông sản, hải sản;

hàng hoá tạm nhập - tái xuất và gửi kho ngoại quan... đã xuất khẩu được sang Trung Quốc và các doanh nghiệp Việt Nam đã nhập khẩu một số mặt hàng nguyên liệu phục vụ sản xuất như phân bón, quặng....

Mặt khác, giữa Việt Nam và Trung Quốc chưa thống nhất được các cặp cửa khẩu như thế nào là chính do Chính phủ quy định, vì vậy nhiều cặp cửa khẩu phía Việt Nam coi là chính thì phía Trung Quốc lại coi là phụ chẳng hạn như Cửa Khẩu Bát Xát – Lào Cai của Việt Nam được chính phủ Việt Nam quy định thì cửa khẩu đối diện phía Trung Quốc do địa phương quy định và quản lý. Vì thế hàng hóa Việt Nam xuất là chính ngạch, trong khi phía Trung Quốc nhập là tiểu ngạch. Điều này cũng ảnh hưởng không nhỏ đến công tác thống kê nhà nước về hải quan cũng như quản lý nhà nước về hải quan. Như vậy, trong công tác quản lý, điều hành hoạt động xuất nhập khẩu tại khu vực cửa khẩu phụ, lối mở của 2 nước có sự khác biệt, có tác động, ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp ta do tính chất không ổn định, điều chỉnh gây ra.

2.2. Chi tiết một số cửa khẩu cụ thể

2.2.1. Cửa khẩu thuộc tỉnh Quảng Ninh [35]

Quảng Ninh là tỉnh ven biển thuộc vùng Đông Bắc Việt Nam. Quảng Ninh là một trong 25 tỉnh, thành phố có biên giới, tuy nhiên lại là tỉnh duy nhất có đường biên giới trên bộ và trên biển với Trung Quốc, với đường biên giới trên bộ dài 118,825 km. Quảng Ninh có hệ thống cửa khẩu phân bố trên dọc tuyến biên giới, đặc biệt cửa khẩu quốc tế Móng Cái là nơi hội tụ giao lưu thương mại, du lịch và thu hút các nhà đầu tư, là cửa ngõ giao thương giao dịch xuất nhập khẩu với Trung Quốc và các nước trong khu vực.

2.2.2. Cửa khẩu thuộc tỉnh Lạng Sơn [36]

Lạng Sơn là tỉnh miền núi phía Bắc, có đường biên giới dài trên 223 km giáp với tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc), có 2 cửa khẩu quốc tế, 2 cửa khẩu quốc gia và 7 điểm chợ biên giới, là nơi khởi nguồn của con đường huyết mạch xuyên Việt với quốc lộ 1A nối liền Lạng Sơn – Hà Nội và các tỉnh, thành phố phía Nam, tuyến đường sắt liên vận quốc tế Việt – Trung (Hà Nội – Lạng Sơn – Trung Quốc). Trong thời kì kinh tế hội nhập, Lạng Sơn luôn xác định rõ phát triển thương mại biên giới

với Quảng Tây (Trung Quốc) là kinh tế động lực, thúc đẩy kinh tế Lạng Sơn phát triển nhanh, bền vững.

2.2.3. Cửa khẩu thuộc tỉnh Lào Cai [37]

Lào Cai là một tỉnh miền núi ở phía Bắc Việt Nam, cách Hà Nội 296km theo đường sắt và 375km theo đường bộ. Tỉnh có 203,5km đường biên giới với tỉnh Vân Nam – Trung Quốc, trong đó có 144,3km là sông suối và 59,2km là đất liền. Phía Bắc tỉnh Lào Cai giáp tỉnh Vân Nam – Trung Quốc, phía Nam giáp tỉnh Yên Bái, phía Đông giáp tỉnh Hà Giang, phía Tây giáp tỉnh Sơn La và Lai Châu.

Cửa khẩu của tỉnh Lào Cai là lối mở ngắn nhất, thuận tiện nhất cho tỉnh Vân Nam nói riêng, vùng Tây Nam rộng lớn của Trung Quốc nói chung để ra các cảng biển, nối với vùng Đông Nam Á và cả thế giới. Nếu đi bằng đường sắt từ thành phố Côn Minh (thủ phủ tỉnh Vân Nam) qua Lào Cai về cảng biển Hải Phòng dài 854 km, trong khi đó tuyến đường sắt nội địa ngắn nhất đi từ Côn Minh ra cảng Phòng Thành tỉnh Quảng Tây Trung Quốc dài hơn 1800km. Tuyến đường bộ hành lang kinh tế Côn Minh – Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng cũng là tuyến đường ngắn nhất, thuận tiện nhất trong vận chuyển hàng hóa XNK quá cảnh từ Vân Nam đi Việt Nam, ra các nước thứ ba và ngược lại. Đồng thời là cửa khẩu duy nhất giữa Việt Nam – Trung Quốc hội đủ tất cả các loại hình vận tải: Đường sắt, đường bộ, đường sông và trong tương lai sẽ có cả đường hàng không. Đồng thời là cửa khẩu duy nhất phía Bắc Việt Nam nằm trong lòng thành phố trực thuộc tỉnh, nên có hệ thống dịch vụ của một thành phố phục vụ cho nhu cầu giao lưu thương mại, XNK, quá cảnh và du lịch giữa hai nước.

2.2.4. Cửa khẩu của tỉnh Cao Bằng [38]

Cao Bằng là tỉnh miền núi, biên giới, thuộc vùng Đông Bắc Bộ, phía Bắc và phía Đông giáp tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc) với đường biên giới có chiều dài trên 332 km, có 2 cửa khẩu chính là Tà Lùng và cửa khẩu Trà Lĩnh, 4 cửa khẩu phụ gồm: Sóc Giang, Hạ Lang (thường gọi là cửa khẩu Bí Hà), Lý Vạn, Pò Peo, ngoài ra còn có các cặp chợ biên giới, điểm thông quan, lối mở biên giới và hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại dọc tuyến biên giới, trong các khu kinh tế cửa khẩu,... tạo điều kiện cho dân cư hai bên biên giới đi lại thuận lợi, hoạt động biên mậu và tiểu ngạch diễn ra phổ biến và dễ dàng. Nhất là khi Hiệp định mậu dịch tự do ASEAN –

Trung Quốc được thực thi và việc hoàn thành công tác phân định đường biên, mốc giới giữa 2 quốc gia đã góp phần ổn định an ninh, xã hội vùng biên giới, đem lại nhiều thuận lợi cho Cao Bằng trong hợp tác kinh tế quốc tế nói chung cũng như phát triển hoạt động thương mại biên giới nói riêng.

2.2.5. Thực trạng kiểm soát, giám sát hàng hóa nhập khẩu qua biên giới Việt Nam - Trung Quốc

Thị trường Trung Quốc là một thị trường nhiều biến động, nhu cầu thiếu ổn định và thường xuyên thay đổi, chính sách điều hành hoạt động kinh tế đối ngoại có nhiều đặc thù và nhạy cảm, xu thế hội nhập kinh tế khu vực và thế giới diễn ra ngày càng gay gắt đòi hỏi chúng ta phải có chính sách, giải pháp linh hoạt để đảm bảo cho hoạt động nhập khẩu ổn định và phát triển, trong đó vai trò của công tác kiểm soát, giám sát thực thi các chính sách pháp luật liên quan của cơ quan Hải quan là rất quan trọng, mặc dù vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức đối với tình hình kinh tế nói chung và hoạt động nhập khẩu nói riêng, tình hình nhập khẩu hàng hóa theo chính ngạch (qua cửa khẩu Quốc tế, cửa khẩu chính), biên mậu (qua cửa khẩu phụ, lối mở) giai đoạn từ năm 2011 đến 2015 đạt được một số kết quả cụ thể như sau:

a) Đối với hàng hóa nhập khẩu theo chính ngạch

Cơ cấu hàng nhập khẩu từ Trung Quốc tập trung chủ yếu vào nhóm các mặt hàng cần thiết phải nhập khẩu mà trong nước không có hoặc chưa sản xuất được. Nhóm hàng này chủ yếu là đầu vào cho sản xuất và xuất khẩu, cụ thể: nhóm hàng máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng; nhóm hàng nguyên liệu, sản phẩm như: sắt thép, phân bón, xăng dầu, chất dẻo, sợi, bông, hóa chất nguyên liệu, nguyên liệu dược phẩm, sản phẩm hóa chất, thuốc trừ sâu và nguyên liệu phục vụ, nguyên phụ liệu dệt may, da giày, clinker, kính xây dựng, thức ăn gia súc và nhóm hàng điện tử, điện thoại...

Hoạt động thương mại giữa hai nước trong những năm qua nhìn chung là sôi động, đã góp phần thúc đẩy sản xuất, nâng cao, ổn định đời sống cư dân khu vực biên giới, cơ cấu mặt hàng được mở rộng, trong giai đoạn từ năm 2011 đến 2015 tốc độ trung bình kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tăng khoảng 9,6%/ năm, kim ngạch nhập khẩu năm 2011 đạt 3,03 tỷ USD nhưng đến năm 2015 đạt trên 4,51 tỷ USD. Năm 2012, Trung Quốc thực hiện việc thay đổi chính sách biên mậu, nhiều khu

vực, tại các thời điểm khác nhau ở trong tình trạng cấm biên, kim ngạch nhập khẩu chỉ đạt 3,06 tỷ USD, đạt mức tăng trưởng thấp nhất trong giai đoạn 2011- 2015, chỉ tăng 0,9% so với năm 2011 nhưng trong năm 2013 đã có chuyển biến tích cực đạt 5,01 tỷ USD tăng 63,72% so với năm 2012 (số liệu chi tiết tại bảng 2.1).

Bảng 2.1: Số liệu hàng hóa nhập khẩu qua cửa khẩu (quốc tế, chính) tại các cửa khẩu biên giới Việt Nam – Trung Quốc (ĐVT: Nghìn USD)

Năm Cục Hải quan	2011	2012	2013	2014	2015
Quảng Ninh	618,451	488,672	324,215	409,992	628,220
Lạng Sơn	1,413,995	1,717,958	3,718,206	1,445,907	2,521,101
Cao Bằng	126,888	53,426	136,541	186,578	192,362
Lào Cai	634,939	682,276	716,708	728,938	971,518

Nguồn: Cục CNTT & Thống kê Hải quan.

Ghi chú: Số liệu hàng hóa nhập khẩu trong phạm vi thống kê hàng hoá nhập khẩu không bao gồm loại hình tạm nhập - tái xuất, phi mậu dịch, tiểu ngạch....

b) Đối với hàng hóa nhập khẩu theo biên mậu

Cơ cấu hàng nhập khẩu từ Trung Quốc tập trung chủ yếu nhóm hàng tiêu dùng như giấy dếp, đồ gia dụng (gạch men, bát, đĩa...); Phân bón, nông cụ sản xuất cầm tay, bột mỳ, máy móc, hoa quả tươi; thiết bị, linh kiện máy, vải, lưới, đèn, đồ gia dụng dân sinh....

Năm	Tổng KN nhập khẩu (USD)	Tổng thuế nhập khẩu (VND)	Tổng số vụ VPPL HQ xử lý
2011	1,254,674	5,156,284,541	14
2012	1,748,413	5,593,969,100	17
2013	1,376,585	750,329,153	11
2014	1,303,946	2,531,765,559	42
2015	1,205,627	1,172,357,519	28

Bảng 2.2: Số liệu hàng hóa nhập khẩu qua cửa khẩu (phụ, lối mở) tại các cửa khẩu biên giới Việt Nam – Trung Quốc

(Nguồn: Số liệu báo cáo của Hải quan địa phương)

Phương thức mậu dịch giữa hai nước ngày càng đa dạng. Trước đây, quan hệ thương mại hai nước chủ yếu thông qua hoạt động thương mại biên giới. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, tỷ trọng kim ngạch biên mậu đã có xu hướng giảm dần (số liệu tại bảng 2.2) trong tổng kim ngạch thương mại hai nước. Thương mại chính ngạch đã chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng giá trị thương mại hai nước với các loại hình thương mại đa dạng như tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh, gia công...hoạt động xuất nhập khẩu ngày càng nhộn nhịp cùng với sự ra đời của hàng loạt các Khu kinh tế cửa khẩu, đã giúp các địa phương biên giới điều chỉnh cơ cấu kinh tế phù hợp với xu thế mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế.

Công tác kiểm soát, giám sát hàng hóa xuất nhập khẩu tại các cửa khẩu biên giới với Trung Quốc thực tế có nhiều khó khăn, phức tạp do đối tượng buôn lậu, gian lận thương mại sử dụng nhiều phương thức, thủ đoạn tinh vi. Hoạt động buôn lậu gian lận thương mại trên tuyến biên giới Việt Nam – Trung Quốc diễn ra phức tạp.Hàng hoá vi phạm tập trung chủ yếu vào các mặt hàng như: ngoại tệ, vàng, động thực vật hoang dã quý hiếm,thuốc lá, rượu ngoại, nước giải khát, bánh kẹo, hàng tạp hóa tiêu dùng, mỹ phẩm, quần áo, vải may mặc, nguyên phụ liệu dệt may da giày, gia súc, gia cầm, vật liệu xây dựng, gỗ, đồ gỗ mỹ nghệ, phụ tùng ô tô, xe máy...

Đối tượng buôn lậu chủ yếu lợi dụng địa hình đèo núi biên hiểm trở, các đường mòn, lối mở, đường tắt hai bên cánh gà khu vực cửa khẩu để vận chuyển trái phép hàng hoá. Chính sách miễn thuế đối với hàng hóa trao đổi cư dân biên giới và chính sách ưu đãi tại các khu kinh tế cửa khẩu cũng đang bị các đối tượng buôn lậu khai thác, gây khó khăn cho công tác kiểm soát. Chúng lợi dụng cư dân biên giới, khách du lịch, doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh trong các khu kinh tế để thu gom

hàng lậu, sử dụng chứng từ hóa đơn quay vòng để vận chuyển nội địa. Cụ thể như sau:

- Lợi dụng những bất cập trong công tác quản lý, chính sách mặt hàng, thuế, ưu đãi tại các khu kinh tế cửa khẩu, ưu đãi đối với hàng hóa trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới, khách du lịch hưởng định mức miễn thuế... Các tuyến biên giới đường bộ, địa bàn trọng điểm tại khu vực Cửa khẩu Móng Cái, Hoành Mô, Bắc Phong Sinh, đường biên từ Km1 đến Km3 Phường Ka Long, TP. Móng Cái thuộc tỉnh Quảng Ninh; Cửa khẩu Tân Thanh, Cốc Nam, Hữu Nghị, Chi Ma, Ga đường sắt liên vận quốc tế thuộc tỉnh Lạng Sơn; Cửa khẩu Tà Lùng, Trà Lĩnh thuộc tỉnh Cao Bằng; Cửa khẩu quốc tế Lào Cai, tỉnh Lào Cai... hàng hoá vi phạm đa dạng, tập trung nhiều ở nhóm hàng tiêu dùng như thuốc lá, rượu, bia, nước giải khát, hoa quả, mỹ phẩm, quần áo, thực phẩm, gia súc, gia cầm và các sản phẩm gia cầm, đồ điện tử các loại; đặc biệt do loại hình hàng hóa tạm nhập – tái xuất tại khu vực cửa khẩu Quảng Ninh do phía Trung Quốc thực hiện chính sách cấm biên [39] dẫn đến tình trạng các doanh nghiệp phải chuyển hướng tái xuất qua khu vực Cao Bằng, Lạng Sơn...nhiều lô hàng bị chia lẻ, thường được đối tượng buôn lậu tập kết ngoài địa bàn Hải quan, từ đó chúng thuê cử vận, cư dân biên giới để vận chuyển qua khu vực đường mòn lối mở vào giờ cao điểm hòng trốn tránh sự kiểm soát của lực lượng chức năng, đi sai tuyến đường, vận chuyển trái phép qua biên giới hoặc thâm lậu tiêu thụ nội địa gây khó khăn trong công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan Hải quan.

- Đối tượng trọng điểm gồm các đối tượng là cư dân biên giới không có việc làm ổn định, thông thạo ngôn ngữ, địa bàn, có quan hệ với các đối tượng buôn bán người nước ngoài thường đứng ra móc nối, vận chuyển hàng hoá trái phép qua biên giới cho đầu nậu.

Lực lượng kiểm soát hải quan luôn chủ động, tích cực phối hợp với lực lượng chức năng trên cơ sở các quy chế đã được ký kết giữa các bên, đưa quan hệ phối hợp giữa cơ quan Hải quan với các lực lượng như Công an, Biên phòng, Cảnh sát biển, Quản Lý thị trường ngày càng hiệu quả, có chiều sâu, trong đó, chú trọng ngay từ công tác trao đổi thông tin; tổ chức lực lượng, phương tiện hiệp đồng tác chiến, đấu tranh, bắt giữ xử lý các vụ việc đến phối hợp tổ chức hội thảo, tập huấn,... nhằm nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chung được Đảng, nhà nước giao cho mỗi lực lượng.

Để thực hiện tốt công tác quản lý, giám sát hàng hoá xuất nhập khẩu qua biên giới Việt Nam - Trung Quốc, trong những năm gần đây ngành Hải quan đã và đang không ngừng từng bước tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác nghiệp vụ cho các đơn vị Hải quan địa phương và Doanh nghiệp, tích cực tham mưu cho Bộ Tài chính để thực hiện việc quản lý nhà nước về Hải quan tại khu vực biên giới, tham gia góp ý với các Bộ Ngành có liên quan (Bộ Công Thương, Bộ Quốc Phòng, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Ngoại giao...) về xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật liên quan. Đồng thời đã ban hành, xây dựng các quy trình nghiệp vụ hải quan nhằm cụ thể hóa các bước hướng dẫn công chức Hải quan thực hiện tốt công tác kiểm soát, giám sát phương tiện vận tải xuất nhập cảnh, hàng hóa xuất nhập khẩu qua khu vực biên giới, góp phần chống buôn lậu, gian lận thương mại, đã nghiêm túc triển khai, nghiên cứu và tổ chức thực hiện có hiệu quả văn bản pháp luật Hải quan, pháp luật về thuế và các văn bản pháp luật khác có liên quan đến hàng hoá xuất nhập khẩu; làm tốt hội nghị đối thoại doanh nghiệp và công tác tuyên truyền, hỗ trợ người khai hải quan, người nộp thuế; chủ động giải đáp, tháo gỡ kịp thời những khó khăn vướng mắc của doanh nghiệp tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu, đầu tư qua địa bàn, đã chỉ đạo các Cục Hải quan địa phương thực hiện công tác quản lý, giám sát hàng hoá xuất nhập khẩu, hàng hóa xuất nhập khẩu của cư dân biên giới đảm bảo theo đúng qui định của pháp luật Hải quan, tạo điều kiện thông quan hàng hoá nhanh chóng, thuận lợi cho Doanh nghiệp, người dân tham gia hoạt động xuất nhập khẩu, ngành Hải quan đã thực hiện đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa hải quan như triển khai thủ tục hải quan điện tử VNACCS/VCIS do Nhật Bản tài trợ; Hệ thống e-Customs; Hệ thống e-manifest...triển khai tại các đơn vị Hải quan địa phương để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao trong đó có kiểm soát, giám sát hàng hóa xuất nhập khẩu.

Các đơn vị Hải quan địa phương được tập huấn, quán triệt sâu rộng, nắm vững và triển khai thực hiện tốt các quy định pháp luật hải quan liên quan như Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu; triển khai các biện pháp nghiệp vụ nhằm đấu tranh có hiệu quả với tình hình buôn lậu, gian lận thương mại trong địa bàn kiểm soát hải quan. Tăng cường công tác nắm tình hình, xây dựng kế hoạch phối hợp với lực lượng chức năng, chính quyền địa phương nhằm ngăn chặn, đấu tranh bắt giữ có hiệu quả hàng hóa xuất nhập lậu. Tăng cường công tác tự thanh tra,

kiểm tra nội bộ, tập trung làm tốt công tác phúc tập hồ sơ hải quan, hạn chế thấp nhất những sai sót trong nghiệp vụ hải quan.

Trước đây, hoạt động trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới được thực hiện theo Quyết định số 254/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (miễn thuế với giá trị 2 triệu đồng/người/ngày/lượt).

Đây là chính sách mang tính đồng đều nhưng thực tế nhiều nơi cư dân biên giới không sử dụng đến do nhu cầu phát sinh không thường xuyên; dễ bị lợi dụng để thu gom hàng hoá được miễn thuế đem vào nội địa khi hàng hoá thuộc danh mục hàng hoá trao đổi mua bán của cư dân biên giới có nhu cầu tiêu thụ trong nội địa, ảnh hưởng đến sản xuất trong nước; đặc biệt bị kẻ gian lợi dụng phát sinh buôn lậu. Các đối tượng đầu nậu đã thuê cư dân tại đây đến đăng ký kê khai lượng hàng hóa có trị giá thuộc định mức miễn thuế, sau khi đã hoàn thành thủ tục thì chuyển ngay cho lực lượng cừu vận mang vác hàng đến địa điểm tập kết bằng xe máy, đồng thời hợp pháp hóa bằng các hóa đơn gom hàng rồi vận chuyển vào nội địa tiêu thụ.

Dưới sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, các bộ, ban, ngành, sự ra quân đồng loạt của các lực lượng chức năng và chính quyền địa phương cùng với việc hoàn thiện các chế độ, chính sách đối với các hoạt động thương mại trên tuyến đường bộ thông qua việc ban hành: Thông tư liên tịch số 64/2015/TTLT-BTC-BCT-BCA-BQP quy định chế độ hoá đơn, chứng từ đối với hàng hoá nhập khẩu lưu thông trên thị trường; Quyết định số 52/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 thay thế Quyết định số 254/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý hoạt động thương mại biên giới với các nước có chung đường biên giới và Thông tư số 109/2014/TT-BTC hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế, chính sách tài chính đối với khu kinh tế cửa khẩu, tình hình buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển trái phép hàng hóa trên tuyến biên giới đường bộ giảm rõ rệt so với năm 2014 (Theo báo cáo năm 2015 của Ban chỉ đạo quốc gia chống buôn lậu gian lận thương mại hàng giả thì đã giảm 12.08 % so với cùng kỳ năm 2014), tuy nhiên vẫn còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ phức tạp, nhất là tại các địa bàn trọng điểm gồm: Điện Biên; Cao Bằng, Lào Cai, Lạng Sơn, Quảng Ninh. Hàng hóa trọng điểm tập trung vào các mặt hàng cấm, hàng tạm nhập tái xuất, hàng bách hóa tiêu dùng như ma túy, ngoại tệ, pháo rượu, bia, thuốc lá, gia cầm

2.2.6. Những bất cập, hạn chế trong hoạt động kiểm soát, giám sát hàng hoá nhập khẩu thông quan qua biên giới Việt Nam – Trung Quốc

Bên cạnh các mặt được trong hoạt động kiểm tra, giám sát hải quan như phân tích ở trên, trong thực thi kiểm soát, giám sát hàng hóa nhập khẩu qua biên giới Việt – Trung cũng còn nhiều bất cập, hạn chế ảnh hưởng công tác kiểm soát, giám sát hàng hóa nhập khẩu, có thể kể đến:

Thứ nhất, Việc thiếu rõ ràng trong việc phân biệt giữa thương mại biên giới và hoạt động thương mại quốc tế chính thống đang làm cho công tác quản lý nhà nước về thương mại biên giới trong thời gian qua gặp nhiều lúng túng do có sự chồng chéo giữa các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh lĩnh vực thương mại nói chung và thương mại biên giới nói riêng. Hơn nữa, không thể tận dụng hết được ưu điểm, lợi thế của loại hình thương mại này. Hiện nay thủ tục, chính sách đối với hàng hóa xuất nhập khẩu của ta chủ yếu vẫn thực hiện theo cơ chế quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu thương mại, theo thông lệ quốc tế. Hoạt động xuất nhập khẩu biên mậu tại mỗi tỉnh biên giới lại có đặc thù, có điểm khác so với hoạt động xuất nhập khẩu chính ngạch, có thể phân biệt được thông qua các tiêu chí như chủ thể, cửa khẩu, phương thức giao dịch, phương thức thanh toán, mặt hàng... Các hoạt động xuất nhập khẩu chính ngạch phải được thực hiện trên cơ sở hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế theo các tập quán và thông lệ quốc tế; bắt buộc phải thực hiện giao dịch qua ngân hàng. Còn các hoạt động biên mậu có tính đặc thù có sự linh hoạt hơn về hợp đồng; phương thức thanh toán. Ngoài ra, các chủ thể hoạt động biên mậu đặc thù phải được lựa chọn theo các tiêu chí nhất định và được quyền thực hiện hoạt động xuất nhập khẩu, trao đổi hàng hóa qua các cửa khẩu phụ, lối mở biên giới (các cửa khẩu địa phương), thực tế cho thấy hoạt động thương mại qua biên giới có thể được phân loại thành [23]:

- Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa qua biên giới của thương nhân, được thực hiện theo các quy định chung hiện hành và theo thông lệ quốc tế;

- Hoạt động mua, bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới của thương nhân là hoạt động đặc thù và được hưởng các ưu đãi riêng đối với thương mại biên giới;

- Hoạt động mua, bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới;

- Hoạt động thương mại tại các chợ biên giới, chợ cửa khẩu và chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu;

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ thương mại qua biên giới.

Như vậy, trước một thị trường rộng lớn, luôn chủ động, thường xuyên biến động và được phân cấp mạnh cho địa phương như thị trường Trung Quốc, chúng ta chưa có những chính sách thích hợp để đối ứng khi phía Bạn chủ trương duy trì lâu dài và đẩy mạnh hoạt động thương mại biên giới theo hình thức: buôn bán biên mậu (tiểu ngạch), trao đổi cư dân biên giới. Việc chưa có được chính sách, quy định phù hợp phần nào đã hạn chế khả năng nắm bắt và mở rộng thị trường của doanh nghiệp trong hoạt động xuất nhập khẩu với một thị trường mang nhiều tính đặc thù này, trong năm đã không ít lần, nhiều trường hợp do thay đổi chính sách... đã đặt doanh nghiệp của ta vào thế bất lợi trong đàm phán, ký kết và thực hiện hợp đồng, việc giữa các doanh nghiệp của ta và doanh nghiệp của Trung Quốc thực hiện giao dịch bằng hình thức xuất nhập khẩu biên mậu thường không có hợp đồng kinh tế, nên khi đến thời vụ thu hoạch (như dưa hấu, sắn lát khô, bột sắn...) khi các doanh nghiệp Việt Nam đưa hàng xuất bán sang Trung Quốc thường bị ép giá, gây khó khăn và ùn tắc như tại cửa khẩu phụ, lối mở như: Bắc Phong Sinh, Việt Nam – Lý Hòa, Trung Quốc, Cốc Nam... và cửa khẩu chính như Hoàn Mô, Việt Nam – Động Trung, Trung quốc... thì phía Trung Quốc chỉ cho cư dân biên giới mua bán, giao nhận vận chuyển hàng hóa bằng xe thô sơ (các xe kéo tay), lượng hàng hóa xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu này hạn chế làm thiệt hại lớn về kinh tế cho doanh nghiệp xuất khẩu của ta và gây khó khăn cho công tác kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng tại khu vực cửa khẩu.

Do vậy, cần làm rõ sự khác biệt giữa loại hình thương mại đặc thù với các hình thức thương mại thông thường để có cơ chế điều hành, chính sách, thủ tục phù hợp đáp ứng yêu cầu công tác quản lý thực tế hiện nay của cơ quan Hải quan.

Thứ hai, bất cập trong việc công nhận hoặc nâng cấp các cặp cửa khẩu song phương giữa 2 quốc gia làm ảnh hưởng công tác giám sát hoạt động xuất nhập khẩu: Một số cửa khẩu biên giới phía nước ta đã được nâng cấp lên cửa khẩu chính, cửa khẩu phụ nhưng đến nay phía Trung Quốc chưa nhất trí công bố hoặc đồng ý nâng cấp tại cửa khẩu đối ứng nên ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp trong nước điển hình như cửa khẩu Chi Ma Huyện Lộc Bình tỉnh Lạng Sơn đã được nâng cấp thành cửa khẩu chính theo Quyết định số 343/QĐ-TTg ngày 20/2/2013 của Thủ tướng tuy nhiên phía bạn hiện vẫn chưa có Quyết định và chưa chính thức đưa cửa khẩu song phương đi vào hoạt động. Tại Lào Cai, hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa chủ yếu được thực hiện qua cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu phụ Bản Vược (Theo cục Hải quan tỉnh Lào Cai). Trừ 02 cặp cửa khẩu quốc tế

Lào Cai – Hà Khẩu (đường bộ và đường sắt) đã được Chính phủ hai nước Việt Nam và Trung Quốc công nhận chính thức, còn các cửa khẩu, lối mở khác chưa có sự thỏa thuận giữa 2 nước nên phía Trung Quốc chưa công nhận là cửa khẩu, chỉ bố trí lực lượng công an biên phòng làm nhiệm vụ bảo vệ biên giới cho nên khi phía bạn tăng cường quản lý (như ngăn chặn bằng hàng rào cứng...) thì hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp Việt Nam qua các cửa khẩu phụ, lối mở gặp rất nhiều khó khăn, bị động.

Thứ ba, bất cập, hạn chế về cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, năng lực hoạt động của doanh nghiệp xuất nhập khẩu.

Hiện nay cùng với kinh tế - xã hội nước ta ngày càng phát triển; hệ thống cơ sở hạ tầng như đường giao thông, bến, bãi, nhà kiểm hóa, kho chứa hàng... đang được các tỉnh biên giới phía Bắc quan tâm, tích cực đầu tư xây dựng nhằm đảm bảo quản lý nhà nước đối với hoạt động xuất nhập khẩu, mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới và tạo thuận lợi cho việc triển khai thực hiện cải cách, phát triển và hiện đại hóa của ngành Hải quan; tuy nhiên, việc triển khai thực hiện còn chậm, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế về hoạt động xuất nhập khẩu với lượng phương tiện ra vào cửa khẩu lớn và kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa giữa 2 nước không ngừng tăng theo từng năm như hiện nay, trong khi hệ thống đường bộ, đường sắt khu vực biên giới của nước ta vẫn trong giai đoạn nâng cấp, xây dựng, diện tích bến bãi, kho chứa hàng hạn chế, chưa hoàn thiện, chưa đầu tư các trang thiết bị bốc xếp hiện đại, giữa 2 nước chưa có cơ chế trao đổi thông tin bằng phương thức điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu ... do đó tại khu vực cửa khẩu thường xuyên xảy ra ách tắc hàng hóa, phương tiện vận tải. Một số khu vực cửa khẩu không có vị trí bốc xếp riêng, một số địa điểm bến bãi còn chung với các khu vực sinh hoạt của các cơ quan tại cửa khẩu như bãi đỗ xe, khu vực phương tiện ra vào của khách xuất nhập cảnh, không thuận lợi trong công tác quản lý rủi ro, ảnh hưởng thời gian thông quan hàng hóa, cụ thể như tại cửa khẩu phụ Cốc Nam do đặc thù phương tiện Trung Quốc sang bãi hàng của Việt Nam để bốc xếp hàng hóa xuất khẩu, do vậy ngoài việc quản lý hàng hóa, quản lý phương tiện chờ hàng của Việt Nam, Chi cục Hải quan tại đây còn phải quản lý đối với các phương tiện Trung Quốc ra vào bốc xếp hàng hóa. Các phương tiện chờ hàng Trung Quốc là các loại phương tiện nhỏ nên lượng hàng hóa chuyên chờ được rất ít, do vậy số lượng phương tiện Trung Quốc ra, vào cửa khẩu bốc, xếp hàng hóa rất lớn, gây khó khăn trong công tác quản lý (Báo cáo Tổng cục Hải quan Lạng Sơn, Quảng Ninh) hoặc như tại Chi cục Hải quan

Đường sắt quốc tế Đồng Đăng: công tác giám sát quản lý còn gặp khó khăn vì tại khu vực cửa khẩu chưa có địa điểm làm thủ tục riêng đối với hàng hoá xuất nhập khẩu, còn làm thủ tục chung với các chuyến tàu nội địa chật hẹp nên việc giám sát còn hạn chế; Công tác giám sát, quản lý đối với khách xuất nhập cảnh còn hạn chế trong việc phân luồng hành khách, sử dụng máy soi để kiểm tra hành lý xuất nhập cảnh hoặc như hệ thống giao thông đến các cửa khẩu, điểm thông quan: Na Hình, Nà Nưa, Bình Nghi, Co Sâu, Co Sa, Pò Nhùng... chưa được chuẩn hóa và mở rộng, ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp.

Chợ biên giới của ta tại khu vực biên giới phía Bắc đều là khu chợ dân sinh trong nội địa, hầu hết đã xuống cấp, chưa có các cặp chợ cửa khẩu dành cho hoạt động mua bán, trao đổi cư dân biên giới, trong khi phía nước bạn đã xây dựng khu vực biên mậu, chợ giao dịch xuất nhập khẩu nông sản và chợ hải sản tại các Khu thương mại. Chưa có quy định cụ thể về hoạt động kinh doanh tại khu thương mại (khu Kim Thành – Lào Cai).

Các doanh nghiệp tham gia hoạt động thương mại biên giới chủ yếu là doanh nghiệp vừa và nhỏ, năng lực hạn chế; tính liên kết yếu, nhất là các doanh nghiệp địa phương, chưa xây dựng được chiến lược hoạt động xuất nhập khẩu và thị trường ổn định, hoạt động còn mang nặng tính thời vụ, chưa tiếp cận trực tiếp được với các thị trường tiêu thụ và cung cấp sản phẩm hàng hóa, trong kinh doanh xuất nhập khẩu còn phụ thuộc nhiều các đầu mối trung gian, thường sử dụng phương thức giao dịch truyền thống dựa trên mối quan hệ có sẵn và uy tín là chủ yếu. Bên cạnh đó, hoạt động xuất nhập khẩu tại các cửa khẩu phụ lại phụ thuộc rất lớn vào sự quản lý của cơ quan chức năng phía bạn, vào tập quán, năng lực kinh doanh của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, cho nên có tình trạng cửa khẩu phụ trong khu kinh tế cửa khẩu không sôi động bằng cửa khẩu phụ nằm ngoài khu kinh tế cửa khẩu (ví dụ cửa khẩu phụ Bản Vược so với cửa khẩu phụ Mường Khương). Một số doanh nghiệp xuất khẩu chưa chủ động tìm hiểu, nắm bắt thông tin và thực hiện xin cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) cho hàng hóa xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc để được hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định thương mại tự do ASEAN-Trung Quốc tại phòng Quản lý xuất nhập khẩu khu vực biên giới để nâng cao khả năng cạnh tranh và đem lại hiệu quả cao trong kinh doanh. Ngoài ra, trình độ quản lý, trình độ của đội ngũ nhân viên xuất nhập khẩu, sự am hiểu về cơ chế chính sách xuất nhập khẩu của Việt Nam và Trung Quốc, kiến thức pháp luật về Hải quan còn

hạn chế, chưa chủ động nắm bắt sự thay đổi về cơ chế, chính sách và quy trình thủ tục trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, dẫn đến khi chính sách quản lý, chính sách thuế được sửa đổi, bổ sung, doanh nghiệp không có định hướng, giải pháp điều chỉnh kế hoạch kinh doanh kịp thời nên chịu ảnh hưởng bất lợi, đặc biệt đối với các doanh nghiệp kinh doanh hàng tạm nhập – tái xuất hoặc làm dịch vụ xuất nhập khẩu, nhận ủy thác xuất nhập khẩu...

Công tác phối hợp trong phát hiện, bắt giữ, xử lý các vụ việc ở một số cửa khẩu còn chưa tốt, có việc chưa bàn giao cho nhau theo đúng quy định, hoặc sau khi bàn giao kết quả xử lý không được thông báo phản hồi cho nhau. Một số kế hoạch đấu tranh chống buôn lậu và các hành vi vi phạm an ninh biên giới của mỗi bên khi triển khai đôi khi còn thiếu sự phối hợp hỗ trợ, chi viện lực lượng khi cần thiết. Công tác phối hợp tuần tra, kiểm soát, các khu vực ngoài địa bàn hoạt động Hải quan ở một số nơi còn hạn chế, chưa phối hợp hiệp đồng chặt chẽ.

2.2.7. Nguyên nhân

a. Nguyên nhân khách quan

Tình hình chính trị, kinh tế thế giới và khu vực trong những năm qua luôn biến động nhanh chóng, khó lường và thường xuyên tác động trực tiếp đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị. Đáng chú ý là tình hình biến động về chính trị, khủng hoảng dẫn đến suy thoái kinh tế thế giới kéo dài chậm được phục hồi và những vấn đề nhạy cảm khác như: quốc phòng, an ninh và đối ngoại... Bên cạnh đó, cửa khẩu là địa bàn phức tạp về ANCT, TTXH, nơi tập trung hoạt động của nhiều loại tội phạm, với thủ đoạn ngày càng tinh vi xảo quyệt hơn.

Hệ thống pháp luật liên quan đến lĩnh vực quản lý của các lực lượng còn thiếu thống nhất và còn tồn tại nhiều bất cập là nguyên nhân, điều kiện để bọn tội phạm lợi dụng hoạt động vi phạm pháp luật. Tại một số nơi, đặc biệt là vùng biên giới xa, chính quyền địa phương chưa làm tốt công tác quản lý cư trú, chưa có biện pháp hiệu quả để hỗ trợ phát triển kinh tế, xoá đói giảm nghèo, dẫn đến tình trạng cư dân biên giới trực tiếp hay gián tiếp tiếp tay cho hoạt động buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới.

b. Nguyên nhân chủ quan

Chính sách biên mậu hiện nay của Việt Nam và Trung Quốc có những điểm chưa tương đồng, chính sách áp dụng đối với hàng hoá được phép nhập khẩu của hai quốc gia tại cùng khu vực biên giới chưa đồng nhất nên sẽ ảnh hưởng khó khăn đến việc triển khai các nội dung Chương trình phối hợp hành động chung. Có

những thời điểm hàng hóa (nhất là hàng tạm nhập - tái xuất) tồn đọng nhiều tại cửa khẩu, khó khăn cho công tác giám sát quản lý của Hải quan, cũng như các lực lượng chức năng khác, đồng thời phát sinh các vấn đề về an ninh, xã hội khó kiểm soát. Ngoài ra, tại một số lối mở có giờ thông quan giữa hai nước chênh lệch cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động xuất nhập cảnh phương tiện, xuất nhập khẩu hàng hóa.

Khó khăn trong công tác kiểm soát, giám sát hàng hoá nhập khẩu qua biên giới Việt Nam - Trung Quốc do điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, tại cửa khẩu còn hạn chế, bến bãi, phương tiện bốc xếp, kho chứa hàng, hệ thống giao thông chưa được đầu tư xây dựng cơ bản cụ thể như tại Ga liên vận Đường sắt quốc tế Đồng Đăng, cơ quan Hải quan, Biên phòng thực hiện làm việc tại nhà ga xây dựng đã lâu, vị trí hẹp, khu vực làm thủ tục được thực hiện chung do vậy việc phân luồng để kiểm tra hành lý qua máy soi không phân luồng được, nhất là những ngày có số lượng hành khách đông.

Điều kiện tự nhiên tại địa bàn như tỉnh Cao Bằng, Hà Giang, Điện Biên có vị trí địa lý không thuận lợi, cách xa với các trung tâm kinh tế của Phía Bắc như Hà Nội, Hải Phòng, đường biên giới tại các khu vực cửa khẩu thường có địa hình dài, phức tạp, lực lượng tuần tra, kiểm soát còn mỏng gây khó khăn trong công tác kiểm tra, giám sát, khó tránh khỏi bị lợi dụng thuê cư dân mang vác hàng lậu vận chuyển trái phép qua khu vực khi không có lực lượng giám sát biên giới hai nước.

Kết luận chương 2

Trong chương 2, tác giả đã thực hiện đánh giá điều kiện địa lý, tự nhiên khu vực biên giới tiếp giáp với Trung Quốc và thực trạng công tác kiểm soát hàng hóa nhập khẩu, hàng hóa của cư dân biên giới và tình hình chống buôn lậu và gian lận thương mại qua biên giới Việt Nam – Trung Quốc của Hải quan Việt Nam. Đồng thời tác giả cũng chỉ ra các bất cập và các nguyên nhân tồn tại các bất cập đó. Chương 3 dưới đây, trên cơ sở phương hướng phát triển hoạt động xuất nhập khẩu trong giai đoạn tới, tác giả sẽ đưa ra các giải pháp nhằm tăng cường các biện pháp kiểm soát hàng hóa nhập khẩu thông quan qua biên giới Việt – Trung.

CHƯƠNG 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ KIỂM SOÁT HÀNG HÓA NHẬP KHẨU THÔNG QUAN TẠI CỬA KHẨU BIÊN GIỚI VIỆT TRUNG

3.1. Sự cần thiết của hoàn thiện Pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực này

Kinh tế - xã hội của Việt Nam tiếp tục đà phục hồi, nhưng vẫn chịu tác động mạnh mẽ từ những bất ổn, phức tạp của tình hình kinh tế, chính trị thế giới, đặc biệt là tình hình căng thẳng trong quan hệ giữa các nước lớn trên thế giới, giá dầu thô giảm mạnh và sự suy giảm kinh tế dẫn đến sự phá giá mạnh đồng nhân dân tệ của Trung Quốc.

Trước tình hình trên, dự báo hoạt động buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, gian lận thương mại, hàng giả sẽ tiềm ẩn nhiều diễn biến phức tạp. Nhằm tăng cường hiệu quả công tác chỉ đạo, phát huy sức mạnh tổng hợp giữa các cơ quan chức năng, các địa phương về đấu tranh phòng, chống buôn lậu, Tổng cục Hải quan đã tích cực tham mưu cho Bộ Tài chính, Chính phủ ban hành Quyết định 389/QĐ-TTg ngày 19/3/2014 thành lập Ban chỉ đạo Quốc gia chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả (Ban chỉ đạo 389/QG), đồng thời tham mưu ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo 389/QG, Quy chế hoạt động của Văn phòng Thường trực Ban Chỉ đạo; tổ chức thành công lễ ra mắt Văn phòng thường trực Ban chỉ đạo (ngày 24/6/2014); đôn đốc việc thành lập BCD 389 tại các địa phương; triển khai thực hiện Kế hoạch công tác các năm và các đề án, chuyên đề chuyển giao từ Ban chỉ đạo 127TW; thành lập các đoàn kiểm tra công tác tại các địa bàn trọng điểm.

3.2. Quan điểm và định hướng quản lý hoạt động xuất nhập khẩu qua biên giới Việt - Trung

(i) Về xây dựng thể chế

Thực hiện tổng kết, đánh giá việc thực hiện các quy định của pháp luật về thủ tục, kiểm tra, giám sát hải quan và thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu. Hệ thống hoá và xây dựng cơ sở dữ liệu pháp luật quản lý nhà nước về hải quan đưa lên mạng trực tuyến, tạo thuận lợi cho việc tra cứu, tiếp cận hệ thống pháp luật hải quan của người dân và doanh nghiệp.

(ii) Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan

Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan thực hiện áp dụng đầy đủ phương thức quản lý hải quan dựa trên quản lý sự tuân thủ theo các trụ cột: thu thập, xử lý thông tin nghiệp vụ, quản lý rủi ro và kiểm tra sau thông quan. Xây dựng chương trình quản lý tuân thủ đồng bộ, thống nhất trên các mặt bao gồm: chính sách khuyến khích tự nguyện tuân thủ pháp luật hải quan, các quy trình thủ tục, các chế tài, xử lý vi phạm và chương trình tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức.

Đơn giản, hài hòa hóa thủ tục hải quan phù hợp với chuẩn mực và thông lệ quốc tế trên các phương diện: loại bỏ các yêu cầu cung cấp thông tin, chứng từ trùng lặp, chồng chéo; phân định rõ thủ tục và các chế độ quản lý hải quan trên cơ sở khuyến nghị và chuẩn mực của Công ước Kyoto sửa đổi; hài hòa hóa các thủ tục và chế độ quản lý hải quan có chung nội dung, bản chất về một thủ tục, chế độ quản lý chuẩn mực trên cơ sở khuyến nghị của Công ước Kyoto sửa đổi. Áp dụng rộng rãi và hiệu quả việc thực hiện thủ tục, kiểm tra, giám sát hải quan bằng phương thức điện tử để tiến tới môi trường làm việc không sử dụng giấy tờ trên các mặt: khai và tiếp nhận thông tin khai hải quan; trao đổi thông tin cấp phép và các chứng từ liên quan giữa các cơ quan nhà nước trong khuôn khổ cơ chế một cửa hải quan quốc gia.

(iii) Kiểm soát hải quan

Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin nghiệp vụ hải quan, hệ thống quản lý rủi ro trong các lĩnh vực nghiệp vụ hải quan trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại, tự động hóa cao; thiết lập, duy trì cơ chế phối hợp hiệu quả, chia sẻ thông tin với cộng đồng doanh nghiệp, các cơ quan quản lý nhà nước liên quan, cơ quan hải quan nước ngoài và các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực kiểm soát hải quan.

(iv) Tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực

Một là, tổ chức bộ máy:

Kiến toàn hệ thống tổ chức hải quan đáp ứng các yêu cầu quản lý hải quan hiện đại, có quy mô phù hợp với khối lượng công việc và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa bàn khu vực biên giới Việt - Trung, theo nguyên tắc gọn nhẹ hiệu lực, hiệu quả.

Hai là, xây dựng, phát triển nguồn nhân lực:

Xây dựng và từng bước đưa vào áp dụng phương pháp quản lý nguồn nhân lực hiện đại thông qua việc phân tích công việc, xây dựng mô tả chức danh công việc chung, bộ tiêu chuẩn năng lực; xây dựng cơ chế quản lý, cập nhật và sử dụng các bảng mô tả công việc, bộ tiêu chuẩn năng lực; thực hiện việc rà soát, đánh giá toàn bộ đội ngũ cán bộ, công chức theo yêu cầu chức danh công việc; triển khai việc xây dựng các hệ thống trợ giúp hoạt động quản lý nguồn nhân lực trong ngành Hải quan.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và đảm bảo liêm chính hải quan. Hoàn chỉnh các quy định về kỷ luật, kỷ cương nội bộ với một hệ thống quy định chặt chẽ, định rõ các hành vi, tính chất của từng nhóm hành vi cùng với các biện pháp, hình thức chế tài, xử lý nghiêm khắc tương xứng. Kết hợp tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức với thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định về liêm chính hải quan, đồng thời xây dựng kế hoạch từng bước đảm bảo các yếu tố vật chất và tinh thần để thực hiện liêm chính hải quan. Tổ chức tuyên truyền phổ biến, nâng cao nhận thức của doanh nghiệp, cá nhân về liêm chính hải quan.

(v) Xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật

Tập trung đầu tư, hiện đại hoá các trụ sở làm việc, địa điểm kiểm tra tập trung; các trang thiết bị kỹ thuật, công cụ hỗ trợ; hạ tầng truyền thông và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho các mặt hoạt động cơ quan hải quan đồng bộ, thống nhất và phù hợp với quy hoạch.

Trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác quản lý được đổi mới và hiện đại hóa theo lĩnh vực, nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm có tính đến đặc điểm của từng địa bàn, đơn vị. Ưu tiên đầu tư trang bị đồng bộ hệ thống máy móc, trang thiết bị công nghệ thông tin, máy soi, hệ thống camera giám sát tại các địa bàn trọng điểm.

Công nghệ thông tin và thống kê hải quan

Xây dựng hệ thống thông tin Hải quan tích hợp đáp ứng các yêu cầu nghiệp vụ và thực hiện thủ tục hải quan điện tử theo hướng xử lý dữ liệu điện tử tập trung trên mô hình kiến trúc hướng dịch vụ, đóng vai trò cốt lõi của hệ thống công nghệ thông tin thuộc cơ chế một cửa quốc gia; phát triển và duy trì hoạt động ổn định của hạ tầng truyền thông, kết nối các đơn vị trong ngành hải quan và với các cơ quan có

liên quan, đảm bảo đáp ứng yêu cầu về băng thông và khả năng dự phòng; xây dựng các Trung tâm xử lý dữ liệu điện tử Hải quan trực thuộc Tổng cục Hải quan đóng vai trò xử lý dữ liệu điện tử tập trung cho các hoạt động nghiệp vụ trong ngành với hệ thống máy chủ lớn, các thiết bị công nghệ thông tin hiện đại và các giải pháp đảm bảo an ninh, an toàn tiên tiến; xây dựng đội ngũ chuyên gia về công nghệ thông tin.

Hệ thống thông tin Hải quan được đầu tư theo phương thức huy động tối đa nguồn lực từ khu vực tư nhân thông qua quan hệ hợp tác công - tư theo lộ trình: trước hết đáp ứng các nghiệp vụ cốt lõi mang tính chuẩn mực; tích hợp tiến tới từng bước thay thế dần các hệ thống cũ xử lý các nghiệp vụ đặc thù bằng các cấu phần mới. Từng bước chuyển đổi hệ thống thành dịch vụ công có thu phí với mô hình quản lý theo mô hình doanh nghiệp công ích có sự tham gia quản lý, điều hành của cả khu vực công và khu vực tư nhân để vừa đảm bảo khả năng kiểm soát vừa nâng cao hiệu quả đầu tư cũng như có được nguồn lực tài chính và nguồn nhân lực thích đáng để duy trì, vận hành và nâng cấp hệ thống nhằm đảm bảo tính sẵn sàng, linh hoạt cũng như khả năng thích ứng nhanh của hệ thống với các thay đổi từ chính sách và nghiệp vụ.

Triển khai các chỉ tiêu thống kê hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu mới trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; đa dạng hoá các sản phẩm thống kê; nâng cao chất lượng phân tích, dự báo thống kê; nghiên cứu áp dụng các kỹ thuật, nghiệp vụ thống kê hiện đại vào thống kê hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.

3.3. Giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam về kiểm soát hàng hóa nhập khẩu thông quan tại cửa khẩu biên giới Việt - Trung

3.3.1. Hoàn thiện chính sách pháp lý đối với công tác kiểm soát hải quan hàng hoá nhập khẩu

Công tác quản lý hàng hóa xuất- nhập khẩu, phương tiện vận tải qua biên giới Việt- Trung có tính phức tạp cao do số lượng lớn, đa dạng về đối tượng, phạm vi rộng và liên tục về thời gian. Vì thế việc bổ sung, sửa đổi một số điều trong hệ thống văn bản pháp luật liên quan tạo điều kiện để nâng cao hiệu quả và hiệu năng công tác quản lý hàng hóa xuất- nhập khẩu, phương tiện vận tải qua biên giới.

Hệ thống văn bản quản lý hàng hóa xuất- nhập khẩu, phương tiện vận tải qua biên giới Việt- Trung của Việt Nam đã được ban hành và khá hoàn thiện, tạo khuôn khổ pháp lý để công tác quản lý diễn ra thuận lợi. Tuy nhiên, nhiều vấn đề phát sinh trên thực tế cũng như quan hệ giữa hai quốc gia ngày càng được mở rộng và đạt lên tầm cao mới đòi hỏi phải bổ sung, sửa đổi một số điều trong các văn bản pháp luật để tương thích với những vấn đề diễn ra trên thực tế.

Các loại văn bản quản lý hàng hóa xuất- nhập khẩu, phương tiện vận tải quan biên giới Việt- Trung bao gồm nhiều loại như văn bản của Chính phủ, Bộ Công Thương và các bộ ban ngành tương đương, văn bản của địa phương và văn bản của phía Trung Quốc. Mỗi loại văn bản có hiệu lực trong một khoảng thời gian và trong một phạm vi nhất định. Có những văn bản đã lạc hậu cần được sửa đổi. Có những văn bản mới được ban hành và áp dụng thậm chí đang trong quá trình thử nghiệm. Có những văn bản của các địa phương đưa ra các quy định khác với các quy định của trung ương nhằm tạo ra những ưu đãi đặc biệt để có thể thu hút vượt trội nguồn lực vào địa phương. Chính điều này càng làm tăng tính khác biệt của các biện pháp được đưa ra trong quản lý gây phức tạp và chi phí trong điều chỉnh và hoàn thiện.

Để bảo đảm sự thống nhất cao nhất có thể trong hệ thống các chính sách, quy định, luật pháp quản lý hàng hóa xuất- nhập khẩu qua biên giới Việt- Trung, cần tiến hành các công việc sau đây:

(i) Tiến hành rà soát theo “chiều ngang” nghĩa là rà soát, phân tích, đánh giá các loại văn bản do các địa phương cùng một cấp trước hết là cấp tỉnh đưa ra trong quản lý hàng hóa xuất- nhập khẩu qua các giai đoạn để phát hiện ra những điểm thiếu thống nhất và chưa đầy đủ. Chẳng hạn, cần rà soát các loại văn bản do các tỉnh có hàng hóa xuất nhập khẩu với Trung Quốc ban hành như Lào Cai, Lạng Sơn, Quảng Ninh...Chỉ ra những điểm thiếu thống nhất gây thiệt hại về lợi ích đối với nhà nước, nhân dân cũng như có thể bị phía Trung Quốc lợi dụng.

(ii) Tiến hành rà soát theo “chiều dọc” nghĩa là rà soát theo các vấn đề đặt ra trong quản lý hải quan bao gồm rà soát tính thống nhất và tính nhất quán của các loại văn bản đã được các cấp trong ngành hải quan ban hành. Đồng thời, cần rà soát theo thời gian nghĩa là rà soát tính nhất quán trong nội dung và hình thức của các loại văn bản trong một thời kỳ dài thậm chí liên thời kỳ. Đây là căn cứ để các văn

bản, quy định được hoàn thiện có toàn diện và nhất quán cao nhất. Chẳng hạn, rà soát tính thống nhất giữa Luật Hải quan với các loại văn bản dưới luật, các quy định hướng dẫn và các văn bản bổ sung của các cấp. Khi Luật Hải quan sửa đổi, các văn bản dưới luật cần được điều chỉnh cho phù hợp để không dẫn đến tình trạng mâu thuẫn hoặc thiếu thống nhất giữa quy định của Luật và các văn bản hướng dẫn.

(iii) Tiến hành đối chiếu các loại quy định giữa hai bên Việt Nam và Trung Quốc để hiểu cụ thể hơn các quy định về hàng hóa di chuyển qua cửa khẩu hai quốc gia. Tìm hiểu cụ thể nguyên nhân của những sự khác nhau về quy định giữa hai bên và đưa ra những quy định thống nhất trên nguyên tắc tạo thuận lợi cho thương mại cũng như bảo vệ lợi ích của cả hai bên. Giảm thiểu tình trạng hai bên đặt ra các loại rào cản thương mại hàng hóa di chuyển giữa các cửa khẩu quốc gia dưới mọi hình thức.

(iv) Ban hành các quy định mới liên quan đến các cam kết giữa Việt Nam và Trung Quốc trong Khu vực mậu dịch tự do ASEAN- Trung Quốc và Chương trình thu hoạch sớm cũng như các thỏa thuận gần đây giữa hai quốc gia về cửa khẩu. Chẳng hạn, tình trạng hàng trăm xe tải chở hàng hóa từ Việt Nam sang Trung Quốc thường bị tắc nghẽn ở cửa khẩu Tân Thanh và xuất hiện nhu cầu mở thêm cửa khẩu mới giữa Việt Nam và Trung Quốc. Điều này đòi hỏi cả hai bên cần tiếp tục phối hợp nghiên cứu ban hành quy định mới để phù hợp với điều kiện mới của thương mại được mở rộng và tốc độ gia tăng ngày càng nhanh.

(v) Điều chỉnh các quy định hiện tại để phù hợp với cách thức điều chỉnh của Hải quan Trung Quốc tại các cửa khẩu cũng như đòi hỏi của tình hình mới như quy định định lượng giá trị hàng hóa mỗi cá nhân được mang theo là 2 triệu đồng/người có thể phù hợp với tình hình 5 năm trước. Trung Quốc là quốc gia có lượng hàng hóa xuất khẩu rất lớn cho nên nhu cầu xuất khẩu hàng hóa đặc biệt là hàng hóa dễ sản xuất và chất lượng thấp rất lớn. Hiện nay, tình hình có sự thay đổi đặc biệt là giá cả hàng hóa có sự thay đổi so với 5 năm trước và nhu cầu cải thiện thu nhập cư dân biên giới thay đổi đáng kể cho nên con số hàng hóa định lượng được mang theo này có thể nâng lên 2,5-3 triệu đồng/người. Đây cũng là cách thức để tạo khả năng công khai hóa các khoản hàng hóa định lượng mang theo của từng cư dân, tạo điều kiện thuận lợi trong quản lý, giảm thiểu các giao dịch ngầm, thúc đẩy giao lưu hàng hóa giữa hai quốc gia và cải thiện đời sống cư dân.

3.3.2. Hoàn thiện quy định pháp luật liên quan đến cơ chế kiểm soát biên giới bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Thứ nhất, kiểm soát biên giới hàng hóa quá cảnh có nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng giả mạo.

Đây là những nội dung thường gây ra tranh chấp giữa cơ quan Hải quan, chủ thể quyền sở hữu trí tuệ và người làm thủ tục hải quan về cách hiểu và cách xử lý trên thực tế. Trước đây Luật Hải quan năm 2005 cũng đã loại trừ không áp dụng biện pháp tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng quá cảnh, điều này có thể hiểu là đối với hàng quá cảnh nếu có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng giả, cơ quan hải quan cũng sẽ không bắt giữ và xử lý theo yêu cầu của chủ thể quyền. Điều này là có cơ sở vì bản chất của hàng quá cảnh là không thâm nhập hoặc tiêu thụ vào Việt Nam, do vậy không gây thiệt hại cho chủ thể quyền hoặc người tiêu dùng. Bên cạnh đó, hàng hóa quá cảnh còn thực hiện theo các Hiệp định quốc tế về quá cảnh mà Việt Nam đã ký với các quốc gia láng giềng (trong các hiệp định này cũng không đề cập đến việc quản lý hoặc xử lý hàng quá cảnh là hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng giả).

Tuy nhiên, do Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/08/2013 và trước đây là Nghị định số 97/2010/NĐ-CP ngày 21/09/2010 của Chính phủ (văn bản này được xây dựng trên cơ sở Luật SHTT 2005 và 2009) vẫn có quy định về xử phạt VPHC đối với hàng hóa quá cảnh là hàng giả mạo về sở hữu trí tuệ hoặc xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ nên việc kiểm soát, xử lý hàng hóa quá cảnh xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ vẫn được đề cập đến. Nội dung quy định lần này tại Luật Hải quan 2014 đã xác định rõ việc loại trừ không áp dụng thủ tục tạm dừng làm thủ tục hải quan, tức là không xem xét xử lý đối với hàng hóa quá cảnh trong trường hợp chỉ có dấu hiệu nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng giả. Trên thực tiễn thì đối với trường hợp này, hải quan Việt Nam nên áp dụng cơ chế trao đổi hoặc cung cấp thông tin cho chủ thể quyền hoặc cơ quan hải quan nơi đích cuối cùng của hàng hóa để tiến hành việc bắt giữ và xử lý là hợp lý nhất.

Thứ hai, xử lý hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng giả mạo là hàng hóa xuất khẩu.

Đối với vấn đề kiểm soát biên giới đối với hàng hóa xuất khẩu để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Luật Hải quan năm 2005 và năm 2014 cũng như Luật Sở hữu trí tuệ đều có quy định cho phép cơ quan Hải quan được quyền áp dụng các biện pháp kiểm soát biên giới theo yêu cầu chủ thể quyền sở hữu trí tuệ. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra ở đây là nếu phát hiện hàng hóa xuất khẩu là hàng giả mạo về sở hữu trí tuệ thì cơ quan hải quan có quyền trực tiếp xử lý không? đồng thời việc quy định như vậy có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp không.

Trên thực tế, Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/08/2013 của Chính phủ cũng đã quy định về việc xử lý vi phạm hành chính đối với hàng hóa xuất khẩu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng giả, nhưng chỉ xem xét xử lý khi đáp ứng những yêu cầu nhất định. Việc xử lý cũng phải tính đến nguyên tắc ưu đãi quốc gia trong việc áp dụng các nguyên tắc kiểm soát biên giới để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, cũng như thực tế là nhãn hiệu đó nếu không đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp tại Việt Nam thì việc sản xuất, kinh doanh cũng như xuất khẩu sẽ không bị coi là bất hợp pháp. Trong các phiên đàm phán gia nhập TTP cũng như các hiệp ước thương mại khác, Việt Nam và các nước tham gia đàm phán cũng đều nhất trí là không áp dụng kiểm soát biên giới bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa xuất khẩu từ các quốc gia thành viên.

Thứ ba, thực hiện quyền chủ động trong việc kiểm soát hàng hóa có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Điều 58 Hiệp định TRIP/WTO quy định rằng các quốc gia thành viên có thể cho phép các cơ quan có thẩm quyền chủ động hành động đình chỉ thông quan hàng hóa mà các cơ quan đó có chứng cứ hiển nhiên về sự xâm phạm quyền SHTT. Tại khoản 4 Điều 216 Luật SHTT năm 2005/2009 cũng quy định “*Trong quá trình thực hiện biện pháp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, nếu phát hiện hàng hoá giả mạo về sở hữu trí tuệ theo quy định tại Điều 213 của Luật này thì cơ quan hải quan có quyền và có trách nhiệm áp dụng biện pháp hành chính để xử lý theo quy định tại Điều 214 và Điều 215 của Luật này*”.

Với các quy định như trên có thể hiểu rằng cơ quan Hải quan trong quá trình thực hiện việc kiểm soát biên giới, nếu có cơ sở nghi ngờ hàng hóa đó là hàng giả mạo về SHTT (bao gồm hàng hoá, bao bì của hàng hoá có gắn nhãn hiệu, dấu hiệu trùng hoặc khó phân biệt với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ dùng cho chính mặt hàng đó mà không được phép của chủ sở hữu nhãn hiệu hoặc của tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý hoặc hàng hoá sao chép lậu là bản sao được sản xuất mà không được phép của chủ thể quyền tác giả hoặc quyền liên quan) thì có quyền được áp dụng các biện pháp như khám xét phương tiện, khám xét hàng hóa hoặc tạm giữ phương tiện, hàng hóa để làm cơ sở cho việc xử lý theo quy định của Pháp luật.

Tuy nhiên việc giải thích nội dung Điều 216 này cũng chưa được làm rõ trên thực tế, gây lúng túng cho việc vận dụng để phù hợp với thực tiễn hoạt động của ngành Hải quan như: cơ quan hải quan sẽ phải làm như thế nào ? cách thức và quy trình thực hiện ra sao? Cơ chế đảm bảo cho việc xử lý các khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc xử lý của cơ quan hải quan?

Thời gian qua trong hoạt động của cơ quan hải quan cũng đã có một số vụ việc có thể đánh giá là Hải quan Việt nam đã thể hiện được phần nào quy định của Hiệp định TRIP/WTO về quyền hành động mặc nhiên trong việc phát hiện và xử lý hàng hóa nhập khẩu là hàng giả mạo về nhãn hiệu, đặc biệt là trong một số trường hợp nhãn hiệu hàng hóa chưa đăng ký bảo vệ tại cơ quan Hải quan. Khi gặp những trường hợp này, cơ quan hải quan đã chủ động tra cứu tại thư viện số về SHTT tại Cục SHTT để xác định nhãn hiệu này đã đăng ký tại Việt Nam hay chưa. Trường hợp nếu nhãn hiệu này đã đăng ký tại Việt Nam và có thông tin để có thể tìm được chủ thể quyền hoặc người đại diện, cơ quan hải quan đã chủ động trao đổi với các Hiệp hội, tổ chức đại diện, cơ quan thương mại để tìm được người đại diện hoặc chủ nhãn hiệu đó. Trên cơ sở thông tin cung cấp, cơ quan hải quan đã thông báo và cung cấp thông tin, hình ảnh về đối tượng hàng hóa có nghi ngờ xâm phạm quyền SHCN đối với nhãn hiệu. Sau khi đã được xác nhận từ chủ nhãn hiệu, các bên liên quan đã phối hợp với nhau để tiến hành xử lý theo quy định của Pháp luật.

Tuy nhiên xét về mặt khách quan đây mới chỉ là những vụ việc cụ thể và phụ thuộc rất nhiều vào ý chí chủ quan, tinh thần tự giác của cán bộ thụ lý trực tiếp, chưa có sự hướng dẫn và chỉ đạo thống nhất trong toàn ngành cũng như chưa có sự nghiên cứu, đánh giá tham khảo để có thể học tập kinh nghiệm xử lý của một số Hải quan các nước trên thế giới. Đồng thời bên cạnh đó cũng phải đặt ra trường hợp nếu cơ quan Hải quan đã thông báo mà các chủ thể quyền này không có ý kiến phản hồi lại thì cơ quan Hải quan sẽ phải xử lý như thế nào?

Quyền chủ động là một trong những nội dung mới được đưa vào Luật Hải quan năm 2014. Đây là một trong những nội dung mới rất đáng lưu ý và cũng rất cần phải có sự hướng dẫn cụ thể để có cách hiểu và vận dụng thống nhất, chính xác theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho chủ thể quyền sở hữu trí tuệ trong việc bảo vệ quyền hợp pháp của mình. Tuy nhiên cũng giống như quy định tại Luật SHTT 2005/2009 nội dung này thể hiện tại Luật Hải quan 2014 còn chưa thật sự rõ ràng mà vẫn còn mang tính chung chung. Do vậy, để đảm bảo cho việc áp dụng nội dung này trên thực tế, cần có hướng dẫn cụ thể tập trung vào những vấn đề như: thời điểm áp dụng quyền chủ động trong quá trình làm thủ tục hải quan, điều kiện để áp dụng, những công việc mà cán bộ hải quan phải thực hiện khi đã chủ động tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với 01 lô hàng cũng như cách thức phối hợp giữa các lực lượng hải quan trong việc xử lý, điều tra xác minh sau khi đã tạm dừng làm thủ tục hải quan.

Thứ tư, việc áp dụng biện pháp can thiệp đột xuất trong quá trình làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Triển khai hệ thống thông quan tự động VNACS đặt ra những vấn đề cần phải có sự hướng dẫn để có thể đáp ứng yêu cầu kiểm soát biên giới để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, điều này xuất phát từ thực tế là việc áp dụng VNACS sẽ thay đổi cơ bản phương thức kiểm soát biên giới bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ mà ngành hải quan đang thực hiện.

Nếu như trước đây việc kiểm tra khai báo, thông quan hàng hóa do cán bộ hải quan thực hiện thì hiện nay việc này do hệ thống tự đánh giá và quyết định, đặc biệt là đối với hàng hóa được phân luồng xanh. Điều này đòi hỏi phải xây dựng và áp dụng một cách có hiệu quả các tiêu chí quản lý rủi ro về sở hữu trí tuệ.

Tuy nhiên trên thực tế thì việc áp dụng là không có khả thi, điều này xuất phát từ đặc thù của một số đối tượng quyền sở hữu trí tuệ là nó được thể hiện trên hàng hóa chứ không phải là hàng hóa. Ví dụ như vấn đề bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu, hệ thống chỉ phát hiện nếu như người khai hải quan khai báo trên hệ thống chính xác về nhãn hiệu của hàng hóa, tuy nhiên nội dung này không phải là yêu cầu bắt buộc trong việc khai báo, đồng thời cách thức xây dựng tiêu chí và áp dụng tiêu chí quản lý rủi ro của hệ thống chỉ đạt hiệu quả cao nhất là áp dụng đối với hàng hóa được đưa vào một mã HS cụ thể hoặc áp dụng đối với những đối tượng doanh nghiệp trọng điểm. Đồng thời vấn đề đặt ra ở đây là nếu đang trong quá trình xử lý của hệ thống thì có áp dụng được thủ tục thông báo về hàng có nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, quyết định tạm dừng làm thủ tục thông quan không?

Vì vậy, để có thể đảm bảo được yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đạt hiệu quả, cần có quy định cụ thể về thủ tục áp dụng biện pháp can thiệp đột xuất đối với hàng hóa có dấu hiệu nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong trường hợp phát hiện nghi vấn về hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trước khi áp dụng thủ tục thông báo, quyết định tạm dừng. Điều này sẽ đảm bảo được cho việc chủ động của cơ quan hải quan trong việc điều tra, xác minh cũng như sẽ tạo thuận lợi cho việc phối hợp giữa cơ quan hải quan và chủ thể quyền sở hữu trí tuệ trong công tác bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

3.3.3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ công tác kiểm soát hải quan

Trước tình hình thế giới, khu vực và trong nước cũng như thực trạng mô hình tổ chức, năng lực trình độ chuyên môn của lực lượng chuyên trách chống buôn lậu, gian lận thương mại, để đáp ứng yêu cầu và thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ do ngành Hải quan giao cho, cần thực hiện tốt một số giải pháp sau:

Thứ nhất, Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan cần nhất quán chủ trương, quan điểm: Xây dựng lực lượng Kiểm soát Hải quan chuyên nghiệp và hiện đại. Triển khai Luật Hải quan 2014 theo hướng: sắp xếp kiện toàn lại bộ máy tổ chức ngành Hải quan nói chung và lực lượng Kiểm soát Hải quan nói riêng kết hợp với đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ Kiểm soát Hải quan. Hàng năm, Cục Điều tra chống buôn lậu tiến hành rà soát, phân loại cán bộ công chức đang công tác trong lực

lượng Kiểm soát Hải quan làm cơ sở để xây dựng các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ Kiểm soát Hải quan. Trong quá trình rà soát cần phân loại thành cán bộ lãnh đạo chỉ huy và cán bộ công chức để bố trí thời gian đào tạo cho phù hợp.

Thứ hai, trên cơ sở đề án "Nâng cao năng lực cho lực lượng Hải quan chuyên trách chống buôn lậu đến năm 2020", Cục Điều tra chống buôn lậu sẽ xây dựng kế hoạch tuyển chọn nguồn nhân lực cho những năm tới, trong đó ưu tiên tuyển chọn những cán bộ đang công tác trong ngành Công an, Quân đội, Bộ đội biên phòng có nguyện vọng công tác trong lực lượng Kiểm soát Hải quan, đây là những người đã có kinh nghiệm trong đấu tranh phòng, chống tội phạm sẽ bổ sung cho lực lượng Kiểm soát hải quan. Đồng thời Cục Điều tra chống buôn lậu đề xuất Tổng cục Hải quan, Bộ Tài chính cho phép tuyển những thí sinh dự thi vào các trường Học viện Cảnh sát nhân dân (CSND), Học viện An ninh nhân dân (ANND), Đại học CSND, Đại học ANND có điểm sát với điểm mà các trường Công an xét tuyển cam kết công tác lâu dài trong lực lượng Kiểm soát Hải quan sẽ được tuyển dụng vào ngành Hải quan và được gửi học ngay tại các trường này. Sau khi tốt nghiệp sẽ về công tác tại các đơn vị Kiểm soát hải quan.

Thứ ba, cần có chính sách khuyến khích các cá nhân cán bộ công chức Kiểm soát Hải quan tự nghiên cứu học tập nâng cao trình độ chuyên môn như hỗ trợ kinh phí khi tham gia học hệ cao học, nghiên cứu sinh là một trong các tiêu chí để đề bạt, bổ nhiệm cán bộ.

Thứ tư, hàng năm thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng tập huấn tại trường Hải quan Việt Nam hoặc phối hợp với các trung tâm huấn luyện, các trung tâm đào tạo của Bộ Công an, Bộ Quốc Phòng, các trường Đại học có uy tín... để tổ chức

Thứ năm, tăng cường công tác phối hợp với các trường Công an, Quân đội như Học viện Cảnh sát nhân dân, Học viện An ninh nhân dân, Học viện kỹ thuật quân sự... tổ chức các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ cho từng loại đối tượng trong lực lượng Kiểm soát Hải quan như bồi dưỡng nghiệp vụ điều tra, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng chống tội phạm ma túy... góp phần nâng cao trình độ cho lực lượng Kiểm soát Hải quan trong những năm tới.

Thứ sáu, khâu sử dụng cán bộ phải kết hợp chặt chẽ, linh hoạt trong việc bố trí sắp xếp số cán bộ công chức đã được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ điều tra và có kinh nghiệm trên lĩnh vực kiểm soát Hải quan với việc luân chuyển, điều động, chuyển đổi vị trí công tác theo quy định của pháp luật. Đảm bảo bồi dưỡng đào tạo cán bộ tránh bị móc nối mua chuộc theo hướng điều động, luân chuyển số này trong lực lượng kiểm soát Hải quan mà không điều chuyển sang các lĩnh vực chuyên ngành khác, nhằm đảm bảo cho cán bộ công chức kiểm soát hải quan có 100% số lượng đào tạo chuyên sâu, phát huy các kiến thức đã được đào tạo đồng thời tránh lãng phí nguồn nhân lực mà không được sử dụng đúng mục đích.

3.3.4. Giải pháp về kỹ thuật thông tin

Ngoài việc kiện toàn bộ máy, tổ chức lực lượng chuyên trách làm công tác chống buôn lậu, trong thời gian tới ngành Hải quan tiếp tục đẩy mạnh hợp tác quốc tế nhằm nâng cao vị thế của Hải quan Việt Nam trên các diễn đàn khu vực và thế giới; mở rộng và khai thác có hiệu quả nguồn thông tin tình báo Hải quan trong khu vực để phục vụ tích cực cho các hoạt động nghiệp vụ về kiểm soát Hải quan. Cùng với đó, ngành Hải quan đang cải cách toàn diện ở mọi mặt công tác, đặc biệt là công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả.

Có thể kể tới, vào đầu năm 2015, ngành Hải quan chính thức vận hành Trung tâm chỉ huy trực tuyến. Trung tâm được kỳ vọng chống buôn lậu “từ xa” nhờ xác định trọng điểm, kiểm soát trực tuyến, kịp thời ra quyết định, chỉ đạo các đơn vị trong việc phối hợp thực hiện các biện pháp ngăn chặn, bắt giữ khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật Hải quan. Thông quan hệ thống camera giám sát, xe lưu động... được kết nối trực tuyến giúp cho lực lượng Hải quan tiếp nhận thông tin bằng hình ảnh về hoạt động XNK, XNC một cách nhanh chóng, tức thời. Những dữ liệu về số tờ khai XNK, số container, biển kiểm soát phương tiện vận tải... nằm cách Trung tâm hàng trăm, hàng nghìn cây số đều được đưa vào “tầm ngắm”. Cùng với đó, Trung tâm được trang bị Hệ thống máy bay không người lái Orbiter 2 có tầm hoạt động từ 30km đến 35km, tốc độ bay tối đa 5.000m, tốc độ bay từ 55km/h đến 133km/h... giúp giám sát các phương tiện ngoài khơi... Chỉ sau một thời gian ngắn đi vào hoạt động, Trung tâm đã hỗ trợ đắc lực cho lực lượng kiểm soát Hải

quan ngăn chặn nhiều vụ vận chuyển hàng cấm từ nước ngoài vào Việt Nam qua các khu vực cảng biển, cảng hàng không và tuyến biên giới đường bộ.

Tính đến thời điểm hiện tại, ngành Hải quan đã trang bị 20 hệ thống máy soi container (cố định, di động và dạng cổng) đặt tại các Cục Hải quan địa phương có kim ngạch hàng hóa XNK lớn trải rộng từ Bắc-Trung-Nam. Mới đây nhất, Tổng cục Hải quan và Cơ quan Phòng chống ma túy và tội phạm Liên hợp quốc (UNODC) tổ chức ra mắt Đơn vị kiểm soát cảng (PCU) và ký biên bản bàn giao những trang thiết bị cho phòng làm việc của PCU và công cụ hỗ trợ PCU thực thi công tác.

Ban quản lý rủi ro cần tiếp tục phối hợp chặt chẽ, hiệu quả với Cục Kiểm tra sau thông quan, với các Cục hải quan địa phương nhanh chóng thu thập thông tin nhằm hoàn thiện việc xây dựng hồ sơ của các doanh nghiệp xuất, nhập khẩu, hồ sơ vi phạm hành chính của doanh nghiệp, bao gồm: Thông tin về người thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; Thông tin về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải, hành lý của hành khách xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; Thông tin về kết quả kiểm tra trong thông quan, kiểm tra sau thông quan, giám sát hải quan, kiểm soát hải quan, thanh tra, điều tra, xử lý vi phạm trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; Thông tin vi phạm pháp luật hải quan, vi phạm pháp luật thuế, vi phạm trong lĩnh vực kế toán, thống kê; Các thông tin khác có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

Cơ quan hải quan cần triển khai và vận dụng hiệu quả các phương pháp thu thập thông tin về doanh nghiệp XNK và hàng hóa xuất nhập khẩu theo một số phương pháp sau:

- Tiếp nhận thông tin về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải, hành lý của hành khách xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh trước khi đến hoặc rời cảng biển, cảng hàng không, cửa khẩu đường bộ, đường sông, đường sắt liên vận quốc tế;

- Tiếp nhận thông tin khai hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải, hành lý của hành khách xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;

- Cập nhật kết quả thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra trong thông quan, kiểm tra sau thông quan, giám sát hải quan, kiểm soát hải quan, thanh tra, điều tra,

xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;

- Kết nối chia sẻ, cập nhật, quản lý hệ thống thông tin về người thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; quá trình hoạt động và chấp hành pháp luật hải quan, pháp luật thuế của người thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;

- Xây dựng hệ thống thông tin hải quan một cửa quốc gia; kết nối, cập nhật, chia sẻ thông tin về chính sách quản lý, chính sách thuế, xuất xứ hàng hóa, các thông tin khác liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh;

- Tăng cường phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tài chính và các cơ quan, đơn vị thuộc các Bộ, ngành liên quan trong việc trao đổi, cung cấp thông tin phục vụ quản lý hải quan, quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;

- Thúc đẩy sự phối hợp trao đổi thông tin với Hải quan các nước, các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan ở nước ngoài;

- Tiếp nhận thông tin của người thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh cung cấp theo quy định của pháp luật;

- Xây dựng cơ chế và định mức mua thông tin phục vụ công tác kiểm tra, phát hiện gian lận thuế;

- Thiết lập đường dây nóng qua cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan, điện thoại, thư điện tử (e-mail) để tiếp nhận các thông tin ở trong và ngoài ngành, trong nước và nước ngoài liên quan đến hoạt động buôn lậu, gian lận thương mại và các hành vi khác vi phạm pháp luật hải quan, pháp luật thuế;

- Thu thập, xác minh thông tin, tài liệu theo các chuyên đề nghiệp vụ hoặc để phân tích các nguy cơ vi phạm pháp luật hải quan, pháp luật thuế trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;

- Thực hiện tổng hợp, phân tích thông tin trên các báo, đài, truyền hình, cổng thông tin điện tử của tổ chức, cá nhân và thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng khác; Tiến hành các biện pháp nghiệp vụ cần thiết khác theo quy định của pháp luật để thu thập thông tin liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

Ban quản lý rủi ro, Cục kiểm tra sau thông quan và các cục hải quan địa phương tiếp tục bổ sung, quản lý và khai thác các nguồn dữ liệu hiện có nhằm phục vụ hiệu quả hoạt động phân luồng hàng hóa, phúc tập hồ sơ và kiểm tra sau thông quan, điều tra chống buôn lậu. Các nguồn dữ liệu bao gồm: Hệ thống thông tin nghiệp vụ hải quan (Hệ thống VCIS); Hệ thống thông quan điện tử tập trung (Hệ thống V5); Hệ thống thông tin quản lý rủi ro (Hệ thống RM); Hệ thống thông tin vi phạm (Hệ thống QLVP14); Hệ thống thông tin quản lý dữ liệu giá tính thuế (Hệ thống GTT01); Hệ thống thông tin kế toán thuế XNK tập trung (Hệ thống KTT59); Hệ thống thông quan tàu biển xuất nhập cảnh (Hệ thống E-Manifest); Hệ thống thông tin quản lý doanh nghiệp phục vụ kiểm tra sau thông quan và quản lý rủi ro (Hệ thống STQ01); Hệ thống thu thập xử lý thông tin nghiệp vụ hải quan (Hệ thống CI02); Hệ thống trao đổi mã số thuế doanh nghiệp (Hệ thống T2C); Các hệ thống thông tin, dữ liệu khác có liên quan.

3.3.5. Giải pháp về tổ chức

Phòng ngừa và đấu tranh chống buôn lậu là cuộc đấu tranh quyết liệt phức tạp và lâu dài, nhất là trong cơ chế thị trường hiện nay. Những năm gần đây công tác này luôn được quan tâm nhưng chưa đạt hiệu quả cao. Một trong những nguyên nhân là công tác tổ chức bộ máy chậm củng cố, chần chừ đúng với yêu cầu đặt ra, lực lượng chống buôn lậu chưa được ổn định, thường xuyên luân chuyển nên thiếu những cán bộ chuyên sâu, chuyên trách. Bởi vậy cần khắc phục tình trạng trên, tiếp tục củng cố bộ máy, nâng cao trách nhiệm, phối các lực lượng trong ngành Hải quan với cơ quan chức năng trong cuộc đấu tranh chống buôn lậu, tiếp cận từng bước hiện đại hóa trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ, cụ thể:

Về công tác tổ chức, bộ máy, trước yêu cầu mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đặt ra cho ngành Hải quan và từng cán bộ công chức Hải quan những cơ hội và thách thức lớn. Trước mắt tiếp tục thực hiện đầy mạnh cải cách hành chính, tiêu chuẩn hóa cán bộ, thực hiện cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết trung ương nhằm xây dựng ngành Hải quan chính quy, hiện đại. Muốn làm tốt điều đó trong thời gian tới cần tập trung làm tốt một số nhiệm vụ sau:

Thứ nhất, củng cố và từng bước hoàn thiện tổ chức bộ máy, trên cơ sở tổ chức biên chế hiện có, căn cứ vào chức năng nhiệm vụ, điều kiện thực tế để sắp xếp cho phù hợp, ổn định ngay tổ chức và biên chế của Đội kiểm soát hải quan, nhất là bộ phận công tác tham mưu, tổng hợp, tham mưu cho lãnh đạo công tác chống buôn lậu cũng như tham gia góp ý, xây dựng các văn bản luật và dưới luật phù hợp với hội nhập, đi sát với thực tiễn công việc

Thứ hai, đổi mới mạnh mẽ trong công tác đánh giá, đề bạt, điều động cán bộ, công chức để đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ. Hạn chế đến mức thấp nhất việc điều động, luân chuyển cán bộ làm công tác chuyên trách chống buôn lậu nhằm ổn định và có tính liên tục trong công việc, bám sát địa bàn. Bên cạnh đó nâng cao nhận thức trong cán bộ, kịp thời phát hiện, ngăn chặn kịp thời tiêu cực đối với những công chức lợi dụng sự tin tưởng của tổ chức mà sách nhiễu, tiếp tay cho buôn lậu.

Thứ ba là không ngừng phối kết hợp với các bên biên phòng, công an.. tổ chức các lớp tập huấn chuyên sâu cho cán bộ kiểm soát chống buôn lậu. Từ đó nâng cao được trình độ chuyên môn nghiệp vụ của mình.

3.3.6. Giải pháp về tuyên truyền

Một là, tăng cường việc tuyên truyền, hỗ trợ thông tin về thủ tục hải quan, thủ tục và nghĩa vụ nộp thuế cũng như cảnh báo các hình thức xử lý vi phạm tới doanh nghiệp xuất nhập khẩu.

Nội dung tuyên truyền hướng tới cộng đồng doanh nghiệp tham gia vào hoạt động xuất, nhập khẩu để vừa giáo dục họ và vừa răn đe không nên có hành vi trục lợi, gian lận thuế cũng như không thông đồng với công chức hải quan vi phạm pháp luật hải quan. Các nội dung bao gồm: các quy định liên quan đến hành vi gian lận thuế, trốn thuế và các hành vi vi phạm hải quan chịu sự điều chỉnh trong luật Hải quan 2014, Luật thuế xuất nhập khẩu 2005, Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi 2013, Luật quản lý thuế sửa đổi 2012 , Luật xử lý vi phạm hành chính 2012, Luật sở hữu trí tuệ sửa đổi 2009 và Bộ luật tố tụng hình sự sửa đổi 2003. Ngoài ra, cơ quan hải quan cũng tuyên truyền các Nghị định, quyết định của Chính phủ, các thông tư, quyết định của Bộ tài chính có liên quan.

Hình thức tuyên truyền cần đa dạng hơn và hiệu quả hơn. Các hình thức điển hình như: trên trang web của Tổng cục Hải quan, của các Cục hải quan địa phương và của các Hiệp hội doanh nghiệp xuất nhập khẩu, hiệp hội doanh nghiệp vừa và nhỏ; trên tạp chí, báo chuyên ngành của Cơ quan hải quan, báo của các hiệp hội; cung cấp miễn phí văn bản pháp luật cho các trang web chuyên cung cấp văn bản trên mạng; Tổ chức hội thảo chuyên đề giới thiệu các quy định; ban hành các ấn phẩm định kỳ thống báo các hành vi gian lận thuế, các danh nghiệp vi phạm và có hành vi gian lận thuế; khuyến khích các hiệp hội tham gia tuyên truyền và trên các phương tiện truyền hình và đài báo.

Hai là, tăng cường tính tuân thủ thuế tự nguyện của chủ doanh nghiệp XNK thông qua việc cải thiện tinh thần thuế của chủ các doanh nghiệp. Điều này được thực hiện qua các chương trình hỗ trợ, tuyên truyền pháp luật thuế đến với các doanh nghiệp, giúp họ nhận thức tốt hơn về quyền, nghĩa vụ thuế và đặc biệt là các hình phạt có thể đối với hành vi gian lận thuế; triển khai hiệu quả thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/08/2014 về cải cách hành chính trong khai và nộp thuế, giảm chi phí tuân thủ thuế cho doanh nghiệp XNK. Tổng cục Hải quan cũng cần phối hợp và phát huy vai trò quan trọng của Phòng thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các Hiệp hội như :Hiệp hội doanh nghiệp xuất nhập khẩu Việt Nam, Hiệp hội DNNVV và các Hiệp hội doanh nghiệp trong từng lĩnh vực sản xuất để tuyên truyền pháp luật thuế, tinh thần thuế và tính tuân thủ thuế tới các doanh nghiệp XNK.

Ba là, có những hình thức khen thưởng và hình phạt thích đáng đối với doanh nghiệp XNK vi phạm. Bên cạnh việc công khai những ưu đãi trong thực hiện thủ tục hải quan, ân hạn thuế đối với doanh nghiệp ưu tiên (AEO), doanh nghiệp tuân thủ tốt thì cũng cần công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng các doanh nghiệp XNK bị truy tố hình sự. Đối với những vụ án điển hình gian lận thương mại, buôn lậu có tính chất và mức độ nghiêm trọng thì cần nhanh chóng đưa ra xét xử nghiêm minh để tạo ra tính thực thi và răn đe đối với những doanh nghiệp đang có động cơ gian lận.

3.3.7. Giải pháp về phối hợp giữa các lực lượng tham gia kiểm soát, đảm bảo an ninh nơi đường biên

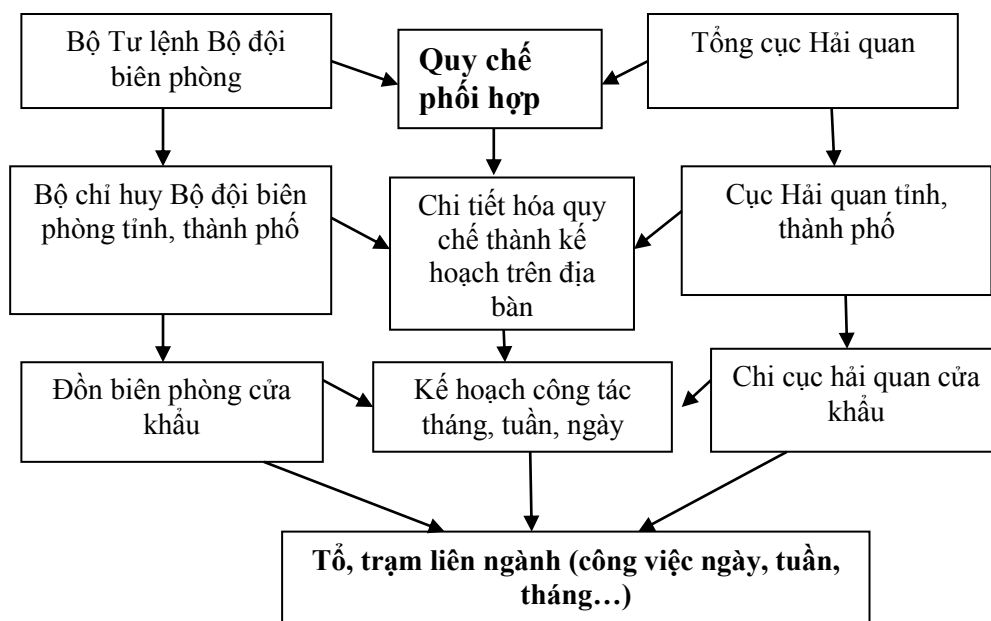
Công tác quản lý hàng hóa xuất- nhập khẩu qua biên giới Việt- Trung là một công tác mang tính chất chuyên ngành và liên ngành. Tính chất chuyên ngành thể hiện ở những kiến thức và kỹ năng sâu về quản lý hàng hóa xuất- nhập khẩu về số lượng, chất lượng, mã số, các loại chứng từ hải quan, thủ tục, hồ sơ, trình độ chuyên môn về kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan. Tính chất liên ngành thể hiện việc quản lý hải quan có liên quan chặt chẽ với bộ đội biên phòng, cảnh sát kinh tế, cảnh sát hình sự cũng như các bộ ban, ngành như Bộ Công Thương, Bộ Quốc phòng, Ủy ban nhân dân các tỉnh, Ban biên giới chính phủ, các tầng lớp nhân dân, tổ chức xã hội và các địa phương khác...không chỉ liên quan đến hàng hóa mà còn cả phương tiện và đối tượng xuất- nhập cảnh, các loại tội phạm xuyên quốc gia, các thế lực thù địch... Vì thế, để quản lý có hiệu quả cần có giải pháp phối hợp giữa các cơ quan này.

Sự phối hợp có thể thực hiện theo hai phương án là phối hợp liên ngành và phối hợp theo địa bàn cửa khẩu biên giới.

Sự phối hợp liên ngành thường gắn với việc xử lý các vấn đề đòi hỏi sự quan tâm của nhiều cơ quan, ban, ngành như ngành hải quan, ngành công thương, ngành công an... Các vấn đề phối hợp liên ngành thường có những điểm giống nhau do bản chất của vấn đề quyết định. Vì thế cơ chế phối hợp liên ngành cần gắn với những vấn đề mang tính chuyên sâu. Sự phối hợp này có thể thường xuyên hoặc định kỳ thậm chí có thể theo vụ việc, tùy thuộc tính chất, tầm quan trọng và phạm vi ảnh hưởng của vấn đề. Nếu phối hợp liên ngành, hải quan phải là cơ quan chủ trì và các cơ quan khác hỗ trợ. Quan hệ giữa cơ quan hải quan và các ngành khác cần được quy định cụ thể và có kế hoạch công tác chi tiết đối với từng vụ việc cũng như có biên bản ghi chép tiến trình thực hiện và kết quả đạt được để rút kinh nghiệm cho các lần phối hợp tiếp theo. Chẳng hạn, việc chống buôn lậu và gian lận thương mại cần sự phối hợp giữa nhiều ngành liên quan trong đó cần vai trò chủ trì của lực lượng hải quan.

Cơ chế phối hợp liên ngành thể hiện giữa cấp Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng và Tổng cục Hải quan tiếp tục quán triệt trong các đơn vị trực thuộc triển khai sâu, rộng các nhiệm vụ chung được cụ thể hóa tại Quy chế phối hợp được hai bên ký kết. Theo đó, Cục Hải quan tỉnh, thành phố và Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng các tỉnh, thành phố thực hiện tổ chức rà soát lại công tác phối hợp, xây dựng và ký kết các Quy chế phối hợp hai lực lượng tại địa bàn. Tại một số tỉnh, thành phố, do cơ

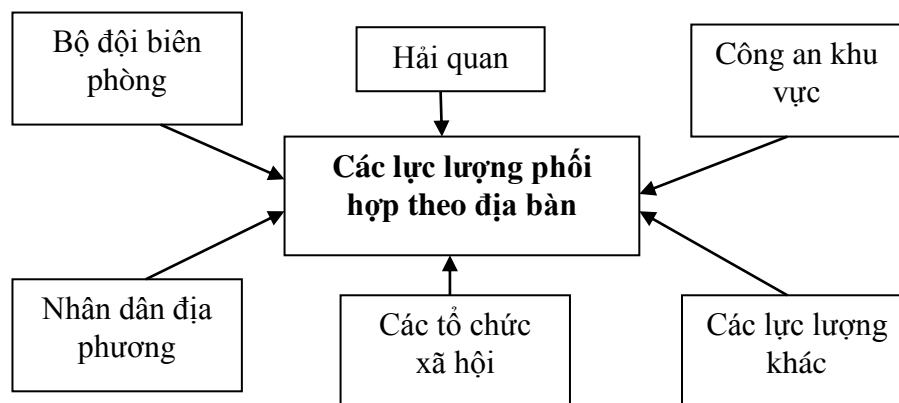
cấu tổ chức của BDBP và Hải quan khác nhau, những Cục Hải quan địa phương không có lực lượng Biên phòng chủ động ký quy chế với Biên phòng ở địa phương khác có liên quan để phối hợp hoạt động. Các Chi cục Hải quan cửa khẩu và Đoàn Biên phòng cửa khẩu căn cứ đặc điểm, tình hình công tác và địa bàn hoạt động để tiếp tục ký kết Quy chế hoặc Kế hoạch phối hợp hoạt động ở cấp cơ sở. Phía dưới các cấp này là các tổ, trạm liên ngành, được mô tả trong hình 3.1 dưới đây.



Hình 3.1: Cơ chế phối hợp liên ngành các cấp nhằm tăng cường quản lý

Sự phối hợp theo địa bàn thường gắn với nhiều lực lượng tại từng cửa khẩu cụ thể cho nên chính quyền địa phương và cơ quan hải quan như hải quan, bộ đội biên phòng, công an khu vực, lực lượng nhân dân địa phương, các tổ chức xã hội cũng như các lực lượng khác như từ lực lượng từ các địa phương khác... cần có mối quan hệ công tác chặt chẽ đặc biệt là hải quan cửa khẩu và Ủy ban nhân dân tỉnh có cửa khẩu. Sự phối hợp này nhằm sử dụng có hiệu quả lực lượng trên địa bàn vào thực hiện nhiệm vụ cần thiết và cần thống nhất cơ chế thực hiện để tránh tình trạng chồng chéo nhiệm vụ hoặc lãng tránh trách nhiệm của các lực lượng có liên quan. Đồng thời, cần có quy định cơ quan chủ trì hoặc chỉ đạo các lực lượng này trong quá trình phối hợp như công tác phòng chống buôn bán chất ma túy, động vật hoang dã, các loại hàng hóa thuộc danh mục bị cấm mua- bán, xuất- nhập khẩu tại các cửa khẩu trên biên giới Việt- Trung. Sự phối hợp theo địa bàn nhằm tận dụng sự hiểu biết địa bàn của các lực lượng tại chỗ để giải quyết các vụ việc nhanh chóng hơn như hiểu biết đặc điểm, địa

điểm, thời gian, quy luật, tần suất hoạt động của đối tượng cũng như kinh nghiệm xử lý các vấn đề tương tự trước đó. Việc phối hợp theo địa bàn nên lấy lực lượng của địa bàn Ủy ban nhân dân làm nòng cốt và cơ quan hải quan hỗ trợ trực tiếp về chuyên môn. Ở phạm vi hẹp là thành lập các tổ, trạm liên ngành kể các các đơn vị có khả năng phản ứng nhanh, lưu động với các tình huống cấp bách. Trách nhiệm giữa các lực lượng cần được xác định rõ ràng để tránh chồng chéo hoặc bỏ sót nhiệm vụ được thể hiện trong hình 3.2:



Hình 3.2: Cơ chế phối hợp theo địa bàn nhằm tăng cường quản lý

Bên cạnh việc phối hợp xây dựng quy chế, cụ thể hóa cơ chế và xây dựng các kế hoạch hành động cụ thể, chi tiết đối với từng đơn vị còn coi trọng việc trao đổi thông tin liên tục và toàn diện giữa các bộ phận để có thể nhanh chóng phối hợp công tác có hiệu quả đặc biệt trong những tình huống cấp bách. Điều đó đòi hỏi việc xây dựng cơ chế thu thập, tập hợp, hệ thống hóa, xử lý và truyền thông tin giữa các bộ phận sao cho đạt hiệu quả cao nhất.

Công tác phối hợp trao đổi thông tin phải được hai lực lượng bộ đội biên phòng và hải quan thực hiện tốt cả ở cấp trung ương và địa phương, cụ thể là:

Ở cấp Bộ Tư lệnh BDBP và Tổng cục Hải quan, công tác phối hợp trao đổi thông tin được thông qua các cuộc họp xây dựng các quy chế, hiệp định song phương, đa phương, triển khai thực hiện hoạt động kiểm tra một cửa, một điểm dừng tại các cặp cửa khẩu biên giới đường bộ trong khuôn khổ thực hiện Hiệp định cần quán triệt phương châm tạo tạo thuận lợi đến mức cao nhất vận tải hàng hóa và người qua lại biên giới giữa các nước tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng (Hiệp định GMS)... trao đổi thông tin giữa Hải quan, Biên phòng và Công an về tình hình và công tác quản lý phương tiện vận tải tạm nhập - tái xuất qua các cửa khẩu; cung cấp thông tin về đối tượng xuất- nhập cảnh qua các cửa khẩu biên giới đường bộ và

đường biên để phục vụ công tác nghiệp vụ; cung cấp thông tin quy trình nghiệp vụ hải quan điều tra, xử lý vụ việc cụ thể đều được duy trì tốt.

Ở cấp tỉnh, thành phố: BCH Biên phòng, Cục Hải quan tỉnh, cấp Chi cục Hải quan và Đồn, Trạm Biên phòng cửa khẩu duy trì công tác giao ban định kỳ nghiêm túc. Việc trao đổi thông tin giữa hai lực lượng giữa các cấp được thực hiện bằng nhiều hình thức đa dạng và phù hợp với điều kiện của các bên như trao đổi định kỳ thông qua các cuộc họp giao ban hoặc trao đổi đột xuất khi có những vụ việc cần có sự thống nhất. Đặc biệt ở cấp cơ sở, hai lực lượng cần chủ động, kịp thời thông báo qua lại lẫn nhau những quy định mới, những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, những văn bản chỉ đạo của ngành liên quan đến công tác bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia, kiểm soát xuất nhập cảnh, chính sách thương mại, quản lý xuất- nhập khẩu, phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại như Luật biên giới quốc gia, Luật Hải quan, Pháp lệnh Bộ đội biên phòng hay các quy định mới về quản lý hoạt động hàng hải tại cảng biển, Quy chế khu vực biên giới biển, Quy chế biên giới đất liền, Quy chế cửa khẩu biên giới đất liền, địa bàn hoạt động hải quan, quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan...và nhiều văn bản khác liên quan đến hoạt động của mỗi bên. Đồng thời cần tổ chức hướng dẫn lẫn nhau những yêu cầu, nội dung cần thực hiện để lực lượng này hiểu rõ được tính chất công việc của lực lượng kia cũng như trách nhiệm, quyền hạn chung của hai lực lượng.

Những thông tin cần được trao đổi thường xuyên khác như âm mưu, phương thức thủ đoạn chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch; tình hình trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn; những cơ chế, chính sách kinh tế, đối ngoại của nước láng giềng liên quan, ảnh hưởng đến hoạt động thương mại Việt Nam; công tác kiểm soát xuất- nhập cảnh, xuất- nhập khẩu; tình hình buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới, phương thức, thủ đoạn hoạt động của các đối tượng vi phạm; những sơ hở trong cơ chế, chính sách dễ bị lợi dụng; kết quả trong triển khai thực hiện công tác cũng như khó khăn, vướng mắc của mỗi bên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; vấn đề đầu tư trang thiết bị, hiện đại hoá của mỗi bên... cần được hai lực lượng ở địa phương duy trì trao đổi thường xuyên, qua đó cùng phối hợp đề ra các giải pháp, biện pháp thực hiện nhiệm vụ của mỗi lực lượng đạt hiệu quả cao hơn.

Đối với công tác phối hợp kiểm soát, kiểm tra xuất nhập cảnh, xuất nhập khẩu tại cửa khẩu, hai lực lượng Hải quan và Biên phòng cần coi trọng sắp xếp, bố trí cán bộ có năng lực, kinh nghiệm, có phẩm chất tại cửa khẩu đảm bảo kiểm soát chặt chẽ người, phương tiện xuất nhập cảnh và hàng hoá xuất nhập khẩu tại khu vực

cửa khẩu. Việc bố trí máy móc, trang thiết bị chuyên dùng đảm bảo khoa học, hợp lý, từng bước nâng cấp, trang bị máy móc thiết bị hiện đại, tiên tiến đáp ứng yêu cầu kiểm tra, kiểm soát, giám sát người, hàng hoá, phương tiện trong tình hình mới. Quy trình thủ tục hải quan, biên phòng cần thực hiện theo hướng ngày càng thông thoáng, minh bạch, tạo thuận lợi tối đa cho hoạt động thương mại nhưng vẫn đảm bảo kiểm soát người, phương tiện, hàng hoá thông qua các biện pháp nghiệp vụ của mỗi lực lượng.

Trên thực tế, mỗi lực lượng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn riêng, có tính chất đặc thù, nhưng trên thực tế công tác những năm qua, cán bộ, chiến sĩ của hai lực lượng đã luôn phối hợp chặt chẽ với nhau để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đảm bảo thực hiện đúng quy trình thủ tục, bên này không can thiệp vào quy trình nghiệp vụ của bên kia, không để xảy ra tình trạng chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ.

Về phối hợp trong công tác bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới được xác định là nhiệm vụ trọng tâm trong tình hình mới của cả hai lực lượng. Lãnh đạo hai lực lượng Biên phòng - Hải quan từ trung ương tới các tỉnh, thành phố thường xuyên đôn đốc, chỉ đạo các đơn vị làm nhiệm vụ ở các cửa khẩu phối hợp chặt chẽ với nhau trong công tác bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia và duy trì an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong khu vực biên giới, cửa khẩu. Chủ động phối hợp xây dựng kế hoạch hiệp đồng trong tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, thiên tai dịch bệnh tại cửa khẩu, trên biên giới, trên biển. Trong kế hoạch, hai bên cần xác định nhiệm vụ cụ thể của từng lực lượng và dự kiến tình huống có thể xảy ra để chủ động sẵn sàng hỗ trợ nhau.

Coi trọng việc hướng dẫn các doanh nghiệp, hành khách chấp hành nghiêm chỉnh sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định khi xuất- nhập cảnh, xuất- nhập khẩu hàng hoá.

Phối hợp trong đấu tranh, ngăn chặn các hoạt động lấn chiếm biên giới; phối hợp làm tốt công tác quản lý, bảo vệ cơ quan, đơn vị, hỗ trợ nhau giải quyết các vụ việc xảy ra ở địa bàn biên giới, cửa khẩu.

Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân được nhiều địa phương thực hiện rất tốt bằng cả hình thức trực tiếp hoặc thông qua các phương tiện thông tin đại chúng để tuyên truyền tới đồng bào, nhân dân các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của hai Ngành... Qua đó xây dựng được niềm tin yêu trong dân, giúp cho người dân ý thức tổ giác các hành vi sai trái gây

ảnh hưởng xấu đến lợi ích quốc gia, lợi ích cộng đồng; ý thức tổ giác tội phạm; ý thức không tham gia, tiếp tay cho các hành vi vi phạm pháp luật; ý thức chấp hành đúng chính sách pháp luật của Nhà nước.

Về phối hợp tác chiến trong thực hiện nhiệm vụ phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển hàng hoá trái phép qua biên giới. Đây là nhiệm vụ được hai lực lượng quan tâm thực hiện. Đối với những vụ việc liên quan đến chủ quyền, an ninh quốc gia như xâm nhập biên trái phép, vận chuyển vũ khí, chất nổ do Hải quan phát hiện, bắt giữ được bàn giao lại cho lực lượng Bộ đội biên phòng hoặc ngược lại, những vụ việc vi phạm liên quan đến hoạt động buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới do lực lượng Bộ đội biên phòng phát hiện, bắt giữ được bàn giao lại cho lực lượng Hải quan xử lý theo đúng thẩm quyền.

Hoạt động phối hợp tuần tra, kiểm soát cần được hai lực lượng chủ lực này ở cơ sở thực hiện thường xuyên hơn. Tại những địa bàn, khu vực có diễn biến phức tạp về chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới, có dấu hiệu hoạt động của đối tượng buôn lậu (cả trên biển lẫn trên bộ) cần được hai lực lượng thống nhất xác định trọng điểm, tăng cường tuần tra để kịp thời phát hiện, ngăn chặn và có biện pháp đấu tranh đối với những vi phạm như xâm canh, xâm cư, lấn chiếm biên giới, buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới. Tại các địa phương, hai lực lượng cần thống nhất thành lập các Tổ, Trạm liên ngành chuyên trách làm công tác tuần tra bảo vệ biên giới, chống buôn lậu như ở Lạng Sơn, Quảng Ninh... Trên thực tế, mô hình Tổ, Trạm liên ngành phát huy hiệu quả tốt, là hình mẫu để các địa phương khác tham khảo, học tập, nhân rộng.

Việc sử dụng phương tiện phục vụ công tác nghiệp vụ ở khu vực cửa khẩu được hai lực lượng ở các địa phương thực hiện tương đối linh hoạt; phương tiện của lực lượng nào tốt, hiệu quả thì được sử dụng kiểm tra chung hoặc chia sẻ thông tin cho nhau (máy soi hàng hoá, hệ thống camera quan sát...). Với cách làm trên đã phát huy tối đa hiệu quả của máy móc, phýõng tiện, đồng thời giảm chi phí đáng kể về ngân sách Nhà nước, tạo sự gắn kết trong thực hiện nhiệm vụ và loại bỏ được hiện tượng cục bộ, khép kín. Qua đó, tạo nên sự thống nhất trong công tác kiểm soát và xử lý vụ việc xảy ra ở cửa khẩu.

Hiệu quả từ công tác phối hợp với lực lượng Bộ đội Biên phòng góp phần quan trọng vào kết quả công tác đấu tranh phòng, chống buôn lậu của lực lượng Hải quan trong những năm qua. Chỉ tính riêng trong 5 năm trở lại đây (từ năm 2011 - 2015), ngành Hải quan phát hiện, bắt giữ, xử lý 91.112 vụ việc vi phạm, trị giá hàng

hóa vi phạm khoảng trên 2.627,5 tỷ đồng. Điều đó cho thấy tầm quan trọng cũng như kết quả đạt được đáng kể của việc phối hợp công tác.

Kết luận chương 3

Trên cơ sở thực tiễn từ Chương 2 và khung pháp lý đang có ở Chương 1 để từ đó có cái nhìn tổng quát, khách quan, đi sát vào thực tế của pháp luật Việt nam. Chương 3 đã đưa ra những giải pháp, đề xuất nhỏ mong muốn đóng góp một phần nào đó hoàn thiện khung pháp luật Việt Nam cũng như giải pháp hỗ trợ khung pháp lý ấy phát huy hiệu quả của mình trong việc kiểm soát hàng hoá nhập khẩu thông quan tại các cửa khẩu biên giới Việt trung.

KẾT LUẬN

Công cụ pháp lý luôn đóng vai trò quan trọng chốt trong việc giữ bảo đảm an ninh kinh tế; vừa là đòn bẩy cũng vừa là hàng rào bảo vệ nền kinh tế đất nước. Đặc thù khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc tương đối nhạy cảm, lợi dụng kẽ hở trong quản lý cũng như chính sách pháp luật để buôn lậu, gian lận, trốn thuế. Nền kinh tế hội nhập, mở cửa theo đúng tinh thần của Đại hội Đảng XII đặt ra càng nhiều thách thức, bởi vậy vấn đề kiểm soát được đưa lên hàng đầu. Các lực lượng gác cửa biên giới luôn luôn cảnh giác với những diễn biến, thủ đoạn không ngừng gia tăng, bởi vậy việc hoàn thiện pháp luật Việt Nam phù hợp với tình hình phát triển chung của thế giới, các công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia ký kết là vô cùng quan trọng. Với những nghiên cứu, nhận định, đánh giá được đề cập trong 3 chương của luận văn hi vọng phần nào góp tiếng nói của mình để có thể hoàn thiện hơn nữa, đi sâu đi sát vào thực tế hàng hóa nhập khẩu tại khu vực biên giới Việt - Trung để từ đó hoàn thiện hơn khung pháp lý sao cho thuận lợi nhất đối với việc mở rộng giao thương hợp tác trao đổi thương mại hàng hóa giữa hai nước Việt - Trung nhưng vẫn đảm bảo an ninh, kinh tế, xã hội, kiểm soát hàng hóa ngay từ khâu nhập khẩu.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Công thương, thông tư số 217/2015/TT – BCT ngày 30/12/2015 của Bộ Công thương quy định chi tiết hoạt động mua bán hàng hóa qua biên giới của thương nhân tại Quyết định số 52/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý hoạt động thương mại biên giới với các nước có chung biên giới.
2. Bộ Công thương, thông tư 42/2012/TT-BCT về Danh mục hàng hóa được sản xuất từ nước có chung biên giới nhập khẩu vào Việt Nam dưới hình thức mua, bán, trao đổi hàng hóa cư dân biên giới do Bộ Công thương ban hành, 27/12/2012
3. Bộ tài chính, thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.
4. Bộ tài chính, thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về trị giá hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.
5. Bộ tài chính, quyết định số 1016/QĐ-BTC ngày 11/05/2010 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Điều tra chống buôn lậu trực thuộc Tổng cục Hải quan.
6. Các thỏa thuận, biên bản ghi nhớ về hợp tác chống buôn lậu giữa Tổng cục Hải quan Việt Nam và Tổng cục Hải quan CHND Trung Hoa.
7. Chính phủ, nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.
8. Chính phủ, nghị định 08/2015/NĐ – CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.
9. Chính phủ, nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài.
10. Chính phủ, nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12/3/2015 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2015 – 2016.

11. Giáo trình lí luận chung về nhà nước và pháp luật Trường đại học Luật HN.
12. Hiệp định thương mại giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (1991), 01/01/1994
13. Hiệp định về Quy chế quản lý biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc ngày 18/11/2009.
14. Hiệp định về mua bán hàng hóa vùng biên giới giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ nước CHND Trung Hoa.
15. Hiệp định về mua bán hàng hóa vùng biên giới giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ nước CHND Trung Hoa.
16. Quốc hội, nghị quyết đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII ngày 28/01/2016.
17. Quốc hội, nghị quyết số 22-NQ/Tv về hội nhập quốc tế
18. Quốc hội, luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/HQ13 ngày 26/11/2015.
19. Quốc hội, luật Hải quan số 54/2014/QH12.
20. Quốc hội, luật Thương mại số 36/2005/QH11 năm 2005 ngày 14/06/2005
21. Quốc hội, luật sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005. Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11.
22. Quốc hội, bộ Luật Tố tụng hình sự năm 2003 được sửa đổi, bổ sung Bộ Luật Tố tụng hình sự năm 2015.
23. Thủ tướng Chính phủ, quyết định số 52/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý hoạt động thương mại với các nước có chung biên giới.
24. Thủ tướng Chính phủ, quyết định số 65/2010/QĐ-TTg ngày 25/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế về trách nhiệm và quan hệ phối hợp hoạt động giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác đấu tranh phòng, chống buôn lậu, hàng giả và gian lận thương mại.
25. Thủ tướng Chính phủ, chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 05/8/2014 về tăng cường quản lý và cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế, hải quan.
26. Tổng cục hải quan, quyết định số 1843/QĐ-TCHQ ngày 22/9/2011 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về hoạt động nghiệp vụ kiểm soát hải quan.
27. <http://www.customs.gov.vn/Lists/VanBanPhapLuat/ViewDetails.aspx?List=b83d206>

2-3090-4797-af61-

28. <http://www.customs.gov.vn/Lists/VanBanPhapLuat/ViewDetails.aspx?List=b83d2062-3090-4797-af61-7498eff47f51&ID=3937&Web=c00daeed-988b-468d-b27c-717ca31ae3ff>
29. www.customs.gov.vn
30. <http://songoaivu.caobang.gov.vn/node/72>
31. <http://news.zing.vn/nga-siet-chat-kiem-soat-thuc-pham-nhap-khau-tu-tho-nhi-ky-post604708.html>;
32. <http://www.vietnamplus.vn/ec-kiem-soat-chat-viec-nhap-khau-thep-tu-trung-quoc-va-nga/361340.vnp>
33. <http://www.customs.gov.vn/Lists/TinHoatDong/ViewDetails.aspx?ID=17456>
34. <http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/The-gioi-van-de-su-kien/2010/2860/Quan-he-kinh-te-Viet-Nam-Trung-Quoc.aspx>
35. <http://www.quangninh.gov.vn/vi-VN/Trang/defaultHome.aspx>
36. http://www.langson.gov.vn/bm_gis
37. <http://www.laocai.gov.vn/Default.aspx?sname=ubnd-laocai&sid=4&pageid=468>
38. <http://www.caobang.gov.vn/>
39. <http://vov.vn/kinh-te/vung-bien-mau-mong-cai-cam-bien-va-nhung-vuong-mac-noi-tai-364926.vov>